BÁCH KHOA

SỐ 46 — NGÀY 1-12-1958

Trong số này :

HUỲNH-VĂN-LANG Gian lận ngoại tệ.

HOÀNG-MINH-TUYNH Chế độ dân chủ mác-xít.

TIỂU-DÂN Hậu phương trong chiến lược hiện đại.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ Vương-Dương-Minh.

ĐÔNG-HỒ Chung quanh bài thơ Thăng-Long hoài cổ.

SONG-AN CƯ-SĨ Liên-bang Mã-lai.

CÔ LIÊU Thế hệ J3 tại Anh và Pháp.

ĐOÀN-THÊM Vài nhận xét nhân dịp đi thăm các nhà sách.

LƯU-NGUYÊN Đ.T.T. Pasternak.

Bà VÂN-TRANG Hai thế giới (truyện ngắn).

HOÀNG-KHANH Chuyện lòng (thơ).

HY-VĂN Con trâu đi cày (thơ).

NGUY-TÀN-THƯƠNG Hòn vương tóc mịn (thơ).

LƯU-KIẾM Hoài (truyện ngắn).

B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Từ điển y ngữ.

KIỀU-YIÊU Xảo kế (dịch Liêu-trai).

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) Khói lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie củ" 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu "Ích-Thọ-Tửu"

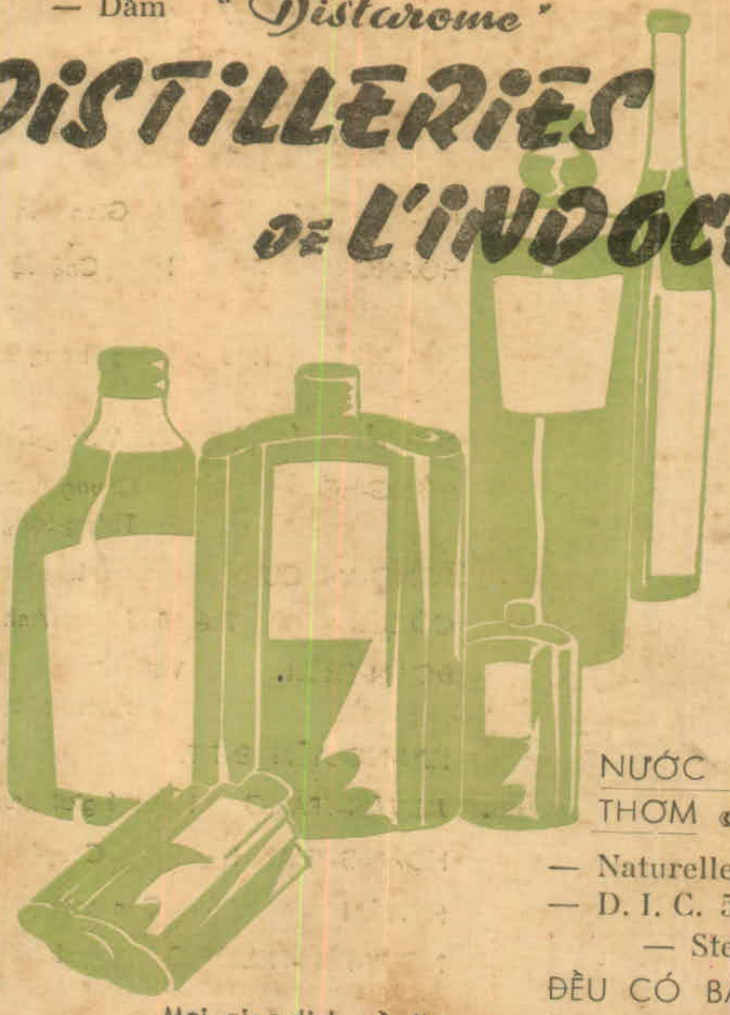
SI-RÔ "Verigoud" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "Distarome"

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY **(S.F.D.I.C.)**
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ **(S.I.C.A.)** — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON



COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN
18 $

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

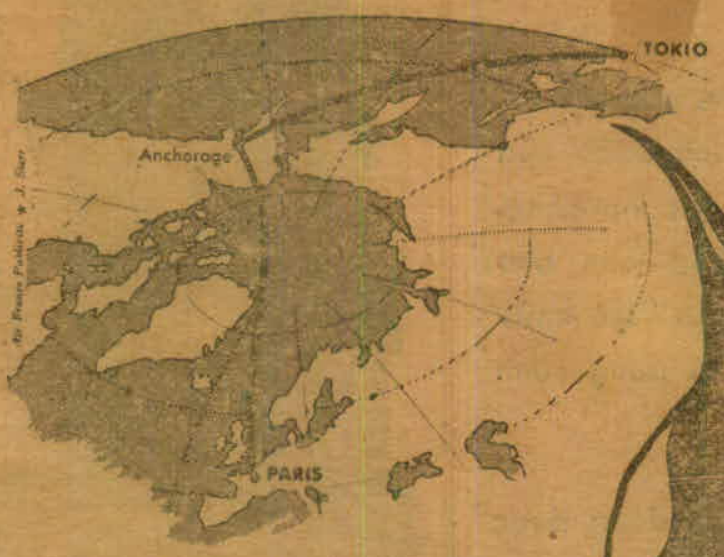
RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

AIP 57


"33"
EXPORT
BRASSERIES & GLACIERES DE L'INDOCHINE
33
EXPORT



TOKIO-Paris par le pôle...

Air France inaugure au mois d'Avril la ligne la plus rapide au départ d'Europe à destination du Japon.

TOKIO-PARIS EN MOINS DE 30 H. DE VOL.

C'est grâce au fameux Superstarliner, l'appareil commercial au plus long rayon d'action du monde qu'Air France va pouvoir relier Tokio à Paris avec une seule escale à Anchorage (Alaska).

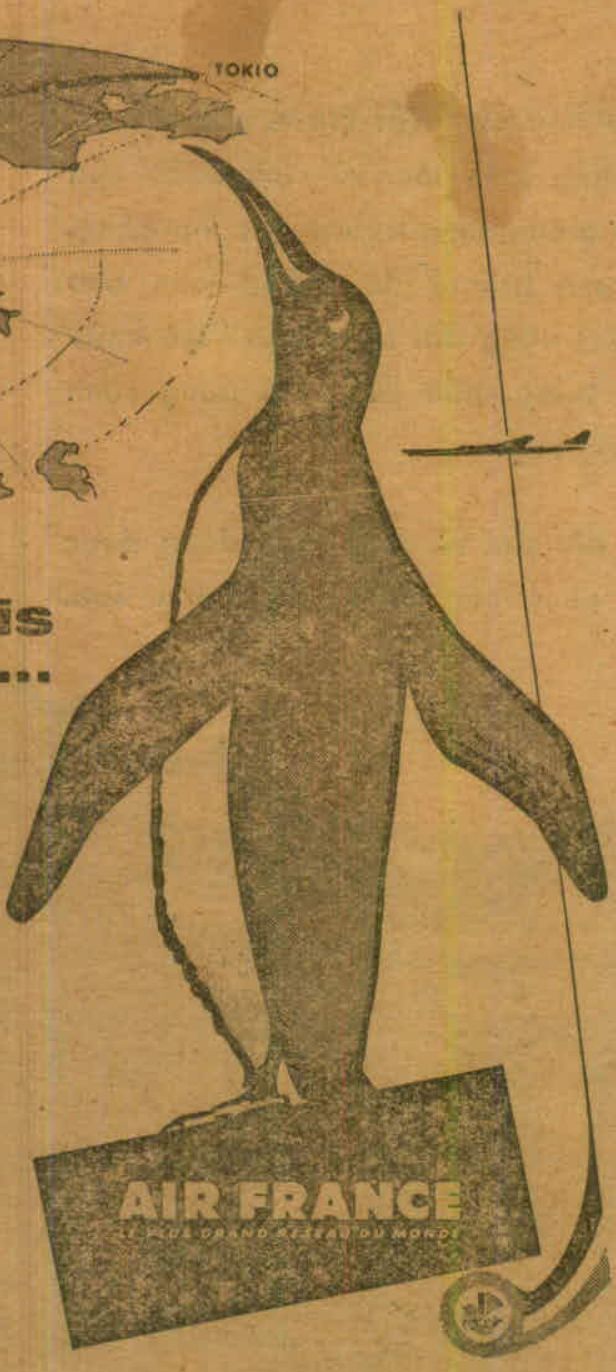
PAR LA ROUTE DES AURORES BORÉALES.

La route polaire Air France traverse la zone calme où s'éploient les aurores boréales. Sereine, elle survole les territoires du grand nord jalonnés de nombreux aérodromes.

AU DEPART DE SAIGON. Air France offre désormais à ses passagers à destination de Paris le choix entre la route polaire et celle des Indes et de la Birmanie.

Trois vols par semaine mettent TOKIO à 12 heures de SAIGON.

Lundi via Hongkong
Mercredi via Manille
Vendredi via Manille.



SAIGON, 12 Bd THONG-NHUT — Tel : 20.981 à 20.984

ET TOUTES AGENCES DE VOYAGES AGRÉÉES

HUE

HUẾ là nơi hòa hợp **Việt-Nam** xưa và nay, là nơi có những lăng-tẩm cổ-kính ngàn xưa soi mình trên giòng sông Hương đầy thơ-mộng. HUẾ, thành phố lịch-sử đã chứng kiến bao cuộc biến-thiên trong đời sống dân Việt, ngày nay chờ đón bước chân du-khách trong cảnh thanh-bình đặc biệt.

Tại đây, đền-đài và cung-điện đang được trùng-tu để phục hồi nét mỹ-lệ ngàn xưa.



Đường-sá bị chiến-tranh tàn phá cũng được sửa chữa, để trả lại cho du-khách cái thú du-lịch bằng xe hơi. Và tại đây, cũng như tại khắp nơi khác trên giải đất Việt-Nam, hãng **STANVAC** luôn luôn sẵn-sàng cung-cấp cho du-khách những xăng, dầu, mỡ và kỹ-thuật thượng hạng đã được nghiên-cứu kỹ-lưỡng để cho xe chạy vừa êm, vừa tốt.

STANDARD - VACUUM OIL COMPANY

BÁCH-KHOA

Số 46 — Ngày 1-12-1958

		Trang
HUỲNH-VĂN-LANG	*Gian lận ngoại tệ* . . .	3
HOÀNG MINH-TUYNH	*Chế độ dân chủ mác-xít* . . .	6
TIỀU-DÂN	*Hậu phương trong chiến lược hiện đại*	12
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Vương-Dương-Minh*	16
ĐÔNG-HỒ	*Chung quanh bài thơ Thăng-Long hoài cổ*	24
SONG-AN CƯ-SĨ	*Liên-Bang Mã-lai*	29
CÔ-LIÊU	*Thế hệ J 3 tại Anh và Pháp.*	37
ĐOÀN-THÊM	*Vài nhận xét nhân dịp đi thăm các nhà sách*	43
LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.	*Pasternak.*	48
Bà VÂN-TRANG	*Hai thế giới* (*truyện ngắn*). .	59
HOÀNG-KHANH	*Chuyện lòng* (*thơ*).	69
HY-VĂN	*Con trâu đi cày* (*thơ*)	70
NGỤY-TẦN-THƯƠNG	*Hồn vương tóc mịn* (*thơ*) . . .	70
LƯU-KIẾM	*Hoài* (*truyện ngắn*)	71
B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	*Từ điển y ngữ*	79
KIỀU-YIÊU (dịch Liêu-Trai)	*Xảo kế*	83
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	*Khói lửa kinh thành*	86

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

BÍCH-QUANG	:	*Lý tưởng với cuộc đời.*
HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Chế độ dân chủ mác-xít.*
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	:	*Rừng ở Trung-Việt.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Kỷ luật phải xây dựng trên qui tắc nào ?*
SONG-AN CƯ-SĨ	:	*Tito, Cộng-sản quốc tế hay quốc gia ?*
CÔ-LIÊU	:	*Hội nghị quốc tế nghiên cứu phụng sự Hòa bình.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Vợ, con và nước.*
LƯU-NGUYỄN	:	*Tiếng ta với sự phổ nhạc và cách hát ngày nay.*
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	:	*Thú chơi sách.*
NGUYỄN-HỮU-NGƯ	:	*Trúc-Hà Trần-Thiêm-Thới, nhà giáo, nhà báo, nhà văn khả ái miền Nam.*
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	:	*Tôi đóng phim bên Anh.*
HUY-TRÂM	:	*Trưa vàng (truyện ngắn).*
NGUYỄN-PHÚC	:	*Đêm không hết (truyện ngắn).*
LAN-ĐÌNH	:	*Nhà mới (truyện ngắn).*
KIỀU-YIÊU	:	*Ái-nô (dịch Liêu trai).*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. Sg. 342.

Nhà in : 412-414, *đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON*

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

GIAN LẬN NGOẠI TỆ?

HUỲNH-VĂN-LANG

Nước Nhật to lớn, kinh tế mạnh mẽ, mà ghé trong 24 tiếng đồng hồ thì làm sao có đủ thì giờ để xem qua, nhứt là khi mới biết lần đầu tiên. Nhưng một ít tin tức nghe hay đọc được cũng bắt phải có ít nhận xét. Có lẽ những nhận xét của người viết còn nông cạn. Song không phải vì thế mà không trình bày ra đây để bạn đọc suy nghĩ và để Chánh quyền tìm biện pháp thích nghi.

Theo nguyên tắc thì ngoại trú nhân không được tự tiện có ngân khoản ở nước Nhật và người Nhật không được tự do giữ tiền của ngoại trú nhân. Phần khác, hàng hóa xuất cảng phải theo giá chánh thức nhứt định. Luật là luật, nên vẫn có những nhà xuất cảng cạnh tranh nhau bán dưới giá chánh thức và giấu tiền cho người mua hàng ngoại quốc. Gần đây, chánh phủ đã tìm ra được những chỗ gian lận ấy và phạt nặng. Trong số ấy có nhiều nhà xuất cảng hàng hóa qua Việt-Nam. Nghĩa là, đứng về phương diện Việt-Nam, có một số nhà nhập cảng Việt-Nam, khi mua hàng hóa Nhựt, đã để dành được một số tiền ở ngoại quốc.

Đã đành, theo thủ tục thương mại quốc tế, thường thường nhà xuất cảng cũng hay để dành cho nhà nhập cảng một số tiền huê hồng. Nhưng thiết tưởng có hai điều cần phải lưu ý.

1) Phần xuất huê hồng để ở ngoại quốc, bao nhiêu là hợp lý, còn bao nhiêu là gian lận: 1, 2% là khác, mà 20, 30% là khác.

2) *Các nước nhìn nhận một thủ tục là khác, mà khuyến khích một thủ tục là khác và có tính cách không được đẹp (fair play).*

Về điểm thứ nhứt, *chúng ta nên có những nhận xét sau đây. Nếu phân xuất huê hồng là một thực hành thương mại hợp lý, nghĩa là ở trong giới hạn phải chăng, thì người thừa hưởng — trong trường hợp nầy là nhà nhập cảng Việt-Nam — phải dùng số tiền ấy thế nào, nếu họ không bắt buộc phải khai báo và đem về Việt-Nam ? Có lẽ, một phần họ giữ kín để ở ngoại quốc, có tính cách đề phòng xa, hoặc có cảm tưởng như tiết kiệm được hay yên trí là giàu có hơn là có bạc Việt-Nam. Một phần khác, họ để dành mua cái nầy cái nọ và tìm cách đem về Việt-Nam để dùng hay để bán. Một phần khác, họ để dành, chờ cơ hội đi công cán, hay đi khảo cứu (!) thị trường mà ăn chơi cho thỏa mãn (thỏa mãn ở đây có khi hàm xúc những cái rất tệ). Cho nên chung qui, dù họ làm gì đi nữa, cũng chẳng lợi gì cho kinh tế Việt-Nam, và có lợi chăng thì chỉ lợi cho kinh tế nước người, cho người ngoại quốc trước đã. Nếu số tiền ấy đem về Việt-Nam và đầu tư vào công kỹ nghệ nước nhà, chắc chắn kinh tế Việt-Nam và đồng bào Việt-Nam sẽ được nhờ nhiều.*

Và số tiền ấy không phải là ít. Nếu hằng năm, ta được một số viện trợ hằng 200 triệu Mỹ kim, mà huê hồng chỉ 2% thôi, thì số ngoại tệ để ở ngoại quốc phải đáng giá gần 300 triệu $ V. N. theo giá thị trường tự do ; nếu là 5 %, thì lối 700 triệu $ V. N. để ở ngoại quốc không lợi gì cho Việt-nam. (Về máy móc, dụng cụ, số phần trăm ấy có khi còn cao gấp hai ba lần là khác).

Thế mà ở trong nước, khi cần phải có vốn để mở mang kỹ nghệ gì, khi cần phải kêu gọi năm mười triệu bạc, thì thật là chật vật. *Thực không gì mâu thuẫn bằng.*

Hơn nữa, chắc chắn một số thương gia hay ai ai đi nữa, là người tích trữ tiền để ở ngoại quốc, cũng không thiếu cơ hội để vỗ ngực xưng là ái quốc ái quần, hay lớn tiếng thảo luận (diễn thuyết nữa là khác) về cách mạng quốc gia, cổ động khuếch trương kinh tế nước nhà. Thật là mỉa mai và đáng tức cười.

Nhưng không có thể cười được, khi mà có những người cố gắng, bỏ vốn ra kinh doanh mở mang kỹ nghệ, sản xuất thứ nầy thứ khác để rồi đụng đầu với một số người nhập cảng bừa bãi cùng một thứ hàng hóa, bán đổ bán tháo, bán cả dưới giá vốn... Kỹ nghệ vội mọc

là vội chết. Mặc ! Miễn là có người có một số ngoại tệ để ở nước ngoài, chờ có dịp qua bên ấy ăn chơi... Và có cái Ủy ban hỗn hợp lo mà dàn xếp !

Về điểm thứ hai, *thiết nghĩ chánh quyền nên ngưng cấp ngoại tệ nhập cảng hàng hóa của những nước nào có thủ tục thương mại không đẹp như khuyến khích người Việt để tiền ở ngoại quốc một cách không hợp lý, hoặc dụng tâm đạp đổ kỹ nghệ bổn xứ mới mọc.*

Phần khác, các tổ hợp thương gia thường thường lớn tiếng bênh vực quyền lợi của mình. Điều ấy không phải là một việc hại và có khi còn đáng khuyến khích ở trong một chế độ dân chủ. Những hoạt động để bênh vực hay đòi hỏi chỉ có thể hiệu nghiệm, đáng cho chánh quyền lưu ý và giúp đỡ, là khi tổ hợp thương gia không những có ý thức tranh đấu, mà nhứt là biết quyền lợi của mình đến đâu, và đến đâu là quyền lợi của quốc gia, rồi khi cần, dám hy sinh cũng như loại trừ những hành động gian lận của các phần tử hư đốn.

Ở đây không bàn đến những lý do, những nguyên nhân sanh ra lối gian lận của quốc gia, của đồng bào như vậy, vì có khi chính tại tình trạng kinh tế, chánh trị, xã hội... trong nước phát sanh ra. Nhưng quyền lợi cá nhân sẽ được đảm bảo vững vàng, nếu quyền lợi quốc gia được tôn trọng và phát triển mạnh mẽ. Đó là một bài học ta cần phải học của người Nhật hơn là đi tắm « nước nóng » của người Nhật, hơn cả học kỹ thuật của người Nhật.

HUỲNH-VĂN-LANG

Danh ngôn, danh lý

TINH THẦN QUYẾT ĐOÁN VÀ TINH THẦN SÁNG TẠO

✶ Không bao giờ ta nên để mình thụ động hay nhàn rỗi quá, bởi vì nếu ta không tìm cách khắc phục biến cố thì biến cố sẽ khắc phục ta « *Muốn có an lạc trong tâm hồn thì hãy kiếm nó trong hành động* », đó là châm ngôn của Shelley mà cũng là châm ngôn của Lyautey.

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC-XÍT

NHỮNG ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ PHỎNG THEO CHỦ NGHĨA MÁC-XÍT

Những định chế chính trị tại Liên-Xô

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên khảo)

(tiếp theo)

3. — Tranh luận về tính chất dân chủ của Liên-xô.

Trong những số trước, chúng tôi đã trình bày về chế độ Liên-xô. Chế độ ấy có phải là một chế độ dân chủ không ? Về điểm này, có hai luồng dư luận đối lập nhau. Luồng thứ nhất thì cho chế độ Liên-xô không có tính chất gì có thể gọi là dân chủ hết. Luồng thứ hai, trái lại, cho chế độ Liên-xô là cơ chuẩn một chế độ dân chủ hoàn hảo và cụ thể hơn những chế độ dân chủ cổ điển.

Dưới đây, chúng ta sẽ thấy mỗi phe căn cứ vào những chứng cứ nào, để binh vực thuyết của mình hầu hiểu rõ mối tranh luận căn bản của hai phe nằm trên những điểm nào.

A. — Những phi bác về tính chất dân chủ của chế độ Liên-xô.

Những phi bác về tính chất dân chủ của chế độ Liên-xô thường nhắm vào những điểm sau này. Dưới chiêu bài một chế độ « dân chủ nhất hoàn cầu », một hiến pháp xuất phát tự nhân dân, thực ra chế độ Liên-xô chỉ là chế độ độc tài của một đảng phái và của một người tạo lập nên. Kim tự tháp nhân dân — Xô-viết — chủ tịch đoàn — chính phủ cần phải lộn ngược lại. Mọi sự đều căn cứ, tùy thuộc vào một người trước là Lê-nin, sau là Sta-lin, và bây giờ là Kru-sốp, dựa vào một đảng độc nhất, dùng bạo lực và tuyên truyền một chiều để áp đảo và uy hiếp cả Quốc-hội lẫn cử tri.

Chứng cứ nêu ra làm hậu thuẫn cho thuyết trên thì rất nhiều. Chỉ xin nói về mấy chứng cứ dưới đây :

Chỉ có một đảng độc nhất.— Trong hết mọi vị trí của sinh hoạt chính trị, kinh tế và xã hội, Đảng này nắm giữ hết cả những đầu dây mối nhợ. Trong các kỳ tuyển cử, chỉ Đảng được diễn trình danh bạ ứng cử viên và thường thì họ chọn lựa kỹ càng trước một số những người « không đảng phái » thêm vào danh bạ gồm toàn những người

trong Đảng « để che mắt thế gian » và cho có vẻ dân chủ. Nếu không được Đảng chấp thuận, không một ai có thể ra ứng cử và nhất là không thể nào phê bình hay chỉ trích chính sách của Đảng, hay của lãnh tụ. Coi qua các báo chí Xô-viết trong mỗi kỳ tuyển cử, ta sẽ thấy báo chí nào cũng chỉ có một giọng điệu là khen lao, tán tụng các người cầm quyền cùng các ứng cử viên chính thức. Các báo chí Xô-viết thường cao rao rằng thực hiện dân chủ lớn lao nhất của Liên-xô là trù biện đầy đủ cho dân chúng những « khí dụng tuyển cử » như thùng phiếu, lá phiếu, truyền đơn. Song thật ra người ta chỉ có thể yên trí tin tưởng về tính chất dân chủ của Liên-xô, khi nào ngoài những phương tiện vật chất trên, còn thấy trong một khu vực tuyển cử, có hai hay ba danh bạ được diễn trình.

Nếu chỉ có một danh bạ, thì người đi bầu biết làm sao, nếu họ muốn phát biểu ý kiến trái nghịch với ý kiến của Đảng ! Không đi bầu chăng ? Như vậy lộ liễu quá và cũng nguy hiểm quá. Bỏ phiếu trắng chăng ? Muốn bỏ phiếu trắng mà có hiệu quả thì trước hết sự bỏ phiếu kín phải được đảm bảo và việc khui phiếu phải do một đảng đối lập kiểm sát, nhưng tại Liên-xô hiện nay làm gì có Đảng đối lập !

Một Đảng độc nhất, một danh bạ độc nhất, các cuộc tuyển cử đều được nhất trí chuẩn nhận và không có tranh biện gì khi lãnh tụ đã phát biểu ý kiến, như thế làm sao có thể gọi là dân chủ được ! ? Và nếu theo dõi các cuộc tranh luận tại Xô-viết tối cao, người ta sẽ thấy không có chút chi có thể gọi là những cuộc tranh luận thật sự giữa các nghị sĩ với nhau ; các nhà hùng biện lên diễn đàn nói tiếp nhau phô bày cùng một quan điểm, rồi cùng vỗ tay, cùng hoan nghênh, cùng cổ võ nhau, khiến người ta có cảm giác sự hiện diện của họ chỉ có tính cách tượng trưng, chiếu lệ mà thôi.

2) Lại nữa, tại Liên-xô không có tự do công bảo thật sự. Viện cớ làm cho những tự do ấy có tính chất cụ thể, người ta đặt chúng hoàn toàn trong tay bọn cầm quyền và Đảng. Một tờ báo đối lập không thể có nhà in, kho giấy và những kẻ thủ xướng có thể bị những phiền nhiễu nghiêm trọng. Tuyên truyền thì một chiều ; chẳng những đối lập nội bộ bị kìm hãm, mà cả những tin tức bên ngoài cũng bị kiểm duyệt kỹ càng ; nhân dân Nga không biết chút chi về các điều kiện sinh hoạt tại các nước tư bản chủ nghĩa. Có điều nguy hại hơn nữa là tuyên truyền một chiều của Liên-xô có tính chất toàn diện, đứa trẻ từ khi đi học ở học đường cho đến khi khôn lớn, qua bao nhiêu giai đoạn, nào trong các phong trào thanh niên, nào trong cuộc sinh hoạt nghề nghiệp và văn hóa, nhất thiết chỉ được nghe biết, được nhồi sọ trước sau một luận điệu, một đường lối bằng đủ các phương tiện như báo chí, điện ảnh, biểu tình, v.v...

Cách tuyên truyền ráo riết đến mức sau này không cần phải dùng tới những thủ đoạn cưỡng bách nữa. Cái phát minh nguy hiểm bực nhất của thế giới hiện đại có lẽ là cách tuyên truyền kiên trì, nhắc đi nhắc lại, cốt đập mạnh và lâu vào

đầu óc người ta để ép buộc người ta phải có những ý tưởng và hành vi mà chính phủ muốn, những ý tưởng và hành vi trở nên những bản năng tự nhiên của con người.

Ngày xưa, sự chuyên chế chỉ dùng nguyên sức mạnh mà cưỡng ép, nên tác hại của nó còn có giới hạn : khi tự do bị chà đạp, người ta còn có thể vận dụng tâm linh là chỗ bất khả xâm phạm mà phản kháng lại, dù chỉ là phản kháng ở bên trong. Trái lại, ở thế hệ này, sự chuyên chế hiện đại đã đạt tới một kỹ thuật tuyên truyền có khả năng chiếm đoạt trọn cả tâm hồn con người, nhào nặn tâm hồn con người theo ý muốn của chế độ. Con người một khi đã bị đầu độc, không thể còn có ý niệm phản kháng và vì vậy, không cần tới pháp luật làm phương tiện cưỡng bách nữa ; động tác của họ đã được tiêm truyền vào tâm khảm họ cùng trở nên thành phần bản thể của họ.

Trong một chế độ như trên, kẻ đối lập không phải chỉ là một cá nhân có ý kiến khác, một đối phương của chế độ hiện hành, mà tất nhiên phải bị coi là kẻ phản bội, kẻ thù của nhân dân. Do đấy, một chánh trị phạm, không thể được xét xử khoan hồng hơn một thường phạm theo như cựu lệ dân chủ xưa vậy, vì chính trị phạm chính là kẻ đã phạm một tội thái ác, một tội không thể nào đền, chuộc được nữa.

Chế độ dân chủ là gì ? Phải chăng là chế độ trong đó chính phủ dựa trên sự thỏa thuận của nhân dân mà cai trị nhân dân, song sự thỏa thuận đó phải là sự thỏa thuận chân chính và chân thật của một nhân dân tự do, chứ không phải của một nhân dân bù nhìn, người máy mà chính quyền đã cẩn thận « lên dây » trước. Dầu tại Liên-xô người ta có bỏ những thủ đoạn cưỡng bách vật chất đi nữa, bao lâu những thủ đoạn cưỡng bách tinh thần trên vẫn còn, thì người ta vẫn không thể cho chế độ Liên-xô là chế độ dân chủ được.

3) Thêm vào đó, còn có chính sách tập thể hóa sinh hoạt kinh tế, nhờ đấy mà các nhà cầm quyền Xô-viết được xử dụng nhiều thủ đoạn cưỡng bách đối với nhân dân hơn hết mọi chế độ khác. Tuy chế độ tư bản chủ nghĩa, nhất là ở thế kỷ XIX, công nhân và nông dân phải sống lệ thuộc người chủ xưởng hay chủ điền, song họ còn có thể thoát ách những người này, bởi lẽ rất giản dị là trong địa phương có nhiều chủ xưởng và chủ điền, họ không bằng lòng làm việc với người này thì làm việc với người khác. Trái lại, trong chế độ Xô-viết, toàn thể nền kinh tế đều không ít thì nhiều nằm trong tay Nhà nước, nghĩa là trong tay bọn cầm quyền, bọn này nắm giữ vận mệnh toàn dân trong tay, để cho ai sống thì được sống, bắt ai chết thì phải chết và châm ngôn : « đói thì đầu gối phải bò » được họ thi hành ráo riết hầu triệt hạ những kẻ muốn chống lại họ.

4) Chế độ Xô-viết thường khoe họ xây dựng xã hội chủ nghĩa, song chủ nghĩa xã hội của họ là một thứ « chủ nghĩa tư bản Nhà nước » với tất cả những bất công, áp bức và bất bình đẳng của một chế độ tư bản. Trên bình diện quốc tế, Liên-xô ít nhất cũng là một đế quốc chẳng kém gì các nước tư bản chủ nghĩa khác.

5) Tóm tắt lại, các bản văn hiến pháp của Liên-xô, bề ngoài tuy có vẻ dân chủ đấy, song thật ra chẳng có nghĩa lý gì. Chứng cớ là Sta-lin trước đây, chỉ là Tổng bí thư đảng Cộng-sản, không giữ một chức vụ chính thức nào trong chính phủ, mà thực tế chính là chủ tề cả Liên-xô. Đến nay, Kru-sốp cũng vậy, tuy ông chỉ là Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, nghĩa là chỉ đứng đầu « cơ quan hành pháp và hành chính của chính quyền Nhà nước Liên-xô » mà thôi.

Đôi khi chế độ Xô-viết còn khoe là hiện nay họ đã cởi bỏ lần lần được các thủ đoạn cưỡng bách vật chất. Điều đó chẳng có giá trị gì hơn và cũng chẳng có nghĩa lý gì hơn là các thế hệ trẻ trung hiện nay đã bị khoa tuyên truyền xảo quyệt nhồi sọ và đầu độc cho đến nỗi họ không còn khả năng phản ứng chống lại một chế độ độc tài.

Để hiểu rõ thêm, ta thử coi các nước Đông Âu, và nhất là miền Bắc Việt-Nam đã thực hiện dân chủ, dưới ảnh hưởng Xô-viết thế nào. Dưới chiêu bài « tuyển cử », « trưng cầu dân ý », dưới nhãn hiệu « bản văn hiến pháp và hợp pháp », người ta thấy rõ bản chất thực chỉ là những chế độ độc tài Mác-xít.

B — Những luận điệu bào chữa của Liên-xô.

Chống lại với những cuộc tấn công trên, tất nhiên có sự chống đỡ của đối nhân và sự chống đỡ thường biến thành những cuộc phản công ráo riết. Đối nhân đây là các chính phủ Xô-viết, các báo chí Xô-viết các đảng Cộng-sản và các người có cảm tình với chế độ Xô-viết, và cuộc chống đỡ phản công đây thường nhằm mục đích chứng tỏ chế độ Liên-xô chẳng những là một chế độ dân chủ thật sự mà còn là cơ chuẩn của một chế độ dân chủ thực sự.

1) Chủ yếu của chế độ dân chủ nằm trong sự thực hiện ý nguyện của quảng đại quần chúng. Trên phương diện này, chắc chắn là chế độ phải đi đôi với quần chúng ; đi ngược với quần chúng chế độ tất nhiên phải đổ. Theo Liên-xô, cuộc chiến tranh xâm lăng vừa qua của Đức quốc xã và sự chiến thắng của Liên-xô đã chứng tỏ rằng chế độ Liên-xô đã hành động ăn nhịp được với ý nguyện của nhân dân Liên-xô. Các kẻ thù của Liên-xô tưởng rằng cũng như mọi chế độ độc tài, chế độ Liên-xô sẽ sụp đổ khi mặt nạ bị lột với cái chính thể quân phiệt dã man. Cuộc thử thách nói trên đã đem lại một bằng chứng trái ngược : nhân dân Liên-xô, dù bị xâm lăng, vẫn tỏ ra trung thành với chế độ, khiến cho chế độ càng thêm vững chắc.

2) Chế độ dân chủ phải là một chế độ tự do, Liên-xô tuyên bố vẫn trung thành với phương châm này. Song tự do, theo Liên-xô không có nghĩa là gạt bỏ mọi phương pháp bảo vệ, phòng thủ chống lại những kẻ thù của tự do. Muốn bảo vệ tự do chống lại những kẻ thù của dân chủ bên trong và bên ngoài, Liên-xô phải dùng những biện pháp đề phòng. Ta cứ xem gương nước Đức đủ rõ : dân chủ mà để mặc cho những kẻ thù của nhân dân được tự do thao túng, hoành hành, rốt cuộc sẽ phải trả bằng

một giá mắt thế nào. Hit-le đã từng lợi dụng những « tự do dân chủ » để lập nên một chế độ độc tài và rồi chính chế độ của y đã triệt để thủ tiêu những tự do ấy. Liên-xô một nước xã hội chủ nghĩa duy nhất trong cái thế giới tư bản chủ nghĩa, có bổn phận phải tỏ ra tỉnh táo, minh mẫn đặc biệt và đề cao cảnh giác. Vả chăng ngay tại các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa tự nhận là dân chủ, không phải là người ta không biết dùng những thủ đoạn cưỡng bách đối với những phần tử đối lập, chứng cớ là tại các nước đó vẫn có những cuộc đấu tranh khốc liệt và dai dẳng của giai cấp công nhân nổi lên đòi hỏi người ta phải nhìn nhận cho mình những quyền lợi sơ đẳng nhất.

3) Liên-xô không chối cãi rằng cuộc sinh hoạt chính trị tại Liên-xô hiện nay có những sắc thái đặc biệt, như không có đấu tranh giữa các đảng phái và có sự nhất trí liên minh của toàn thể quốc dân xung quanh đảng Cộng-sản, Sta-lin hay Kru-sốp. Theo Liên-xô thì chính những sắc thái đó chứng tỏ cái thực thể dân chủ Xô-viết rất là rõ rệt. Tại một nước tư bản chủ nghĩa, sự toàn dân nhất trí có thể làm cho người ta hoài nghi mà ức đoán ở đó hẳn dân chủ đã bị « tịch thâu » mất rồi. Song tại một nước mà chủ nghĩa Cộng-sản và sự thủ tiêu giai cấp đã chặt từ gốc rễ các mâu thuẫn xã hội, sự toàn dân nhất trí lại là một trạng thái tự nhiên phát hiện, không có gì là khó hiểu hết.

Vậy nên về quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, hay tự do phát biểu ý kiến, không nên thấy nơi nào có nhiều đảng phái khác nhau thì mới cho là có, còn trái lại thì cho là không thể có được. Theo Liên-xô thì đảng phái không có lý do tồn tại trong những nước mà xung đột quyền lợi không còn nữa và ý nguyện của mỗi cá nhân đã được hòa đồng với quyền lợi của toàn thể. Các quyền tự do trên đã được thể hiện một cách trọn vẹn ngay ở bên trong lý tưởng và tổ chức Cộng-sản bằng phương pháp « tự ngã phê bình » là phương pháp tranh luận đắc lực nhất để tìm ra cách thế thực hiện lý tưởng chung, nhưng không nhằm mục đích vô ích là xét lại « đường lối chung » của Đảng và của chế độ. Điều đó dễ hiểu vì một chế độ không giai cấp không có mâu thuẫn nội tại và mọi cuộc tranh luận xuất phát từ trong đó đều đượm nhuần tính chất xây dựng cả.

Theo ý kiến các nhà cầm quyền Xô-viết thì sở dĩ các nước tư bản chủ nghĩa không hiểu được tâm lý của các nước Xô-viết là bởi họ hiểu sai nghĩa tự do. Tự do đối với họ là tự do chia rẽ, tự do vật lộn, tự do tranh giành. Đó là tự do giả. Trong xã hội phân chia thành giai cấp, cái mà các cá nhân tưởng là tự do, theo lý thuyết gia Liên-xô, thật ra chỉ là phản ảnh của các quyền lợi xung đột lẫn nhau. Người công dân chỉ có tự do ảo tưởng. Trái lại, trong một xã hội đã được giải thoát khỏi chủ nghĩa tư bản, tự do sẽ xuất hiện mà không chia rẽ, vì quyền lợi của mọi người phù hợp với nhau và các cá nhân thảy đều ý thức điều đó rõ rệt. Cảm tình và quyền lợi hòa hài trong một cuộc cộng đồng thuần nhất khiến cho

tự do tự nhiên phát lộ với bộ mặt thực của nó là nhiệt tình, đoàn kết và thống nhất.

4) Tố cáo tuyên truyền của Liên-xô là tuyên truyền một chiều được bào chữa như sau : Trước hết Liên-xô cũng tố cáo lại rằng công dân các nước tư bản chủ nghĩa cũng phải chịu đựng một lối tuyên truyền không kém một chiều. Tại các nước tư bản Liên-xô cho rằng một thiểu số nắm giữ trọn nền kinh tế vẫn thường lợi dụng báo chí, sách vở và luân lý tư sản để uốn nắn đầu óc người ta theo hướng họ định ; và ý thức hệ bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị đè nặng trĩu trên trọn cuộc sinh hoạt xã hội khiến cho người công dân khó lòng mà cất đầu lên nổi. Chứng cớ là công dân các nước Tây-phương — có khi cả những người cầm quyền — nhiều khi có những quan niệm rất sai lầm về Liên-xô.

Sau nữa, khi nói về Liên-xô, các người chỉ trích cũng phạm những sai lầm như khi ngộ nhận về nghĩa hai chữ tự do. Chỉ khi nào ý thức được chân lý và thoát khỏi những câu thúc vô thức mà sự xung đột quyền lợi trong chế độ tư bản trói buộc, con người mới có tự do thực sự và chỉ khi nào nhờ được hậu quả của một nền giáo dục đúng đắn mà ý thức được chân lý, con người mới được giải phóng thực sự. Để mặc cho một người tưởng hai lần hai là ba hay năm, đâu có phải tôn trọng tự do của người ấy. Trái lại, dạy cho một người biết hai lần hai là bốn thì dầu gọi đó là giáo dục hay tuyên truyền chăng nữa, sự thực vẫn chỉ là giải phóng cho người ấy khỏi dốt nát mà thôi.

Nói theo luận điệu triết lý hơn thì người ta có tự do thật sự là khi nào người ta thừa nhận được một cách ý thức chân lý khoa học. Phương tiện dùng để dìu dắt đông đảo quần chúng nhân dân tới chân lý là một cái gì khác với tuyên truyền.

5) Tất cả những chứng cứ dẫn trên đây đều có thể dùng mutatis mutandis để bênh vực tất cả những nước theo gương chế độ Xô-viết mà xây dựng những chế độ gọi là « dân chủ nhân dân ».

C — Cốt yếu cuộc tranh luận ở đâu?

Chúng tôi vừa khách quan trình bày các chứng cứ người ta đưa ra để phi bác chế độ Liên-xô, và những chứng cứ của chế độ này đưa ra để chống đỡ và phản công. Cuộc tranh luận không phải như vậy là giải quyết xong vì bên này chống đỡ và phản công thì bên kia lại đối đáp và phản công lại ; cuộc tranh luận cứ thế kéo dài mãi ra, và không bao giờ chấm dứt được như ta thường nhận thấy khi hai thuyết đối lập xung đột nhau tự căn bản những định nghĩa và quan điểm khác nhau.

Cốt yếu cuộc tranh luận thực ra ở đâu ? Phải chăng ở chỗ hai bên *mỗi bên có một quan niệm về tự do con người khác nhau*, mặc dầu cả hai bên cùng đều tự nhận mình là phe bảo vệ và phụng sự tự do của con người. Chính cuộc tranh luận trên của hai phe sẽ đưa ta tới chỗ phải khái niệm về tự do của con người ra sao, hầu tìm một lối thoát giữa hai quan niệm hiện đang xung đột nhau quyết liệt. Ta sẽ có dịp trở lại bàn về khái niệm tự do, sau khi phác họa thêm vài nét về các chế độ dân chủ nhân dân.

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

Kỳ sau : « Dân chủ thật và dân chủ giả »

HẬU-PHƯƠNG TRONG CHIẾN-LƯỢC HIỆN-ĐẠI

TIỀU-DÂN

«... Nhưng không chết người trai khói lửa
Mà chết người gái nhỏ hậu phương...»

Cách đây mười mấy năm, một thi sĩ đã có những lời trên trong một bài thơ khóc mối tình dang dở của một quân nhân.

Quân nhân ấy, người trai khói lửa, sau khi lăn lộn trong cuộc sống chiến đấu đầy bất trắc ở tiền tuyến, đã trở về tìm vợ tại một miền ruộng đồng xa xôi. Nhưng vợ hiền « ngày hợp hôn không đòi may áo cưới » của anh, người gái hậu phương, đã từ trần từ « mấy mùa sim ».

Cái chết của thôn nữ thực đau lòng vì quá bất ngờ. Gây nơi người đọc cảm tưởng xót xa ấy, nhà thơ, vô tình hay hữu ý, đã bộc lộ một quan niệm về hậu phương: Người trai *khói lửa* không chết, người gái *hậu phương* lại chết, quan niệm cho hậu phương là vùng tương đối an toàn trong chiến tranh vậy.

Đối với tư tưởng chiến lược hiện đại, quan niệm ấy còn thích hợp nữa chăng ?

★

Thiết tưởng, trước khi tìm giải đáp câu hỏi trên ta nên giới hạn rõ rệt vấn đề. Ở đây, chúng tôi sẽ không nói đến sự quan trọng của hậu phương trong chiến lược ; điều này đã được mọi người thừa nhận từ lâu. Mà chúng tôi chỉ muốn góp bàn về điều kiện an toàn của hậu phương trong chiến tranh, qua thời gian, nhân đây rút một vài kết luận về chiến lược hiện tại.

★

Sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, từ các chiến lược gia, các nhà chính trị cho đến nhân dân nhiều nơi, đều nhận rằng, với những điều kiện chiến tranh hiện hữu, hậu phương mất dần tính chất an toàn.

Tuy nhiên, người ta lại không đồng ý chung về cách thức lý giải nhận định ấy.

Có ý kiến cho rằng hậu phương không còn có thể an toàn trong chiến tranh là vì nhân loại đã tiến bộ lớn lao về việc sản xuất, chế tạo vũ khí. Những phi cơ chiến đấu và oanh tạc của Đức-quốc-xã cũng như của Đồng-minh, những bom bay V1, V2, những đại bác bắn xa, — chưa kể hai quả bom nguyên tử của Hoa-kỳ ở giai đoạn cuối chiến tranh, đã là bao nhiêu phương tiện gây tàn phá, chết chóc, mang tai họa chiến tranh đến những miền hẻo lánh nhất sau mặt trận.

Người ta nhắc lại một kinh nghiệm lịch sử về sự thất trận quá mau chóng của Pháp năm 1940. Một số nhà hữu trách quân sự Pháp lúc bấy giờ đã chủ quan, ỷ y vào hiệu lực phòng ngự của chiến lũy Maginot, không dự kiến được rằng Phát xít Đức sẽ bẻn phá dữ dội hậu phương đồng thời xua quân đánh bọc hậu chiến lũy ấy. Đành rằng khí thế quân Đức bấy giờ rất mạnh và chiến thuật tấn công của họ linh diệu và thần tốc. Nhưng chính tình trạng bối rối ở hậu phương nước Pháp, — do những cuộc oanh kích, pháo kích của Đức, đã làm cho sự chống ngăn của quân Pháp tại tiền tuyến yếu ớt đi nhiều. « Họ đã yên tâm nằm ngủ sau chiến lũy Maginot của họ ». Kết luận này có thể được diễn dịch một cách khác : người Pháp đã không quan niệm sát đúng tính chất an toàn của hậu phương trong khi dự kiến một cuộc chiến tranh với một đối phương đã tiến bộ nhiều về sản xuất chế tạo vũ khí.

Khác với lập luận trên, có ý kiến cho rằng sở dĩ hậu phương mất tính chất an toàn trong chiến tranh là vì trình độ tổ chức và lãnh đạo chiến tranh đã tiến triển rất nhiều kể từ Đại-chiến lần thứ nhất.

Để chứng minh sự tiến triển này, người ta nêu ra những thắng lợi về chiến tranh gián điệp mà Đồng-minh dân chủ thâu hoạch được ở vùng địch hậu, những thành tích về chiến tranh du kích ở Tây và Trung, Đông Âu, sự chuẩn bị phản công của Nga từ bên kia bờ sông Volga dẫn đến chiến thắng Stalingrad, thắng lợi của Tây-phương trong việc đánh quật lại phát-xít Đức từ những thuộc địa cũ tại Phi-châu.

Ý nghĩa của những sự thành tựu nói trên tức là sự đóng góp của vùng hậu phương vào chiến tranh, về nhân, tài, vật lực. Nhìn về địch mà nói thì đó là ảnh hưởng tai hại của những hậu phương bị suy yếu đối với hoạt động của tiền tuyến.

Với trình độ tổ chức và lãnh đạo chiến tranh ngày nay, người ta đã làm gắn liền chặt chẽ hậu phương với tiền tuyến, đặt hậu phương trong tình trạng chiến tranh thường trực. Hậu phương mất dần tính chất an toàn vậy.

★

Thật ra người ta cần hòa hợp hai ý kiến trên để có một nhận định đầy đủ về hậu phương trong chiến tranh ngày nay.

Nhất là cần quan niệm sự an toàn của hậu phương, không phải theo một quan điểm chiến lược quân sự thuần túy mà trên một cơ sở chính trị.

Sự tham gia của hậu phương vào một cuộc chiến tranh tùy thuộc vào tính chất hay mục đích chính trị của cuộc chiến tranh ấy.

Nếu cuộc chiến tranh có mục đích bảo vệ những quyền lợi tinh thần, vật chất chính đáng của một hay nhiều dân tộc, chống lại cường quyền và bạo lực, tất nhiên nhân dân hậu phương sẽ tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu chung với những khả năng, phương tiện của mỗi người. Nhà hữu trách sẽ có thể động viên mạnh mẽ dân chúng phục vụ tiền tuyến. Trong trường hợp này, chính nhân dân hậu phương ý thức về tình trạng chiến tranh và tự giới hạn khuynh hướng cầu an cố hữu của loài người vậy.

Trái lại, nếu cuộc chiến tranh phục vụ một mục đích xâm lược, phản tiến hóa, thì dù chính quyền có dùng mọi biện pháp từ đe dọa đến lừa bịp, để động viên hậu phương góp phần chiến đấu, nhân dân đông đảo ở đây cũng sẽ tìm cách lảng tránh hoặc tuân theo mệnh lệnh một cách miễn cưỡng.

Như vậy, xét sự an toàn của hậu phương trong chiến tranh, trên một cơ sở chính trị, người ta thấy rằng :

a) Trong chiến lược ngày nay, hậu phương không còn được xem là vùng an toàn. Sở dĩ như vậy là vì khoa học chiến tranh (vũ khí, tổ chức, lãnh đạo chiến tranh) đã tiến triển lớn lao.

b) Điều kiện chính trị của chiến tranh chi phối sâu xa điều kiện an toàn của hậu phương chiến lược. Dù sống xa mặt trận, nhân dân có thể tự đặt mình trong tình trạng chiến tranh, tự giới hạn sự an toàn và tham gia tích cực chiến đấu cùng với tiền tuyến. Trái lại, dù bị kẻ địch phá hoại gây tình trạng bất an, nhân dân cũng có thể quay lưng với trách nhiệm mà chính quyền đòi hỏi, và cố tìm một thế sống tương đối an toàn.

c) Do đó, sự an toàn của hậu phương, xét cho cùng, chỉ là thái độ của nhân dân đối với chiến tranh. Hơn tất cả những hệ thống phòng thủ, quân sự, thái độ tích cực hay tiêu cực hoặc phản ứng của nhân dân làm cho hậu phương có những quan hệ khác nhau đối với chiến tranh.

*

Chính cái vị trí của hậu phương trong chiến tranh được nhận hiểu như vậy là một đặc điểm của tình hình thế giới thời hậu chiến.

Đặc điểm này khiến cho các nhà chiến lược quốc tế phải chú trọng xây dựng vùng được xem là hậu phương trong sự dự phòng trường hợp có chiến tranh.

Xây dựng về chính trị là chủ yếu. Thứ đến xây dựng hệ thống phòng ngự về quân sự.

Người ta đứng trước những sự thật phức tạp : *Trong điều kiện hậu phương, không có thể an toàn về mặt chiến lược quân sự, các chính phủ phải ra sức xây dựng hậu phương tương đối*

an toàn về mặt chính trị. Và hậu phương chiến lược có thể là miền nội địa của một quốc gia, cũng có thể bao quát một địa phương rộng lớn gồm nhiều quốc gia. Trường hợp sau nầy được đặt ra trong phạm vi một cuộc chiến tranh giữa hai khối, hoặc giữa nhiều nước.

Đặc điểm ấy còn buộc các nhà chiến lược quốc tế *nặng về phòng thủ, tự vệ trong tư tưởng chiến lược*.

Người ta nỗ lực chế tạo, sản xuất những vũ khí tối tân. Người ta ra sức thao dượt quân đội cũng như phát triển, củng cố những giới tuyến phòng ngự.

Bấy nhiêu việc làm trước hết nhằm làm cho đối phương hiểu rằng mọi mưu toan gây chiến, xâm lược sẽ bị trả lời bằng những đòn đích đáng, nghĩa là *nhằm làm nhụt ý chí khởi hấn của đối phương vậy*.

Nhân loại ngày nay đã tiến đến một giai đoạn khoa học chiến tranh hết sức cao với những vũ khí nguyên tử, khinh khí và hỏa tiễn liên lục địa.

Tuy vậy, vai trò của hậu phương vẫn đầy đủ ý nghĩa quan trọng về chiến lược.

Hai khối đều nỗ lực củng cố hậu phương trong sự dự phòng một đại chiến thế giới mới. Không khối nào dại dột khởi hấn trước tiên vì sợ sự kết án của loài người.

Sợ mất nhân tâm hay sợ mất hậu phương cũng thế.

TIỀU-DÂN

Tự xét lại mình

Vua Linh-Công nước Vệ hỏi Khổng-Tử :

— Có người bảo quả nhân : « Kẻ có quyền giữ quốc gia, cứ mưu tính ở trong miếu đường, chính trị cũng yên ổn được. » Câu ấy có nghĩa ra sao ?

Khổng-Tử đáp :

— Cái đó có thể đúng lắm. Yêu người thì người khác yêu mình, ghét người thì người khác ghét mình ; biết được những điều hay cho mình thì cũng biết được những điều hay cho kẻ khác. Người ta thường nói : không phải đi ra ngoài tường nhà mà có thể hiểu biết công việc trong thiên hạ, đó tức là biết cách tự xét lại mình vậy.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

VƯƠNG-DƯƠNG-MINH

MỘT NGƯỜI ĐA TÀI CỔ KIM, ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH LÀ HỌC ĐỂ LÀM THÁNH

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(tiếp theo)

Năm 1510 ông được thăng tri huyện, chỉ dùng nhân, đức mà trị dân, tổ chức sự giáo dục, sự trị an, sửa đổi nền kinh tế và mở mang sự giao thông ; cuối năm ông được triệu về kinh.

Năm 1515, ông cáo bệnh, xin về hưu mà không được. Từ năm 1516, ông phải đi dẹp giặc ở miền nam. Trước sau dẹp được năm đám :

— Giặc Chương-Châu ở Giang-tây, Phúc-kiến năm 1517.

— Giặc Dũng (1) Cương, Hoành-Thủy ở Quảng-đông, năm 1517.

— Giặc Tam-Lợi ở Giang-tây, năm 1518.

— Loạn Thần-Hào ở Nam-xương, năm 1519.

— Giặc Tư-Ân và Bát-Trại ở Quảng-tây, năm 1528.

Ngoại trừ đảng Thần-hào có tổ chức đàng hoàng (Thần-Hào là một người trong hoàng tộc được phong vương, thấy Vũ-Tôn không con, lại ham chơi, muốn cướp ngôi, gây vây cánh cả ở ngoài lẫn trong triều) còn những giặc kia toàn là bọn lưu khấu, gặp lúc triều đình suy bại, quan lại tham ô, dân tình ta thán mà nổi lên chiếm cứ một miền. Tuy nhiên, chúng cũng rất mạnh, nhờ ở địa thế hiểm trở mà ít đường giao thông, và nhờ chiến thuật du kích của chúng, cho nên các quan địa phương dẹp có khi cả chục năm không nổi, và triều đình phải cử Vương-Dương-Minh tới.

Vương thay đổi hẳn chính sách. Tới đâu ông cũng lập ngay những thẻ thập gia bài (cũng tựa như tổ chức ngũ gia liên bảo ngày nay). Cứ mười nhà họp thành một tiểu tổ để nâng đỡ lẫn nhau, dạy bảo lẫn nhau và giúp chính

(1) Có người đọc là Thông.

phủ trừ kẻ gian, đề cử người tài. Cả mười nhà phải liên đới chịu trách nhiệm với nhau, nếu có nhà nào mưu sự phản nghịch.

Ông không dùng tướng của triều đình, cho những lính già yếu về nhà hết ; lựa những người mạnh khỏe trong dân gian, xung vào quân đội, rồi tuyển ngay trong số đó những kẻ có tài để trao quyền chỉ huy.

Ông tổ chức quân đội, chia ra làm đội, sáo, doanh, trận, quân : cứ 25 người làm một ngũ, có chức tiểu giáp chỉ huy ; 50 người làm một đội, có chức tổng giáp chỉ huy ; 200 người làm một sáo, có một chức trưởng và hai chức hiệp trưởng coi ; 400 người làm một doanh, có một chức doanh quan và hai chức tham mưu coi ; 1200 người làm một trận, có chức thiên tướng coi ; 2400 người làm một quân, có chức phó tướng coi. Mỗi chức, từ lớn tới nhỏ đều có quyền hành với kẻ dưới, và chịu trách nhiệm với bề trên : phó tướng được phạt thiên tướng, thiên tướng được phạt doanh quan, doanh quan được phạt sáo trưởng...

Ông bắt quân đội phải luyện tập kỹ lưỡng — binh cần giỏi chứ không cần nhiều — và cũng như tướng Montgoméry trong đại chiến vừa rồi, chỉ khi nào mọi sự xếp đặt đã kỹ lưỡng, phần thắng nắm chắc trong tay, ông mới đưa quân ra trận. Cách đây năm thế kỷ, một nhà nho mà có óc tổ chức khoa học như vậy thực hiếm có.

Tài cầm quân của ông hiện rõ nhất ở chỗ ông khéo dùng tình báo và tuyên truyền. Ông sai người dò la kỹ tình hình, tâm lý của địch để hiểu vì lý do gì chúng làm phản và lực lượng của chúng ra sao ; rồi ông dùng mưu kế để ly gián địch, phao ra những tin hư hư thực thực cho địch hoang mang.

Chẳng hạn, lần dẹp loạn Thần-Hào, mới đầu thế của ông yếu mà thế của địch mạnh. Ông chưa kịp dự bị thì đã có tin Thần-Hào sắp đem hùng binh đi đánh lấy hai thành Nam-khang, Cửu-giang, rồi chiếm Nam-kinh để lên ngôi hoàng đế. Ông bèn viết những mật chỉ giả, làm như triều đình đã biết trước mưu phản của hắn mà đề phòng kỹ, ra lệnh cho Lưỡng-quảng và Lưỡng-kinh xuất binh chặn đường hắn. Ông sắp đặt cho Thần-Hào bắt được những mật chỉ đó. Quả nhiên hắn sinh nghi, chưa dám xuất quân vội, và trong lúc hắn do dự, ông có thì giờ kêu quân các tỉnh khác lại và tổ chức sự chỉ huy, sự phòng bị. Mọi việc xong xuôi, ông mới truyền hịch kể tội giặc, hô hào việc cần vương, và dâng sớ cáo biến.

Một mặt khác, ông tìm cách chia rẽ vây cánh của Thần-Hào, làm tờ trình về bộ, nói đã nhận được mật thư xin hàng của các mưu sĩ của y ; đồng thời lại viết những bức thư trả lời cho các mưu sĩ đó, khen ngợi lòng trung quân của họ, và dặn dò họ cách cử sự ra sao. Tất nhiên, hết thảy những giấy tờ giả mạo đó đều đến tay Thần-Hào và nội bộ của hắn hóa lủng củng.

Khi Thần-Hào đã dời căn cứ ở Nam-xương mà tiến tới Yên-khánh mọi người bàn nên đi cứu Yên-khánh ; ông không nghe, đem quân đánh thẳng vào sào huyệt của giặc là Nam-xương. Hay

tin Nam-xương đã mất, Thần-Hào đâm lo ; bọn mưu sĩ khuyên hắn bỏ Nam-xương mà đánh dốc lên Nam-kinh rồi lên ngôi Hoàng-đế, tiến lên Bắc-kinh, nhưng Thần-Hào đã mắc mưu ly gián của Vương-Dương-Minh, nghi kị, không chịu nghe, trở về cứu Nam-xương, gặp quân Vương-Dương-Minh đánh mấy trận, tan nát. Thần-Hào và cả bọn đều bị bắt. Thành thử loạn lớn như vậy mà trước sau chỉ có 42 ngày là dẹp yên, nhờ tài trù liệu, mưu tính của ông.

Phê bình chiến công đó, Trần-Trọng-Kim khen :

« Xưa nay, những nho tướng ra dùng binh cũng đã từng có, nhưng ai cũng có nhiều chiến tướng giúp đỡ ; đường này những người tham dự mưu cơ trong tướng mạc đều là những người nho học, và những người ra chỉ huy trận tiền đều là những kẻ tá nhị ở bản tỉnh và phủ huyện, thế mà Dương-Minh lấy nhất tâm vận dụng được cả, khiến những kẻ thư sinh thành danh sĩ, những kẻ ti thuộc thành lương tướng. Ông có cái thủ đoạn hóa những kẻ tầm thường ra làm bậc thần kỳ. Ông thật là một bậc thiên tài vậy ». (1)

Cái thủ đoạn hóa kẻ tầm thường ra bậc thần kỳ đó, chỉ có Nã-Phá-Luân là bằng ông. Ông lại không hề nếm mùi thất bại. Hễ ông ra quân là thắng, mà thắng rất mau. Giặc Chương-Châu phá khuấy trong hai chục năm, ông dẹp trong ba tháng ; giặc Dũng-Cương, Hoành-Thủy chỉ trong sáu tháng ; giặc Tam-Lợi chỉ trong ba tháng. Lần cuối cùng không tốn một mũi tên, không chết một tên lính mà ông trừ được một bọn thổ khấu đã hai năm làm triều đình thúc thủ.

Hồi đó ông đã năm mươi sáu tuổi, ở nhà cư tang cha và dưỡng bệnh đã được sáu năm, tưởng được yên ổn dạy học tới hết đời thì có chiếu của vua Thế-Tôn cử ông làm Lưỡng-quảng, Giang-tây, Hồ quảng, Tổng chế quân vụ để dẹp giặc Tư Ân. Ông nóng lạnh và ho dây dưa từ mấy năm, xin để cử hai người thay mình. Vua không nghe, cố ép, ông rớt nước mắt mà vâng lời, vừa lên đường vừa uống thuốc.

Trong khi đi nhậm chức, ông đã dò xét tâm lý và tình tình của giặc, biết rằng nguyên nhân do chính sách vụng về của triều đình và sự thối nát của chính quyền địa phương mà ra cả. Miền đó cũng là một miền mọi rợ chưa được khai phá, giáo hóa. Hồi trước triều đình dùng thổ hào để cai trị, cho thổ dân giữ phong tục của họ ; sau bãi bỏ những thổ hào đó, bổ nhiệm những quan ở kinh đô tới. Bọn này không hiểu tâm lý, tục lệ của thổ dân, làm nhiều việc mất lòng chúng, lại khắc nghiệt, hối lộ, nên chúng nổi loạn.

Hiểu vậy, ông quyết dùng chính sách phủ dụ, không dùng binh lực để khỏi tốn hao, chết chóc. Tới nơi ông ra ngay lệnh giải tán ba vạn quân cho về ăn tết, chỉ giữ lại vài ngàn người vì ở xa, không kịp về nhà trước tết. Tướng lãnh nào đã dám có thủ đoạn cao kỳ như vậy ? Đã không mộ thêm quân mà còn giải tán đến gần hết ! Rồi một mặt ông dâng tấu, xin để thổ quan cai trị thổ quan như cũ, một mặt tuyên bố sẽ tha tội cho những kẻ cải tà quy chính. Bọn

(1) Nho giáo — Cuốn II (Tân Việt).

cầm đầu giặc vốn đã nghe tài cầm quân của ông, nay lại thấy ông xử sự rất mực khoan hòa, quân tử, nên cảm động, tự trói mình ra đầu thú. Ông phạt mỗi đứa trăm trượng rồi cho về. Nhân tiện, ông dùng ngay bọn mọi mới quy phục để dẹp giặc Bát-Trại ở miền ấy. Bọn nầy giỏi du kích, hoành hành đã mấy chục năm, lúc ẩn lúc hiện, quan quân đành bó tay. Nhờ mọi Tư-Ân giúp sức đắc lực vì biết đường lối và quen khí hậu, ông lập mưu vây giặc khắp bốn phía và đánh dốc vào, chỉ trong ba tháng dẹp được hết.

✶

Mỗi khi dẹp xong miền nào, ông tổ chức ngay lại chính trị và kinh tế, lập thêm huyện, trường học, sửa đổi cách đánh thuế cho hóa vật được lưu thông dễ dàng mà số thuế thâu được tăng lên.

Ông khéo chiêu dụ, giọng thành thực, cảm động mà vẫn cương quyết. Có lần ông bắt được 7.600 tên giặc, tra xét chỉ thấy có 50 tên cầm đầu, 4.000 tên khác hùa theo, còn bao nhiêu bị giặc bắt buộc mà phải theo. Ông xử tội 50 tên thủ xướng, còn bao nhiêu tha cả.

Ông lại lập ra hương ước để cải hóa nhân tâm. Dân mỗi làng họp nhau thành một ước, bầu những người có tuổi tác, tài đức làm ước trưởng, ước phó, ước chánh... Người trong *ước* giúp đỡ lẫn nhau, dạy bảo lẫn nhau. Nếu kẻ nào có lỗi thì họp nhau lại để người trên kiểm thảo, một hai lần không nghe mới phạt ; khi nào kẻ đó nhất định không sửa lỗi thì mới đưa lên quan trên trừng trị.

Ông chú trọng nhất đến sự dạy học. Ngay trong khi cầm quân, hễ có thì giờ rảnh là ông giảng đạo thánh hiền ; và tới cai trị miền nào, ông cũng mở thêm lớp học, thư viện. Dân chúng mang ơn ông dẹp giặc, rồi giáo hóa, nên lập nhiều sinh từ, yết tượng ông lên để thờ.

Khi lại Quảng-tây dẹp loạn Tư-Ân, đi qua Nam-xương, nơi ông đã phá được Thần-Hào, già trẻ trai gái tiếp rước ông long trọng, thắp hương khấn vái ông đầy đường.

Tới tỉnh, ông vào đô ty, cho ai nấy muốn ra mắt ông thì cứ vô một cửa, ra một cửa. Dân chúng chen chúc nhau vô suốt ngày không ngớt.

Hôm sau ra *Minh-luân-đường* giảng về *Đại-học*. Thính giả đông nghẹt, đến nỗi những kẻ trước vẫn bài bác tâm học của ông cũng phải thán phục ông là một vị thánh sống.

✶

Chính trong thời dẹp loạn Thần-Hào mà ông tìm ra được thuyết *trí lương tri* để giải nghĩa hai chữ *trí tri* trong sách *Đại-học*. Theo ông, *trí tri* đó tức là *trí lương tri*.

Danh từ lương tri không phải của ông đặt ra mà của Mạnh-Tử. *Lương* là lành, *tri* là biết. Trời phú bẩm cho loài người tấm lòng thị phi, chẳng cần suy nghĩ cũng tự nhiên phân biệt được thiện và ác, phải và quấy ; tấm lòng đó là *lương tri*, nói theo danh từ ngày nay là *lương tâm*.

Lương tri như mặt trời hay một tấm gương, mà vật dục như một đám

mây, một lớp bụi. Mây hoặc bụi có thể làm mờ mặt trời hoặc tấm gương, thì vật dục cũng có thể làm mờ lương tri của ta được. Vậy bổn phận của người học đạo là diệt những tư tâm tà dục để cho lương tri được cực kỳ sáng tỏ, để khuếch sung lương tri đến cùng cực, nói cho gọn, để *trí lương tri*. Ông bảo lương tri thì người ngu với thánh nhân cũng như nhau mà thôi, chỉ khác thánh nhân *trí* được *lương tri* người ngu thì không,

Nhờ ông giải nghĩa *cách vật* là làm cho cái sự, cái ý thành chánh đáng nghĩa là làm điều thiện, tránh điều ác, và *trí tri* là khuếch sung lương tri đến cùng cực, mà đoạn dưới đây ở đầu cuốn *Đại học* bỗng sáng nghĩa, không làm cho ta nghi ngờ, bất mãn như khi đọc những chú thích của Chu-tử :

« *Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc ; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia ; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân ; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm ; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý ; dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật* ».

Đời xưa muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình ; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình ; muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình ; muốn sửa thân mình thì trước hết phải chính cái tâm của mình ; muốn chính cái tâm của mình thì trước hết phải làm cho tinh thành cái ý của mình ; muốn làm cho tinh thành cái ý của mình thì trước hết phải *khuếch sung lương tri đến cùng cực. Khuếch sung lương tri đến cùng cực ở chỗ làm cho chánh đáng cái sự, cái ý (nghĩa là làm điều thiện, tránh điều ác).*

Tóm lại thì phải làm điều thiện, tránh điều ác để cho lương tri được sáng tỏ đến cùng cực, có vậy rồi ý của ta mới tinh thành, tâm của ta mới chính đại mà ta mới tu thân được để tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Như tôi đã nói Chu-Hi giảng chữ *cách* là *đến* cho nên lời chú thích có vẻ mù mờ khiến cho biết bao thế hệ hoang mang, cứ theo đuổi sự vật để tìm đạo lý, không hiểu rằng đạo lý ở trong tâm ta, hễ ta tu dưỡng, làm lành lánh ác, diệt tà niệm cho lương tâm được sáng suốt thì sẽ thấy đạo trời và đạo người.

Vậy nguyên do chỉ tại không thỏa mãn về lời giải của Chu Hi về bốn chữ *cách vật trí tri*, mà trong ba mươi năm, ngày đêm suy nghĩ, ông lập ra được một học thuyết kết tinh trong ba chục chữ dưới đây :

Vô thiện vô ác, thị tâm chi thể ;
Hữu thiện hữu ác, thị ý chi động ;
Tri thiện tri ác, thị lương tri ;
Vi thiện khứ ác, thị cách vật.

Không thiện không ác, là thể của tâm ;
Có thiện có ác, là ý phát động ;
Biết thiện biết ác, là lương tri ;
Làm thiện bỏ ác, là cách vật.

Thực ra chú thích của Chu-Tử, mặc dầu lúng túng, gần với ý của Khổng-Tử hơn là lối giảng của Vương-Dương-Minh. Khổng Tử không hoàn toàn duy tâm như Vương và năm chữ *trí tri tại cách vật* giảng như Lâm-Ngữ-Đường là « muốn có cái trí

thức chân chính xác đáng thì phải xét kỹ mọi vật » (cách đó là xét cho đến nơi, cho kỹ) có lẽ đúng hơn cả. Vương chỉ nhìn thấy một khía cạnh của tư tưởng của Khổng-Tử, nhưng khía cạnh đó, ông đã nhìn bằng cặp mắt cực sáng và đã phát huy được một triết lý. Tất nhiên triết lý đó không phải là chân lý tuyệt đối, và từ trước tới nay, từ nay tới sau, loài người vẫn phải tìm tòi hoài về triết lý, không chắc bao giờ có thể thành công hẳn được. Nhưng triết lý của Vương rất mới mẻ, mở một khu vực bao la cho người sau nghiên cứu, khu vực của tâm tư, và nhất là đã cứu được cái tệ phóng đãng, trụy lạc, bỏ tâm, theo vật của người đương thời ; do đó mà gây thành tám môn phái ở Trung-quốc, rồi lan rộng sang Nhật-bản, được sĩ phu Nhật rất hoan nghênh. Trung-Giang Đẳng-Thụ (Nake Tôju), người truyền bá Vương học ở Nhật đã ví Vương với người phát cỏ dọn đường, treo cao tấm bảng tâm học lên làm đích, chỉ đường quang đãng cho người ta đi đến thánh học.

★

Về phương pháp giáo dục Vương-Dương-Minh cũng có những tư tưởng rất mới mẻ. Trước Tolstoi, trước cả J. J. Rousseau, ông nhận thấy rằng tâm lý trẻ em là thích tự do chạy nhảy, vui chơi mà ghét sự bó buộc. Đọc đoạn dưới đây, ai không bảo là của một nhà tân giáo dục ở thế kỷ chúng ta :

« Trẻ như cây mới đâm mầm, để cho thư sướng thì chúng phát triển mau, nếu câu thúc thì chúng cằn cỗi, cho nên dạy chúng, nên tập cho chúng ca múa... Trẻ ngày nay phải học nhiều chữ quá, bị kiềm thúc quá, nhiều khi bị roi vọt, giam trói không khác bọn tù, trách chi chúng chẳng coi trường học như nhà khám và ông thầy như kẻ thù mà không muốn thấy mặt. Bị cấm đoán, tất nhiên chúng phải lén lút, che đậy để thỏa lòng vui chơi, nghịch ngợm, như vậy có khác chi mong cho chúng làm điều thiện mà lại xua chúng vào nơi ác không ? »

Ông lại mạt sát lối nhồi sọ trẻ : « Dạy sách không cần dạy nhiều, mà chỉ cần trẻ hiểu kỹ. Tùy sức thông minh của mỗi đứa mà dạy. Đứa nào học được hai trăm chữ thì chỉ dạy trăm chữ thôi, để tinh thần, sức lực chúng không suy yếu đi. » Lời đó có khắc bảng đồng treo ở các trường sư phạm ngày nay thì cũng vẫn hợp.

Tài cảm hóa môn đệ của ông cũng đáng cho ta phục. Người ta kể chuyện trong một kỳ thi Hội nọ, các quan trường ganh ghét ông, ra cho sĩ tử một đầu bài về tâm học, để gián tiếp bài xích thuyết của ông. Trong số sĩ tử có nhiều học trò của ông cực chẳng đã phải đi thi để tìm bước tiến thân. Một người thấy đầu bài, thở dài nói : « Có lẽ đâu ta nói ngược lại lẽ phải mà ta đã biết để xu phụ thói đời mà kiếm chút khoa danh cho được ! », rồi khảng khái cuốn lều chiếu, bỏ trường thi ra về.

Ba người khác, hùng tâm hơn, cứ đem thẳng ý kiến của thầy ra bày tỏ. Có lẽ giám khảo phục cử chỉ quân tử đó mà chấm đậu.

Tới dân mọi rợ ở Long-trường chịu ơn giáo hóa của ông, cũng kính mến

ông, bênh vực ông. Hồi đó ông còn làm cai trạm. Viên thái thú sở tại ghen ghét, sai người đến mắng ông, bị thổ dân nổi giận làm nhục lại. Viên thái thú không dám động đến thổ dân, thưa quan Hiến-phó. Viên này viết thư bắt ông tạ tội với viên thái thú. Ông hiên ngang đáp, đại ý rằng :

« Bị đày tới đây, phải sống giữa một nơi đầy chướng khí, ác thú, ma quỷ, có thể chết bất kỳ lúc nào, mà tôi vẫn thản nhiên, vì đã coi cái chết như không rồi. Chết mà vì trung tín lễ nghĩa thì là chết vẻ vang. Còn như không đáng tội chết mà bị hại thì nghĩa là mệnh trời đã hết, bất quá như bị rắn rết, ác thú cắn vậy thôi, có gì mà sợ ? »

Đọc bức thư đó, chính kẻ thù của ông cũng không phải khâm phục.

✶

Như bạn đã biết, ông đương đau nặng, nhưng vì triều đình thiếu người, Vua Thế-Tôn không biết xoay xở ra sao, một mặt dụ dỗ ông nên « nghĩ tới trẫm mà cứu xã tắc một lần nữa », nên ông lại đi xa mấy ngàn dặm để dẹp giặc Tư-Ân và Bát-Trại. Dẹp xong thì bệnh tình của ông trầm trọng : lúc nóng lúc lạnh, ho, mửa ra máu, đi tả và phù thũng. Nguyên do tại ông lao tâm lao lực quá mà lại mắc thêm tà khí ở nơi ma thiêng nước độc. Tháng mười năm 1528, ông dâng sớ cáo quan về dưỡng bệnh. Ông biết nhà Vua chưa chắc gì đã chấp thuận, nên viết thư riêng cho một người bạn thân là Vương Quỳnh tại triều, nhờ tâu giúp. Sợ không kịp nhắm mắt ở chốn quê hương, ông giao binh quyền cho quan bố chính Vương Đại-Dung, rồi không đợi chiếu của nhà Vua, ông sắm sẵn một chiếc quan tài cho khiêng theo sau, lên đường về Dư-diêu. Môn sinh đi theo thuốc thang, hầu hạ. Mới tới Nam-an thì ông mất (1528), thọ 56 tuổi.

Trước khi tắt thở, môn nhân có người hỏi ông có dặn dò thêm gì về đạo học nữa không. Ông đáp :

« Lòng này quang minh, còn phải lời gì nữa ? »

Chỉ một câu đó đủ thâu gồm mọi mối trong Vương học.

Ông cũng không muốn cho học trò chép những lời dạy bảo của mình mà in thành sách vì lẽ :

« Thánh hiền dạy người, như thầy thuốc chữa bệnh, phải tùy bệnh mà lập phương, châm chước (...), thêm vị này, bớt vị kia, cốt trị được bệnh, chứ không có định thuyết. Nếu câu chấp một bề thì ít khi tránh khỏi tội giết người. Nay thầy và các trò chẳng qua là đem những chỗ thiên lệch khuyên bảo lẫn nhau, thế thôi ; nếu muốn giữ lời của mình làm thánh huấn thì sau này làm sao chuộc cho được cái tội đã tự lầm mình rồi lại lầm lây cả người khác ? »

Phi một bực đại trí không thể có tư tưởng khoáng đạt và xác đáng như vậy. Ông đã thấy tâm học của ông không phải là một chân lý tuyệt đối, và sau bao năm tu luyện để đạt được bực thánh, ông đã khiêm tốn từ chối địa vị đó.

Ông mất rồi, bọn tiểu nhân ở triều đình còn hậm học bắt bẻ ông dám tự tiện

bỏ nhiệm vụ mà về quê, không đợi chiếu chỉ. Vua Thế-Tôn hôn ám, nghe lời chúng sàm tấu, không ban tên thụy cho ông và không cho con ông được tập tước theo lệ. Như vậy cũng gần bằng lột hết chức tước của ông.

Nhưng từ xưa, cái vinh nhục mang những dấu son đỏ choét đó có chút xíu nghĩa lý gì đâu ? Đến ngay cái hành động của vua Mục-Tôn bốn chục năm sau, để sửa điều bất công đó mà ban cho ông tên thụy là Văn-Thành và cho con ông được tập tước bá, chẳng qua cũng chỉ như một nét sổ toẹt trên một vết dơ của ông cha thôi.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Cần có người can gián

Vua nước Sở sắp đi chơi mạn Kinh-đài. Quan Tư-Mã là Tử-Kì can ngăn nhưng bị vua Sở giận mà cự tuyệt. Quan Lệnh-doãn là Tử-Tây thấy vậy, liền đến mừng vua, nói :

— Việc đi xem Kinh-đài không thể nào để lỡ được.

Vua Sở lấy làm vui mừng, vỗ vai Tử-Tây nói :

— Ta cùng ngươi cùng hưởng cuộc vui này.

Khi ra đi, được mươi dặm đường, bỗng Tử-Tây nắm cương ngựa dừng lại, nói với vua :

— Thần xin nói một truyện đạo nghĩa, vua có nghe chăng ?

Vua Sở đáp :

— Ngươi nói ta nghe...

Tử-Tây nói :

— Thần nghe, làm tôi mà trung với vua thì tước lộc không đủ để thưởng nổi ; làm tôi mà nịnh hót vua thì hình phạt không đủ để trị tội cho hết. Ôi, Tử-Kì là hạng trung đó, mà tôi là hạng nịnh đó, xin nhà vua thưởng kẻ trung và giết kẻ nịnh.

Vua Sở nói :

— Nay ta nghe lời can của Tư-mã không đi chơi nữa, chẳng qua chỉ cấm được một ngày. Còn sau đây, người khác kế vị ta lại đi chơi nữa thì làm thế nào ?

Tử-Tây đáp :

— Việc cấm những người sau này thì có gì là khó ? Sau khi nhà vua mất đi rồi, thì xin làm ngay lăng tẩm lên trên Kinh-đài. Con cháu sau này tất không khi nào mà dám trèo lên mồ mả của ông cha để vui chơi được nữa...

Vua Sở khen phải, quay về ngay mà không đi nữa. Khổng-Tử nghe truyện đó, khen rằng : — « Lời can gián của Tử-Tây thực là chí lí. Vào sâu hàng trên ngàn dặm, mà có thể ngăn cản được tới trăm năm về sau. »

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

ÚC VIÊN THI THOẠI

廊園詩話

CHUNG QUANH BÀI

« THĂNG LONG HOÀI CỔ »

CỦA BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường
Đến nay thấm thoắt mấy tinh sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt
Nước còn chau mặt với tang thương
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường

Đã có nhiều người muốn và bảo, tên bài thơ này nên đề là *Hoài cổ* trơn hai chữ, mà thôi ; không cần phải đề là *Thăng - long hoài cổ*, như các bản xưa đã chép. Vì xét ra, toàn bài thơ, không có chữ nào nói rõ địa điểm, cảnh trí đất Thăng-long.

Bảo như thế, cũng phải, nhưng nghĩ có cần chi. Chúng ta nay đã tập dựa theo cách làm văn toán học của Tây phương, nói điều gì cũng muốn chỉ định rõ ràng.

Từ khi chương trình giáo khoa nhận các bài thơ đem làm khóa bản, giảng tập cho học trò, các nhà sư phạm mới nghĩ đến việc phân tích một bài thơ. Việc này đòi hỏi đến mạch lạc phân minh của ý thơ, lời văn, đến cả tên bài, chỗ viết. Đó cũng là một điều cần phải có.

Nhưng đối với các bài thơ cổ, chúng ta nên có một ý niệm khác. Chúng ta nên nghĩ như người xưa đã nghĩ.

Người xưa làm thơ, nhất là làm thơ nôm, là làm để mà chơi, làm để tiêu khiển, chớ không nghĩ làm thơ

để thi cử, làm thơ để dạy học trò, như ngày nay, ta soạn một bài khóa bản.

Có lẽ, các bài thơ xưa, khi làm nên, không bài nào có đầu đề cả. Đến khi được người truyền tụng, sao chép lại, mới đặt cho nó một tên, để tiện tra tìm.

Riêng về bài thơ này, của bà huyện Thanh-Quan, tuy trong bài, không chỉ rõ địa điểm Thăng-long, nhưng chúng ta, cũng như bao nhiêu người trước chúng ta, cứ muốn đề là *Thăng-long hoài cổ* thì hơn.

Đề như vậy, sao là không hợp lý. Thử xét mà xem. Xưa nay, phàm thi văn điếu cổ làm nên, đều do cảm khái của thi nhân xúc động bởi mối tình kim tích. Nhưng mà, chúng ta cũng nên nhận thấy, phân biệt có hai mối tình hoài :

Đối với nơi thâm động nhàn am, di tích của một sơn nhân dật khách, mà phát sinh lòng hoài cổ, thì mối tình hoài cổ đó cũng chỉ đủ bàng bạc tiêu sái như khói vấn mặt hồ, sương vương đỉnh núi, nhẹ nhàng man mác mà thôi.

Nó đâu có tha thiết lâm ly, như khi đứng trước cảnh hoang phế thê lương, tiêu điều tàn tạ của một nơi cố đô cựu chỉ, nơi cho mắt trải qua bao cuộc hưng vong của triều đại.

Khi chúng ta qua động Kính-chủ, thăm nơi đọc sách của Phạm Sư-Mạnh, khi chúng ta qua núi Dục-thúy thăm vườn cúc của Trương Hán-Siêu, khi chúng ta qua Chí-linh thăm chốn u cư của Chu Tiều-ẩn mà sinh lòng hoài niệm, thì mối hoài niệm đó, cũng phải khác hơn là khi đứng bên hồ Hoàn-kiếm mà tưởng nhớ vua Lê, khi đứng trước Trấn-bắc hành cung mà ngậm ngùi cho chúa Trịnh ; hay gần đây hơn, khi trèo lên ngọ môn, đoái nhìn tám mặt Phú-xuân kinh mà bàn hoàn cho sự nghiệp của người ôm giải Hoành-sơn để mưu việc dung thân vạn đại.

Đã xét ra như vậy rồi thì, khi đọc câu thơ điếu cổ, chúng ta cũng biết được là câu thơ làm ở đâu rồi, có cần chi mà phải chỉ định địa danh.

Thơ này, của bà huyện Thanh-quan, không muốn đề là *Thăng - long hoài cổ* mà muốn đề là *Hoài cổ* trơn hai tiếng, lấy lẽ rằng, không chỉ định địa danh thì hoài cổ ở đâu mà không được, vì ở đâu mà chẳng có lối xe ngựa, nền lâu đài, bóng tịch dương, hồn thu thảo. Bảo như thế, cận hồ hữu lý, nhưng xét kỹ lại, không thỏa đáng chút nào.

Ừ thì hoài cổ ở đâu mà không được, nhưng thử hỏi xem, bà huyện Thanh-quan đã đem mối tình cảm cựu đó ký thác trước ý cảnh nào mà lâm ly đến như thế, mà não nuột tiêu tao đến như thế vậy.

Cảnh nào đâu, mà đổi thay chớp nhoáng, vui buồn cười khóc như diễn chốn hí trường ; cảnh nào đâu, lối phấn hương vừa náo nức tiếng ngựa xe mà nay đã ngậm hồn thu thảo âu sầu ; cảnh nào đâu, nền vàng son vừa rực rỡ bóng lâu đài mà nay đã dãi bóng tịch dương bảng lảng. Cảnh nào đâu,

ai đó thử chỉ định hộ người xưa. Mê-linh chăng ? Đại-la chăng ? Hoa-lư chăng ? Tây-đô chăng ? Đều đã lâu xa quá. Thuận-hóa chăng ? Không hợp lý rồi, vì đương thời bà huyện Thanh-quan, kinh Phú-xuân là nơi kim âu điện định, hỏi mà làm chi. Thăng-long chăng ? — Đích là Thăng-long rồi đó, lọ là phải hỏi làm chi.

Thú vị biết bao và cảm động biết bao, khi chúng ta, nhân nhìn suốt tấm lòng hoài niệm của bà huyện Thanh-quan mà tìm được hình ảnh Thăng-long cố đô đó. Thôi thì, còn ngờ chi nữa, vì có điều chi nữa mà ngờ. Đã chắc chắn rồi, sao chúng ta lại còn ngại ngần chi mà không để đủ trọn bốn chữ « *Thăng-long hoài cổ* ».

Từ trên đến đây, chúng ta đã đủ phần biện lý rồi. Huống chi, chúng ta còn được thêm phần hứng thú.

Bốn chữ *Thăng-long hoài cổ*, trước khi ngâm đến bài thơ, cũng đã gợi cho chúng ta bao niềm cảm khái, bao nỗi bàn hoàn, vì đất Thăng-long hiển hiện lên cho chúng ta bao hình ảnh thân yêu. Há nó chẳng hứng thú hơn là bắt chúng ta phải quyết đó là bài thơ *Hoài cổ* trơn tru, và hoài cổ bất kỳ ở đâu đâu cũng được. Làng thơ chúng ta há lại dành chịu thiệt thòi như thế hay sao. Tìm thêm chút nữa, chúng ta sẽ thấy được tấm lòng của tác giả câu thơ.

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

nằm trong tấm lòng của một kẻ cựu thần triều cố Lê, Nguyễn Du, thi sĩ đồng thời, cũng qua Thăng-long, hoài cổ :

Bách niên cự thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cố cung

*

Đến đây, đã hết chuyện nhan bài. Rồi còn đây là chuyện một chữ thơ. Một chữ thơ cũng của bà huyện Thanh-quan, và cũng là một chữ thơ trong *Thăng-long hoài cổ*.

Thơ nôm Đường luật mà làm đến như thơ Thanh-quan, cũng kể được là đáng yêu. Mà trong năm bài thơ của bà huyện Thanh-quan còn truyền tụng, đáng yêu hơn hết, lại là bài *Thăng-long hoài cổ*. Bốn bài kia, nhiều ít, hãy còn có câu chưa thực xứng với ý cầu toàn của làng ngâm vịnh.

Thăng-long hoài cổ riêng có một cách điệu lịch sự trang nghiêm của loại văn chương đài các. Thi tứ thâm trầm, thi cú tề chỉnh, từ khởi bút đến lạc bút ngay ngắn đoan trang. Muốn táng thưởng thật không tiếc lời táng thưởng.

Nhưng mà lạ lùng thay, vì đặc biệt thưởng thức, liền tay trân trọng, luôn mắt ngắm nhìn, mà chúng ta tình cờ thấy được một vết nhỏ trên viên khuê bích. Than ôi ! thật khó tìm thay một hòn ngọc vô hà !

Chúng ta, ai cũng đều nhận biết ý cảnh tổng quát của bài thơ này là nhân mắt thấy cảnh biến thiên của trường thiên diễn, vật đổi sao dời, mà lòng phát sinh mối ngậm ngùi cho cuộc tiêu trưởng doanh hư, tồn vong hưng phế.

Nào là trò đối hí trường, nào là tinh sương thấm thoắt, nào còn đâu là lối xưa xe ngựa, nào còn đâu là nền cũ lâu đài, rồi kết luận bằng ba tiếng « *luống đoạn trường* » lâm ly não nuột.

Bao nhiêu cảnh vật vừa kể đó là do tay con người gây dựng, thì một sự nghiệp sụp đổ, một triều đại điêu tàn, tự nhiên là không tránh khỏi.

Đến như, hóa công thiên tạo, mộc thạch vô tri mà cũng không đi ra ngoài định luật « hữu hình hữu hoại ».

Màu mộc thạch vàng kim ố cỏ.

Tàn phế hết và tiêu ma hết cả !

Tránh làm sao được, tay thời gian thiên ma bách chiết phũ phàng.

Hai câu nghị luận của bà huyện Thanh-quan muốn nêu định luật đó. Mà có nhận định được điều đó, lòng người thơ mới càng thấm đượm thêm nỗi niềm chua xót. Thi sĩ đã nhận ra : Thanh đạm vô tình như nước mà cũng còn « *chau mặt với tang thương* ». Nước có biết đau xót vì cảnh tang thương mà chau mặt, hay vì nội tâm tác gia đau xót mà nhìn nước bằng mắt chủ quan. « Lục thủy bồn vô sầu, nhân phong xô diện », nước biếc vốn không có nỗi sầu chi, chỉ vì gió mơn man mà nước cũng chau mày. Chủ quan hơn nữa, người nhìn nước cứ muốn nước chau mặt vì cảnh tang thương, cũng như thi sĩ đã vì trông thấy cảnh tang thương mà chau mặt.

Nước của thi sĩ không còn là vô tình nữa. Nước của thi sĩ phải có một tâm hồn cảm xúc. Vì chính nước là hồn thơ của thi sĩ đó mà. Câu thứ sáu của bài thơ đã nói lên được điều nhận định chủ quan đó :

Nước còn chau mặt với tang thương

tiếng *còn* đắc địa lắm. Ý rằng : Vô tình như nước mà cũng *còn* phải *chau mặt với tang thương*. Đó là lấy mắt biến mà nhìn một thể biến.

Nhưng mà, lạ lùng thay ! Liền trên câu đó, ở câu thứ năm, thi nhân đã lơ đãng hay sao mà lại bảo rằng :

Đá VẪN BỀN gan cùng tuế nguyệt

hoặc bảo rằng :

Đá VẪN TRƠ gan cùng tuế nguyệt

« *vẫn bền* », « *vẫn trơ* » đều là lấy mắt bất biến mà nhìn một thể bất biến rồi.

« *Vẫn bền* », « *vẫn trơ* » đi lạc lõng ra ngoài bao nhiêu ý niệm chung của toàn thiên.

Chúng ta thử lấy bút son mà khuyên đủ năm mươi bốn chữ, rồi chừa ra hai chữ « *vẫn bền* » bằng nét mực đen xì ; chúng ta sẽ thấy đó là hai phiến đá chắn ngăn nguồn thơ son đang một chiều lưu loát chảy xuôi dòng.

« *Vẫn bền* », « *vẫn trơ* » đã vương ngang dòng thi tứ, là muốn nói theo phương diện thi pháp thi thần. Đến như đứng trên phương diện chất thực mà xét ra, đá đâu phải là một thể bất biến, mà « *vẫn bền* », « *vẫn trơ* » cho được. Chúng ta há đã chẳng từng nghe :

Dẫu là đá cũng nát gan

và

Trăm năm bia đá thì mòn

đó sao.

Nay, thi sĩ bảo rằng « *đá vẫn bền gan* » chẳng những không thông nguồn

cảm hứng, mà lại còn sai với định luật vật lý nữa.

Nhận xét thấy điều này, rồi chúng ta cứ muốn đọc lại hai tiếng thơ kia :

Đá CŨNG SỜN gan cùng tuế nguyệt

Đàng kia, vô tình như giòng nước trong veo mà đã bởi tang thương còn *chau mặt*, thì đàng này, vô tri như khối đá ù lì, sao chẳng vì tuế nguyệt mà cũng « *sờn gan* ». Có đọc câu thơ trên này như vậy, mới có tiếng « *CŨNG* » của đá, đắc địa, xứng được với tiếng « *CÒN* » của nước, dưới kia.

Chúng ta ngâm lại cả bốn câu :

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch-dương
Đá cũng sờn gan cùng tuế nguyệt
Nước còn chau mặt với tang thương

Thông nghĩa lắm, và liền lạc lắm, mỗi khi chúng ta nhớ đến, mắt mình đã từng trông thấy, dấu phong ba sâu hoắm soi xuyên sườn đá Hàng-tiền, hay nhớ đến, mắt mình cũng đã từng trông thấy dấu thời gian nhẫn thính mài mòn bậc đền Đế-thiên, Đế-thích.

Như thế thì, đá ở chùa Lý, đá ở điện Trần, đá ở cung Lê phủ Trịnh, đá tượng vua Lê, đá bia nhà Giám, Nùng-sơn, Ngọc-sơn, đá nào mà chẳng tiêu mòn.

Rồi đều phải đồng ý kết luận rằng : « *Đá cũng sờn gan* » là điều có thực, là lời thơ có bằng cứ chứng minh, đâu phải là cảnh của thi nhân tưởng tượng vẽ vời.

☆

Ngâm thành ngũ cú tự, dụng phá nhất sinh tâm, làm xong bài thơ, đắc ý ngâm nga, tưởng đã hoàn thành, nhưng thực thì công trình mĩ nghệ bằng chữ nghĩa đó, cứ hãy còn dang dở. Chúng ta thường bảo nhau, luôn luôn phải kiểm điểm thơ mình, phải đặt mình ở địa vị khách quan để kiểm điểm thơ mình. Phải tự đặt mình vào địa vị người độc giả khó tính nhất thì mới kiểm điểm được thơ mình.

Nhưng mà « tự kỷ chi văn, tha nhân chi thiếp », cái bệnh đó, từ xưa, ít có ai tự trị liệu được cho mình.

Mình đã không trị liệu được bịnh mình, nghĩ cũng chẳng hề chi, đã còn có bao người sau mình mát tay hơn.

Bây giờ, chúng ta không tự kiểm điểm được tác phẩm của mình thì cứ dành để cho người sau kiểm điểm.

ĐÔNG-HỒ

Ức-viên, ngày mưa ngâu, Mậu-tuất.
23. VIII. 1958

✦ Thủ lãnh là người có thể có sáng kiến mỗi khi cần có sáng kiến. Đó là một nghệ thuật mà cũng là một khoa học. Cần phải biết rõ công việc mình làm, nhưng cũng cần phải sáng ý biết lúc nào là lúc phải « chấp kinh » và lúc nào là lúc phải « tòng quyền ».



LIÊN-BANG MÃ-LAI

SONG-AN CƯ-SĨ

Địa-Dư. Sử-Ký. Hiệp-Định với Anh-Cát-Lợi. Tuyên-Cáo Độc-Lập Tình-hình Chính-Trị Kinh-Tế Tài-Chánh. Văn-Hóa.

ĐỊA DƯ

Liên-bang Mã-lai gồm những lãnh thổ nằm trên bán đảo Mã-lai. Bán đảo tương hình một con sam đầu trở về phía Nam, đuôi là eo đất Kra nối liền với Miến-điện và Thái-lan, nằm dài theo chiều Tây-Bắc Đông-Nam, giữa Vịnh Thái-lan về phía Đông và eo biển Malacca về phía Tây, từ vĩ tuyến 12 đến đường Xích-đạo. Đứng ở mũi Càmau nhìn sang, Mã-lai cách non 1000 cây số phía Tây-Nam.

Dải đất ấy có chỗ rộng, chỗ hẹp, hẹp nhất là 70 cây số (eo đất Kra) và rộng nhất là 200 cây. Kuala-Lampur kinh đô Liên-bang nằm gần đúng vào kinh độ 102 — Đông.

Bốn phần năm đất đai tuyền là rừng rú, rậm rạp, cây cối cao lớn, có đủ thứ danh mộc, như Trắc, Dầu v.v... mọc lên với gai gốc, mây, tre chằng chịt.

Một dải Tràng-sơn nằm chính giữa bán đảo như một nóc mái nhà. Mã-lai cũng có núi cao, như ngọn Myeng-Molet-Kat (2130th) Terrasserim và Robinson (2438th). Sông ngắn bắt nguồn từ núi đổ ra bờ biển phía Đông và phía Tây: như Terrasserim, Pahang, Kelandan.

Trừ một vùng thung lũng về phía Bắc, Mã-lai chỉ gồm có dọc theo bờ biển, những dải đất viền quanh xứ. Phía Tây là một bờ biển bùn lầy, rải rác vài đảo dừa xanh mát. Trái lại bờ biển phía Đông có những bãi cát dài, trắng đẹp, cây cối sum sê, rất ngoạn mục.

Xưa kia, các nhà hàng hải đặt cho Mã-lai một cái tên rất đẹp: Chersonnette d'or (Xứ vàng) và nhà Địa-lý-học trứ danh Ai-cập là Ptolémée đã đến viếng thăm.

Diện tích 131.287 cây số vuông, Mã-lai có chừng 6 triệu dân chia ra như sau:

3 triệu giống Mã-lai, 2.250.000 Trung-hoa, 700.000 Ấn-Hồi, 16.000 Anh, Âu, 12.000 lai-căn, và 60.000 dân thiểu số.

Người Mã là một giống người ưa độc lập, hiền hậu, tôn trọng tập quán, rất trung thành với các Tiểu-vương, và các nhà cầm quyền. Phần lớn chăm lo về nông súc, hay thuyền chài.

Huê kiều rất cần cù, tháo vát, từ xa xưa tràn xuống bán đảo sinh cư lập nghiệp có biệt tài về thương mại và thủ công. Họ còn cộng tác vào việc khai thác các hầm mỏ.

Dân tộc thiểu số gồm có các giống Sakai, Jakun và Negrito từ Nam-dương tràn lên tương tự như các dân tộc miền cao nguyên chúng ta, xuất phát từ các quần đảo Célèbes (giống Bugi). Ngoài ra một số người Á-rập rất giàu có và thế lực.

Đặc điểm của xứ Mã-lai về địa lý cũng như về dân tộc là thiếu tánh chất thuần nhất.

SỬ KÝ

Xứ Mã-lai không có một sử ký rõ rệt. Vì Mã-lai là một xứ bị chia năm sẻ bảy gần như trước kia chỉ là một thuộc địa của nước Chà-và. Vào hồi thế kỷ thứ 14, Vương quốc Chà-và của nước Majapahit đến chiếm cứ Mã-lai và truyền bá văn minh Ấn-độ. Sau nước nầy yếu thế, suy kém, xứ Mã-lai liền bị nước Thái-lan (Xiêm) đoạt lấy miền Bắc. Lãnh thổ còn lại do Quốc vương Malacca kiểm soát, và truyền bá đạo Hồi.

Vào thế kỷ thứ 18, Đế quốc Malacca bắt đầu suy sụp, và tan rã thật sự vào thế kỷ thứ 19.

Trong thời Vương quốc Malacca, hải cảng Malacca trở nên phồn thịnh, nhưng thường bị hải khấu ngoại quốc đến lộng hành, cướp bóc bắn phá. Đến năm 1511, Malacca lọt vào tay Bồ-đào-nha. Đến năm 1641, Hòa-lan lại giựt lại của Bồ. Đến năm 1786, Công-ty Đông-Ấn của Anh phái thuyền trưởng Francis Light đến thương thuyết với Tiểu-vương Kedah xin nhường đảo Pénang và bán luôn cho Anh vào năm 1795, và luôn tỉnh Wallesley ở trên đất liền đối diện với đảo. Malacca cũng lọt vào tay người Anh năm 1795, nhưng đến năm 1824, Hòa-lan mới ký giấy tờ nhường đứt lại cho Anh để đổi lấy Bencoolen.

Sự di nhượng hay chiếm đoạt liên tiếp ấy chứng tỏ sự quan trọng của xứ Mã-lai được đứng vào một hệ thống hàng hải quốc tế và vì thế eo bể Malacca là một cái hành lang thiên nhiên cho các cường quốc chinh phục để thông thương buôn bán với các nước Viễn-đông hay chuyên chở các nguyên liệu về nước. Trước kia Anh-quốc bị Hòa-lan gây rối trong lúc qua eo biển và ngoài hải cảng Bencoolen ở bờ biển phía Tây Sumatra ra, Anh-quốc không có chân đứng ở lục địa. Vào năm 1785, sau khi mua đảo Pénang xong, Anh liền lập một căn cứ hải quân đặt tên là Georgetown.

Trong lúc đó thì nội tình xứ Mã-lai rất rối ren. Sứ quân nổi lên, hùng cứ mỗi phương, tổ chức binh bị riêng biệt, thiết lập chế độ thuế má, khai mỏ thiếc, nhờ đó các vị sứ quân càng ngày càng giàu và càng lo củng cố quyền hành để thâu lượm cho nhiều của cải, chớ không nghĩ đến sự đoàn kết. Cho

đến các Huê kiều cũng tranh giành nguồn lợi, kình địch nhau, xung đột với nhau gây ra một tình trạng hỗn quân hỗn quan rất bấp bênh. Các cường quốc thời bấy giờ tha hồ mà buôn súng bán đạn, đâm thóc chọc gạo, in hệt thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh tại nước ta vậy.

Năm 1819 Stamferd Raffles thiết lập một thương điếm và hải cảng tự do mậu dịch tại Tân-gia-ba, nơi mỏm chót của bán đảo. Hải-cảng Singapore mỗi ngày một phồn thịnh, dân số tăng gấp bội, mậu dịch cũng vượt bực. Từ một cái đảo bùn lầy, sơn lam chướng khí, Tân-gia-ba đã trở thành một hải cảng quan trọng nhất ở Á-đông, một pháo đài kiên cố, một tỉnh thành trù mật.

Ảnh hưởng của nước Anh càng ngày càng được củng cố không những trên các nhượng địa mà toàn cõi xứ Mã-lai. Ảnh hưởng ấy được công nhận trên trường Quốc tế năm 1824. Liền đó Tiểu-vương xứ Johore bằng lòng nhường đứt cho người Anh căn cứ hải quân Singapore. Năm sau cả ba địa điểm Pénang, Malacca và Singapore được sáp nhập vào hệ thống hành chánh Ấn-độ, lúc ấy cũng rơi vào tay người Anh.

Tình trạng hỗn loạn trong nội bộ xứ Mã-lai khiến cho người Anh phải can thiệp, vị Toàn quyền cai trị các nhượng địa trực thuộc bộ thuộc địa Anh, đồng ý cùng phòng Thương-mãi Tân-gia-ba, yêu cầu Chính phủ can thiệp gấp năm 1867. Chính phủ Anh còn lưỡng lự, nhưng đến năm 1873, Thủ Tướng ra huấn lệnh cho vị Toàn quyền « cứu vãn các miền phì nhiêu phong phú khỏi nạn tàn phá nếu cứ để tình trạng bất an kéo dài mãi mãi ! »

Viên Toàn quyền liền mở các cuộc thương thuyết với các Tiểu vương. Để đáp lại thịnh tình của Toàn quyền cam kết bảo vệ cho họ chín Tiểu vương công nhận các vị Công sứ Anh làm Cố-vấn về tất cả mọi vấn đề chỉ trừ phong tục tập quán và tôn giáo. Hiệp ước đầu tiên được ký với Tiểu vương Perak năm 1874 và sau rốt với Tiểu vương Johore vào năm 1914. Năm 1895, các tiểu quốc Perak, Selangor, Negri Sembilan và Pahang gia nhập vào một chế độ nửa đô hộ nửa bảo hộ, có công sứ cai trị mệnh danh là Liên-bang Mã-lai. Nước Thái-lan sau bị bắt buộc chuyển giao quyền hành tại miền Bắc cho Nước Anh theo một hiệp ước ký kết năm 1900.

Các tiểu bang lần lần trở thành những thuộc địa, cách biệt với các nhượng-địa. Một quy chế bảo hộ được áp dụng và Mã-lai không bị sáp nhập vào lãnh thổ Anh-Quốc.

Tháng chạp năm 1941, sau khi thế giới chiến tranh lần thứ hai bùng nổ, quân Nhật từ Thái-lan tràn xuống như nước vỡ bờ. Mặc dù đại đoàn Mã-lai chiến đấu một cách anh dũng, các hải cảng lần lượt rơi vào tay quân Nhật. Hải cảng cuối cùng được tuyên bố là bất khả xâm phạm đã bị quân Nhật dùng mưu kế và chiến thuật « trái dừa » đổ bộ lên, lại thêm đường tiếp viện bị cắt đứt, không nước uống, quân đội Anh-Hoàng tại Singapore phải đầu hàng. Sự thắng trận nầy đã nêu cao trí dũng của quân đội Phù-tang.

Nhưng sự chiếm đóng của Nhật tỏ ra rất tai hại cho nền kinh tế và chính trị Mã-lai. Một mặt các mỏ thiếc, các tàu vét quặng bị tàn phá khốc liệt khiến sự sản xuất thiếc bị ngưng trệ. Các đồn điền cao su vì không có người điều khiển — chủ nhân và chuyên viên bị giam giữ — nên bị bỏ hoang phế. Một phần thiết lộ bị phá hủy. Muỗi rừng được dịp sanh sản rất nhiều và gieo rắc cái họa sốt rét. Mặt khác, vì muốn mua chuộc lòng người Mã, một kế hoạch được áp dụng, rốt cuộc các kiều dân Anh, Hoa-Ấn bị lưu đày trong các trại giam. Do đó các huê kiều thành lập trong rừng sâu một đoàn quân du kích mục đích giải phóng Mã-lai. Một số sĩ quan Anh tìm cách liên lạc và vượt qua mọi hiểm nguy đến hợp tác hoặc chỉ huy. Nhưng các Huê kiều lại nhận huấn thị từ Trung-Quốc, kháng chiến chống Nhật, tuy chỉ do tinh thần ái quốc và quốc gia thuần túy thúc đẩy. Về sau nhóm kháng chiến đó bị đảng Mã Cộng chi phối.

Đảng Mã-Cộng thành lập vào năm 1920 do một vài người Mã-lai hợp tác với Viễn-Đông Cộng-Đảng tại Thượng-hải và tổ chức vài tiểu tổ bí mật. Từ năm 1929 đến 1937, đảng Mã-Cộng chỉ còn một nhóm không đáng kể mặc dầu họ được điều khiển khéo léo và nung nấu bởi tinh thần bài ngoại. Khi Trung-Nhật chiến tranh, Quốc Cộng Trung-hoa bắt tay nhau để kháng Nhật, một mặt trận bài Nhật được thành lập tại Mã-lai lấy danh hiệu là Anti-Enemy Backing-Up Society (AEBUS). Lần lần, Mã-Cộng lôi cuốn đảng này vào đảng Mã-Cộng có mục đích truyền bá chủ nghĩa Cộng-Sản.

Từ năm 1939, Đảng Mã-Cộng (MCP) nhận được chỉ thị trực tiếp của Moscou, thừa dịp Đức trở giáo đánh Nga, liền quay hướng chống Anh và Chính-Phủ đương thời Mã-lai. Măm 1940, nhóm quốc gia hiểu rõ thâm ý của Mã-Cộng liền rời bỏ hàng ngũ của đảng nầy. Nhưng sau khi quân Nhật xâm lăng, đảng Mã-Cộng lại đề nghị với nhà cầm quyền cùng hợp tác để chống kẻ thù chung. Lời đề nghị nầy được chấp thuận vì không đề cập đến chính trị, chỉ là một sự liên kết quân sự mà thôi.

Nhưng chiến tranh đã giúp cho đảng Mã-Cộng thể hiện mục đích sâu kín của họ. Nên vào năm 1942, họ quyết định lập ra một nước Cộng-hòa Dân-chủ Mã-lai. Quân du kích đông độ 3.000 người, dưới sự điều khiển của sĩ quan Anh. Mùa Hạ năm 1943, nhiều sĩ quan Anh được đổ bộ bằng tàu ngầm mục đích tăng cường cấp chỉ huy. Khí giới tự động được thả dù xuống. Mục đích của đoàn quân du kích ấy là cắt đứt các trục giao thông của quân đội Nhật-bổn, khi liên quân đổ bộ lên Mã-lai.

Tuy nhiên Đại-tá Spencer Chapman, tác giả cuốn The Jungle is Neutral (Rừng rú vẫn trung lập) đã khuyến cáo rằng mục đích sự tham chiến của Mã-Cộng không phải là giải phóng cho đất nước mà chính là để thành lập chế độ Cộng-sản quốc tế.

Hai quả bom nguyên tử gieo sự kinh khủng tại Hiroshima và đồng thời chấm dứt chiến tranh tại Á-đông một cách rất

đột ngột. Đảng Mã-Cộng liền sau khi Nhật đầu hàng muốn bành trướng thế lực trên toàn lãnh thổ Mã. Nhưng quân đội Anh đã lanh lẹ nắm chắc tình thế trong tay và thay thế ngành hành chánh. Mã-Cộng liền quay lại chống với quân đội Anh và Chính phủ.

Đồng thời Anh quốc tách hẳn Singapore ra thành một thuộc địa cách biệt và sáp nhập Malacca và Pénang vào với 9 tiểu quốc của các Tiểu vương để thành lập Liên-bang Mã-lai, Liên-bang nầy được long trọng công nhận do hiệp ước ký kết ngày 21-1-1948, giữa nước Anh và đại diện các Tiểu-quốc.

Tại Calcutta, tháng ba năm đó có một cuộc hội nghị giữa những đại biểu những chi nhánh đảng Cộng-sản tại các nước Đông-Nam-Á. Đảng Mã-Cộng liền tổ chức một cuộc mít tinh tại Tân-gia-ba và muốn làm tê liệt hải cảng. Nhưng các phu khuân vác được thay thế bằng binh lính, nên họ không thâu hoạch được kết quả gì cả. Đến tháng 5, các cuộc mít-tinh liên tiếp sảy ra trên lãnh thổ Mã, nhưng nhà cầm quyền cấm ngăn nên đảng Mã-Cộng liền trở vào các chiến khu lập trong vùng núi non hiểm trở, mở màn một trận nội chiến khốc liệt. Khí giới họ đã chôn giấu từ trước lại thêm nhiều món binh khí tịch thâu của Nhật giúp cho họ thực hiện những cuộc tàn phá, khủng bố, đột kích kéo dài ngót tám năm trời.

Theo hiệp ước ký kết năm 1948, thì Mã-lai được hưởng một qui chế tự trị đặc biệt. Một nền hành chánh riêng gồm có hệ thống hành chánh của từng Tiểu-quốc một và một tổ chức hành chánh chung cho Liên-bang. Chánh phủ thành lập. Một chương trình được nghiên cứu để đưa nước Mã-lai qua chế độ hoàn toàn tự trị. Những sự thực hiện chương trình ấy bị trì hoãn do chiến tranh du kích đột nhiên bộc phát và bành trướng mãnh liệt trong một vài vùng do phe Mã-Cộng chiếm cứ.

Dĩ nhiên đảng Mã-Cộng bị đặt ra ngoài vòng pháp luật ngày 22-7-1948, trên khắp lãnh thổ Mã-lai và luôn cả ở Singapore. Trong lúc ấy đảng Mã-Cộng sắp sửa tuyên bố nền « Dân-Chủ Cộng-Hòa ». Bản doanh của họ đóng tại miền núi xứ Pahang — một địa điểm rất tốt cho phe khủng bố — rồi từ đó xuất phát ra phá đường rầy, các đường giao thông, tàn sát các chủ đồn điền, phu cao su, bất kể giống người nào, nếu không chịu đóng thuế.

Nạn nhân của trận chiến tranh khốc liệt nầy là dân chúng phải chịu ở trong tình trạng bất an ninh, đời sống họ trở nên mong manh và cơ cực.

Quân đội Anh hợp lực cùng với lực lượng cảnh bị bản xứ mở những cuộc tảo thanh quyết liệt trong các miền rừng núi. Hơn 7 sư đoàn được huy động thêm cả hải và không quân. Động viên các trai tráng từ 17 đến 54 tuổi lập các đoàn dân vệ. Lính Úc, Tân-tây-lan, Fijians, Iban từ Sarawah, Rhodesie và Đông-Phi đến cả Liên hiệp và Hoàng quân giúp sức. Một chiến dịch tuyên truyền tối tân được áp dụng. Những chiếc máy phóng thanh đặt trên máy bay, trên xe hơi hướng về rừng rú kêu gọi du kích quân đầu hàng « Hãy bỏ rừng rú về đi. »

Năm đợt tấn công tiếp tục được cử hành từ năm 1948. Đợt thứ nhất mục đích bảo vệ các đồn điền, phu làm và trục giao thông. Đợt thứ hai đuổi địch quân vào rừng sâu và theo sát họ. Năm 1949, công cuộc bình định sắp thành tựu thì bên Trung-hoa, họ Mao thắng thế. Mã-Cộng lại quật khởi. Nhưng đợt ba do ông Harold Briggs, Tổng tư lệnh quân đội Anh tổ chức mở màn vào năm 1950 mục đích mở rộng lực lượng cảnh sát, huấn luyện cơ quan an ninh, và bảo vệ những làng (Kampongs) bị cô lập ở những nơi hẻo lánh. Các phi cơ chuồn chuồn và bọ hung được sử dụng đắc lực. Nhưng du kích quân thay đổi chiến lược. Họ phân tán lực lượng thành những nhóm nhỏ cho dễ đi khủng bố lương dân và tổ chức những địa điểm tiếp tế.

Vào năm 1951, tháng mười, vị Toàn quyền xứ Mã-lai Henry Gurney bị thiệt mạng trong một cuộc phục kích. Vài tuần trước, tại kinh đô Kuala-Lampur, một đảng Độc-lập vừa thành lập, mục đích kết nạp tất cả các đảng phái, những cộng đồng dị chủng để thể hiện một thể chế Độc lập trong Liên hiệp Anh (Commonwealth).

Trong tháng 11 năm ấy, ông Oliver Lyttelton (hiện nay là Bá tước Chandoc) lúc đó Bộ trưởng bộ Thuộc địa, đến viếng Mã-lai và đề nghị với Nội các Anh-hoàng cải thiện sáu điểm : thống nhất quân dân chính, cải tổ lực lưỡng cảnh bị, tăng gia bảo vệ các miền được giải phóng, và thâu nhận thêm Huê-kiều vào quân đội.

Đợt thứ tư bắt đầu với Đại tướng Gerald Templer trở nên Toàn-quyền Mã-lai từ tháng hai năm 1952 và với 2.333 vụ khủng bố. Nhưng với sự cương quyết của ông ta, tình hình trở nên khả quan vào năm 1953.

Đợt thứ năm đánh dấu sự phân quyền giữa hành chánh và quân đội. Tháng 6 năm 1954 ông Donald Mac Gillivray giữ chức Toàn quyền còn Thiếu tướng Geoffroy Bourne tổng chỉ huy quân lực, Thiếu tướng R.H. Bower thay thế tướng Geoffroy Bourne vào tháng 5 năm 1956.

Đến 31-7-1955, quân đội Anh đã tịch thu được :

3.788 khí giới
325.295 đạn dược quân cụ
2.822 bom, mìn, v.v...

Ngày 8-9-1955, chính phủ vừa mới thành lập sau cuộc tổng tuyển cử ngày 27-7-1958, cùng với Chính-phủ Hoàng gia Anh ban hành một đạo lực ân xá các phần tử phản động. Và ngày 28-29-12 - 1955, Thủ tướng Tunku Abdul Rhaman với ông David Marshall, đương thời Thủ tướng Singapore đã gặp Chin-Peng, Tổng thư ký đảng Mã-Cộng tại Khan Ingan cùng với hai đảng viên nữa, để thương thuyết về vụ ân xá. Cuộc gặp gỡ ấy không đem lại kết quả gì cả, vì hai vị Thủ tướng không chịu công nhận đảng Mã-Cộng, còn Mã-Cộng thì không chịu cho kiểm soát và truy tầm các đảng viên của họ, sau khi họ đầu hàng.

Ông Hoàng Abdul Rahman là lãnh tụ của đảng Tam-hiệp kết nạp những tổ chức chính trị « bảo thủ » Mã-lai Trung-hoa và Ấn-độ, vừa được bầu làm tân Thủ tướng Liên-bang Mã-lai. Cuộc tổng

tuyển cử với mục đích thay thế cựu hội đồng và thành lập một Hội-đồng Lập-Pháp được cử hành vào ngày 27-7-1955:

Cuộc tranh cử rất ráo riết, biểu ngữ, bích chương, phim ảnh mọi phương tiện tuyên truyền được áp dụng. Ngày Tổng tuyển cử không xảy ra vụ gì đáng tiếc cả. Dân chúng đã hiểu biết nhiệm vụ mình, đi bỏ phiếu rất đông. Trong Tiểu quốc Kedah gần 89,9 phần trăm dân số đi bầu.

Trước kia vào năm 1951, nhà cầm quyền Anh có sáng kiến mở ra nhiều lớp huấn luyện công dân giáo dục do các thầy giáo trưởng làng xã trưởng, các vị cố vấn địa phương đứng ra đảm nhận. Có nhiều nơi lại chỉ dạy cho phụ nữ mà thôi.

Một chương trình được giảng giải trong một tuần lễ cho dân chúng hiểu cách chủ tọa một buổi nhóm họp, cách khai hội, lại có những cuộc thăm viếng các nhà thương hay các trại chăn nuôi súc vật. Lại có chỗ dạy cách trừ bệnh sốt rét. Các lớp huấn luyện nầy rất có kết quả và được dân chúng theo học đông đảo.

Có những cuộc bầu cử hội đồng xã được tổ chức bằng cách bỏ thăm kín. Cũng có những cuộc tuyên truyền bằng ống loa một hai tuần trước. Các hội viên nguyên là những nhà tiểu tư sản : y tế, dược sĩ, thương gia v.v... Nhưng sau khi được dìu dắt họ trở nên những chính trị gia cấp xã. Quỹ của xã 70% do dân làng đóng góp, mỗi gia đình đóng 2 đô-la Mã-lai. 3% do quỹ quốc gia phụ cấp.

Tại nhiều đô thị cũng cử hành các cuộc tuyển cử cấp tỉnh. Penang mở đầu vào năm 1951. 75% dân số đi bầu, lý do vì các làng ở quá cách xa nhau. Đến năm 1954, cuộc tuyển cử hàng tỉnh tại Johore đã đánh dấu một tiến quan trọng.

Trong khi đó các cuộc thương thuyết với đảng Mã-Cộng đều thất bại. Viên lãnh tụ Mã-Cộng không chịu gởi đại diện ra đề hội đàm trong cuộc gặp gỡ dự định trước vào ngày 6-12-1957. Nếu không thì đã có một sự thỏa thuận giữa hai đường.

Trước cử chỉ ấy Thủ-Tướng Abdul Rahman có gởi một tối hậu thơ bắt buộc lãnh tụ Mã-Cộng phái liên lạc viên để tiếp xúc với Chính phủ Liên-bang ngày 21-12 1957. Nhưng họ vẫn cứ tiếp tục quấy rối liên miên.

Trận « giặc rừng » vẫn ngấm ngầm tiếp tục. Đạo luật khẩn cấp ban bố ngày 1-8-57 được triền hạn thêm một năm nữa do hội đồng lập pháp yêu cầu.

Ông Data Abdul Azak, bộ trưởng bộ Quốc Phòng đã tuyên bố :

« Một phần nửa lãnh thổ được coi « là vùng « bạch địa », tuy nhiên chúng « ta còn phải chiến đấu với 1.300 quân « phiến loạn hiện đang còn hoạt động « từ 10 năm nay. Thôi áp dụng luật « khẩn cấp là một điều sai lầm trong « giai đoạn trọng đại của cuộc phản « Cộng của chúng ta ! »

« Phải diệt trừ bọn phiến loạn cho « tận gốc và không thể để cho một « tên nào sống sót ! »

Tuy nhiên sự triển hạn của đạo luật ấy làm cho đảng xã hội Mã thắc mắc. Tờ báo « Utusan Malayu » chỉ trích sự không phân biệt ranh giới rõ rệt giữa hai trạng thái : phiến loạn và cải cách xã hội, trong khi áp dụng đạo luật ấy. « Những kẻ tố cáo rằng các « cường quốc không được quyền thiết « lập các căn cứ quân sự trên lãnh thổ « Mã-lai và nhắc rằng đã đến lúc phải « bải bỏ các hiệp ước giữa Anh và « Mã-lai, có thể bị coi như phản động « và phiến loạn chăng ? »

Trong lúc ấy, một bản tuyên ngôn của Mã-Cộng, nhân dịp lễ kỷ niệm 10 năm « tranh đấu để giải phóng Mã-lai » chứng tỏ họ vẫn cương quyết phủ nhận tất cả điều kiện ân xá có hiệu lực đến ngày 31-7-1958 tuy các điều kiện rất có lợi cho họ : chính phủ sẽ trả tiền lệ phí cho các Huê kiều Cộng-sản muốn trở về Trung-Cộng, cứ mỗi du kích quân về đầu thú sẽ được lãnh một số tiền thưởng là 100 đô-la Mã-lai (33 đô-la Mỹ) mỗi tháng.

Từ ngày đạo luật ân xá được ban hành (31-8-1957) chỉ có 315 du kích Mã-Cộng về đầu hàng không điều kiện. Còn 2.300 người nữa tuyên bố chiến đấu « đến giọt máu cuối cùng ». Riêng Chin-Peng, Tổng thư ký đảng Mã-Cộng, đòi điều kiện tiên quyết là sự công nhận đảng Mã-Cộng là một đảng chính trị hợp pháp.

Hiện nay (1958) chiến khu của họ ở phía bắc sát biên giới Mã — Thái-lan. Thư từ liên lạc đóng dấu gởi từ Haadyal, một tỉnh nhỏ bên đường thiết lộ, trên lãnh thổ Thái.

Trận « giặc rừng » như vậy đã kéo dài đi đôi với lập trường của chính phủ và phiến loạn ; kể đến ngày 28-6-1958, đã được non 11 năm rồi.

Nhưng hồi đó ô. Abdul Rahman lại thâu lượm được kết quả khả quan trong các cuộc đàm phán với Ô. M. Tennox Boyd, Bộ Trưởng Thuộc Địa Anh. Vào tháng giêng năm 1959, Mã-lai và Anh Quốc đi đến một sự thỏa thuận và Mã-lai đã lần lần củng cố nền tự trị và đi đến một sự Độc-lập trong tháng 8 năm 1957.

Một Hội-đồng được cử ra, trong lúc chờ đợi, để duyệt lại bản Hiến-Pháp và Chính phủ Mã hưởng thêm quyền hành và tự do trong một chế độ tự trị càng ngày càng nới rộng.

Liền đó, một hiệp định quân sự liên quan đến vấn đề phòng thủ chung được ký kết giữa Anh và Mã-lai.

SONG-AN CƯ-SĨ

Kỳ tới : Hiệp ước với Anh quốc.

✱ Muốn xô đổ tất cả, vì ý thích thay đổi hết là điều không nên, nhưng cứ ỷ lại hoàn toàn vào những cái đã thành, bởi không ưa đổi mới cũng là điều không nên. Đó là một chủ nghĩa công chức chật hẹp làm hao nhụt chí khí của những thanh niên có tâm hồn thủ lãnh.

THẾ HỆ J 3 Ở PHÁP VÀ ANH

CÔ-LIÊU



Điện ảnh và cặp Vadim - Bardot.

a) *Vadim.* — Vadim thuộc dòng dõi Gengis Khan, vị chúa tể Mông - cổ lừng danh một thời, tên thật là Roger Vadim Plémiannikov. Điều ấy bất ngờ nhất, vì giới điện ảnh và quần chúng chỉ biết có tên Vadim. Thực ra Plémiannikov là dòng dõi một ông hoàng Mông-cổ trị vì xứ Kiev. Ông thân sinh ra Vadim đã nhập Pháp tịch và được bổ nhiệm đại sứ Pháp tại Ai-cập. Trong dịp nghỉ phép về Pháp chơi, ông thân ra Vadim mất tại đấy để lại vợ góa và hai đứa con. Bà này tái giá và mở một quán rượu ở biên thùy Pháp — Thụy-sĩ dưới thời Đức chiếm đóng. Vadim trở thành cậu bé dẫn đường cho lớp người vượt biên thùy trốn tránh chế độ Phát - xít. Vadim không nghe lời mẹ, bỏ con đường chánh trị của cha để theo đuổi nghệ thuật điện ảnh.

Cậu bé Vadim thông minh khác thường. Cậu đã đem trí thông minh ấy trợ giúp tính lười biếng. Vì lười biếng muốn khỏi bận rộn với toán học, Vadim đã ngốn những yếu lý toán học trong 8 ngày. Cậu học chương trình đệ nhất và đệ nhị trong 9 ngày.

Cậu học trò thông minh ấy tính tình lại khác người. Cậu chưa từng phục ai cả mà cũng không phục cả mình nữa. Cậu không nghe theo ý của người lớn. Người lớn đối với cậu mặc

dầu tiếng tăm đi nữa cũng là một thứ trẻ con trong một xã hội trẻ con. Cậu vẫn đi tìm một kiểu mẫu người lớn đúng nghĩa. Hoạt động của Vadim chỉ nhắm vào những sự kiện liên hệ khẩn thiết đến bản thân, ngoài ra mặc kệ không cần biết đến.

Đó, tính tình con người như vậy đem phối hợp với một trí thông minh sáng suốt phi thường phải đưa con người đi xa.

Vadim thuộc loại người có trí nhớ bằng hình ảnh, suy nghĩ, diễn tả cũng bằng hình ảnh. Hồi nhỏ Vadim đã chứng kiến cái chết thê thảm của cha : cảnh người cha lăn dùng ra sàn nhà, đầu đặt lên cái đĩa bể, giữa bữa ăn sáng trong gia đình, điệu bộ hốt hoảng của người mẹ trong lúc bất thần xúc động, tiếng kêu thất thanh của đứa em gái. Tất cả chi tiết của một màn bi kịch mãnh liệt, trí nhớ Vadim chụp lấy như một cái máy ảnh thành một bức hình linh động bất diệt, ngày nay Vadim có thể diễn lại không sai một nét.

Vadim lại có khiếu nhận xét tinh vi, có tài sáng tác những cảnh tượng mãnh liệt để gây những xúc động khác thường. Như thế Vadim quả thực là người của sân khấu, hay sân khấu phải là phương tiện để Vadim khai thác thần hứng văn nghệ. Ông đưa lên màn ảnh những tình trạng uẩn khúc của xã hội mà ông cho là sự thật điển hình về lớp thanh niên không tin tưởng những giá trị đạo đức cổ truyền. Đạo đức đối với họ có giá trị những đồng tiền cổ quý thật nhưng hết xài.

Sự nghiệp và tâm hồn Vadim đã phản ảnh nét chính của thế hệ thanh niên Pháp hiện đại : « thế hệ không biết phục ai cả, không biết khen ai cả ». Có thái độ ấy thanh niên sao khỏi từ khước kỷ luật cương thường xã hội cha anh.

Cuốn phim đem lại danh vọng cho Vadim là phim « Et Dieu créa la femme ». Số tiền vào cửa thâu hoạch được khi đem chiếu đứng hàng thứ tư thế giới. Sự thành công của ông một phần dựa vào cá nhân của cô đào Brigitte Bardot, vợ Vadim. Thân hình Bardot khêu gợi, vai trò cô đóng thích hợp để cô phát triển tài năng và diễn tả tất cả cái gì là thắc mắc, khát vọng thầm kín, cuồng nhiệt lẫn ngây dại của phụ nữ Pháp 1958 hay ít ra của một số phụ nữ nếu được hoàn toàn tự do trước ái tình.

Vadim đã hy sinh tất cả cho nghệ thuật, kể cả vợ nữa — vì đóng xong cuốn phim thì Bardot không cho những xen ân ái trên màn bạc với Jean Louis Trintignant là bớn nữa, cô đoạn tuyệt với Vadim.



b) *Brigitte Bardot.* — Thường thường một minh tinh màn bạc phải qua nhiều thử thách, trước hết nghe thấy tiếng gọi

âm thầm nhưng quyết liệt của nghệ thuật, rồi những ngày dầy công luyện tập, những giai đoạn gay cấn trong nghề phải qua, những cơ hội thuận tiện để khai thác tài nghệ. Khi đã ngoi lên dài danh vọng : minh tinh mới được rảnh tay mà say đắm trong tình trường. Brigitte Bardot đã đốt nhiều giai đoạn. Cô không khó nhọc gì cả chỉ việc nhận chiếc nhẫn cưới của Vadim rồi đề chồng đặt lên ngai.

Allegret, nhà sản phim hợp tác với Vadim một hôm nhận thấy trên bìa một tập « Magazine » nụ cười nhí nhảnh hay hay của một cố bé làm kiểu mới 16 tuổi bèn bảo Vadim mời cô lại thương lượng. Cô bé ấy là B. Bardot, ngôi sao tương lai của điện ảnh Pháp. Bardot đã biết danh tiếng Vadim từ lâu nên vẫn phục là tài hoa lỗi lạc. Vadim không những đồng ý với chủ là nụ cười của Bardot hay hay mà còn nhận thấy cá nhân Bardot sẽ diễn tả được quan niệm sân khấu của mình. Ít lâu sau cặp giai nhân tài tử đó thành vợ chồng. Tự tay Vadim đã nặn thành hình cô đào tượng trưng cho những nét đặc sắc của màn ảnh Pháp.

Bardot bắt đầu bằng một vài phim bình thường nhưng được giới điện ảnh chú ý rất mau. Mỗi lần Vadim rộng lượng cho khán giả được thấy Bardot hiện lên màn bạc (hở thêm một chút ngực, một chút đùi,) là tài nghệ của Bardot lại tiến thêm một bậc.

Đã đến lúc Vadim tập trung hết kinh nghiệm và sáng kiến lại để đánh một lá bài quyết liệt. Cuốn phim « Et Dieu créa la femme » ra đời. Một trái bom nguyên tử nổ tung trên màn bạc quốc tế. Trước con mắt ngơ ngác của người thời đại tất cả cái gì Vadim cho là bí ẩn của phụ nữ được phơi ra rõ như ban ngày.

Tâm trạng hỗn loạn một thời đại bị khích động vì chiến tranh đã được Bardot thể hiện trên màn bạc. Tài nghệ cũng như danh vọng của Bardot căn cứ vào tính chất vô luân của một thời đại mà xuất phát. Ta không phê bình Bardot, ta chỉ cần nhận định cá nhân Bardot và cá tính văn nghệ của cô để hiểu vai trò của cô bên cạnh Vadim, người đại diện cho một « môn phái » điện ảnh Pháp. Công chúng nồng nhiệt chào đón tác phẩm, tác giả hãnh diện với công trình sáng tác. Quan niệm của môn phái điện ảnh Pháp này đã rõ rệt : chỉ chú trọng đến chữ tình, chữ tình với đầy đủ ngõ ngách có thể đem ra khai thác được. Trái lại sau đây ta sẽ thấy chữ tình không phải là mối bận tâm hàng đầu của thanh niên J 3 Anh.

Văn chương và Françoise Sagan

Chúng tôi đã trình bày thân thế và sự nghiệp của Sagan trong bài nói về nữ sĩ trong số 30, dưới đây chỉ nhắc lại mấy nét chính giúp cho việc suy luận tổng quát về mối cảm nghĩ của thế hệ J 3 Pháp.

Mối bận tâm hàng đầu của Sagan cũng là con người trước ái tình. Những ngõ ngách của tâm tình nhân thế mà Vadim khai thác bằng phương tiện hình ảnh thì Sagan khai thác bằng văn tự. Ba cuốn sách của Sagan đã nói lên



tiếng nói thống thiết của thanh niên sống giữa những mâu thuẫn của thời đại. Một bên là sự tiến bộ mau chóng của những điều kiện sinh hoạt vật chất mở màn cho một nếp sống phóng khoáng, mãnh liệt, hơn xưa, một bên là sự ngưng đọng của những công thức khuôn định đời sống tình cảm, nói khác đi là sự chậm tiến của triết lý duy lý hay duy vật đối chiếu với khoa học.

Chơi vơi ở giữa những mâu thuẫn trọng đại bao trùm đời sống con người, thanh niên mất tin tưởng ở những giá trị đạo đức cổ truyền, không chịu đóng khung nhu cầu tình cảm mới mẻ vào trong những công thức ngàn xưa. Họ tự buông lỏng cho tình dục xâu xé, họ chán ngán, họ bất mãn vì khám phá ra rằng người lớn nói một đằng làm một nẻo che đậy tật xấu của mình bằng một lớp men hào nhoáng nhưng mỏng manh.

Qua tác phẩm của Sagan tâm hồn thanh niên Pháp 1958 có thể tóm tắt trong mấy nét chính : chán nản, bất mãn, bất nhất, bi quan, khinh thường cha anh và kỷ cương xã hội.

Chính Sagan là nhân vật điển hình của thế hệ thanh niên ấy. Sagan không tin tưởng luân lý cương thường vì cô cho luân lý là một vấn đề thẩm mỹ. Người đời muốn thẩm mỹ nên cố ý che đậy những điều xấu xa. Sagan lột trần những sự thật bỉ ổi đê hèn của họ đặt lên trang giấy. « Việc làm đó có thể gieo rắc điều không hay nhưng là những cái không hay cần thiết », Sagan bất nhất, không tin cả mình khi cô viết tiêu đề cuốn sách. «Trong một tháng, trong một năm» : «không

nên nghĩ như thế này, người ta sẽ hóa điên mất ». Sagan không thừa nhận uy tín của cha anh, cô cho trí thức là một thứ « học trò hơi chua chát ».

Cũng như Vadim trên màn ảnh, Sagan với những phương tiện khác dựng lên những hoàn cảnh mãnh liệt để gây những cảm xúc vũ bão. Ngòi bút của cô thấu đáo những sắc thái mong manh của thâm cùng tâm dạ con người, tô mầu sắc vào những cảm giác mờ mịt trong trạng thái tiềm tàng bất nhất của vô thức.

Thiên tài đó đem phụng sự một sự nghiệp văn chương tiêu cực. Cảm tưởng của người đọc Sagan là một cái gì đổ vỡ, trôi đi biền biệt lưu lại những luyến tiếc vẩn vơ, những u buồn man mác để con người thoái bộ trước cuộc đời.

Âm nhạc với Michel Legrand

Nổi danh vì mấy bản nhạc này : I love Paris (giải thưởng Grand Prix du disque 1956), Bonjour Paris (giải thưởng Grand Prix de l'Académie du disque français 1957), Un week end à Paris v.v... Legrand là một ngôi sao sáng của nền âm nhạc hiện đại. Legrand rất chú ý đến âm nhạc Jazz, nếu ông phải chọn một khuynh hướng thì ông sẽ chọn Jazz vì ông đã nhận thấy có sinh lực mới mẻ. Đối với ông nhạc Jazz không còn là một loại dành cho những sáng tác ngẫu hứng, một thứ hoa lạ chỉ hay vì lạ, nhưng là một loại nhạc đã bắt đầu có kỹ thuật hẳn hoi. Điều mà ông trách móc các nhạc sĩ trong sự sáng tác là sự thiếu thành thực, nhạc sĩ không muốn dãi hết tơ lòng mà chỉ chú trọng đến những tiết điệu giật gân làm sôi nổi dư luận để đưa mình lên đài danh vọng.

Tài nghệ Legrand được rèn luyện trong khói lửa chiến tranh. Trong thời kỳ chiếm đóng cậu bé Legrand đã cỡi xe đạp chở hàng lậu qua những chặng xét bắt gay go. Trí tưởng tượng của con trẻ làm cậu thấy mình là một nhân vật của những cuộc phiêu lưu mạo hiểm thuộc loại phim Western, trong đó đủ cả vui, buồn, sợ hãi, lo lắng. Cha mẹ Legrand lại xa nhau, suốt tuổi thơ ấu ông không biết mặt cha, một nhạc sĩ danh tiếng. Đó là một thảm cảnh gia đình có ảnh hưởng lớn đến tâm hồn nghệ sĩ. Legrand đã tìm âm nhạc làm nguồn an ủi. Ông được nhiều giải thưởng khi theo học ở nhạc viện, sau được Maurice Chevalier đưa sang Mỹ giúp việc cho đài Vô Tuyến Truyền Hình. Gặp Roland Petit và Zizt Jeanmaire thì Legrand thành một nhạc sĩ tên tuổi.

Legrand cũng không thoát khỏi những thành kiến của thế hệ thanh niên thời đại đối với luân lý cương thường. Luân lý đặt ra những câu thúc khó chịu. Giá trị đạo đức chỉ là tương đối và không đáng tin tưởng bằng sự tương đối của sự vật. Nhưng Legrand lạc quan hơn người khác vì ông khâm phục nhân tài. Đối với ông đời xấu hay tốt tùy mình xử trí, ông không muốn hoài nghi như ai vì tin người thì lợi cho mình, sống ở xã hội không thể làm khác được. Ta thấy nhạc sĩ đã theo triết lý của người khôn ngoan biết đời chẳng đẹp đẽ gì nhưng cứ chiều đời cho được việc mình, chính vì thế mà tỏ ra nhạc sĩ gặp gỡ thế hệ J 3.

Một thế hệ mất tin tưởng và coi ái tình là mối bận tâm hàng đầu.

Thế hệ J 3 nói là đại diện cho tinh hoa của văn nghệ Pháp đã mất tin tưởng những giá trị tinh thần của nền văn minh, đã hoài nghi kỷ luật cương thường xã hội. Nói một cách khác, nếp sống tình cảm của một xã hội có những điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần mới mẻ không chịu gò bó trong khuôn khổ những công thức cố định ngàn xưa.

Sự mâu thuẫn căn bản đó bộc lộ dưới nhiều hình thức, khi thì là sự tranh chấp âm thầm trong nội tâm con người của những nguồn suy tưởng trái ngược nhau, khiến nghệ sĩ không thỏa hiệp được với mình mà diễn tả ra bằng tác phẩm văn nghệ kỳ quái, khi thì là tiếng nói thống thiết của con người chán nản, bất mãn, đau khổ vì tình duyên lắt léo, khi thì là một bệnh thần kinh làm con người trơ tráo phơi bày những tâm tình bí ẩn để nhắc người đời hãy can đảm nhận lấy bộ mặt thực của họ, khi thì khôn khéo chiều đời cho được việc.

Sự đắc thắng của nhiều người quan niệm đời sống với tinh thần thương mại, bất cứ cái gì cũng đem ra đầu cơ, làm cho thanh niên hiểu rằng leo thang xã hội là một vấn đề khôn ngoan chứ đạo đức chỉ là một thứ trang hoàng phù phiếm. Châm ngôn của họ là « phải làm tất cả để đạt danh vọng ».

Thế hệ J3 Pháp tỏ ra có trí thông minh sáng suốt khác thường, một dúm tuổi họ đã vượt hết những giai đoạn tranh đấu mà thế hệ trước đã phải mất gần hết đời người mới khắc phục được hoàn cảnh. Kinh nghiệm và khả năng của họ già giặn và dồi dào hơn cả những bậc lão thành, đó là điểm duy nhất để họ hy vọng tìm được lối thoát khi đã từ khước hết thảy sự nghiệp của cha anh.

Nhưng sự nghiệp của thế hệ J3 Pháp đối với văn hóa mới có tính cách tiêu cực phá hủy, hoặc xây đắp không tưởng. Mối bận tâm hàng đầu của họ là ái tình. Nguồn sinh lực dồi dào của tuổi trẻ phần lớn đã dùng để khai thác tâm trạng con người của tình ái, của dục vọng. Có người cho đó là một đặc điểm của dân tộc Pháp, như người ta thường nói : « Người Pháp biết làm ái tình, còn người Anh biết làm chánh trị ». Chúng ta sẽ tìm hiểu trong phần dưới đây tâm hồn thế hệ J3 của Anh để suy ngẫm về câu nói đó.

CÔ LIÊU

Kỳ sau : Thế-hệ J 3 của Anh.

✶ Trách nhiệm và uy quyền liên quan với nhau rất mật thiết. Có cái nọ thì phải có cái kia. Có uy quyền thì phải có trách nhiệm và có trách nhiệm thì phải có uy quyền.

✶ Tự tiện quyết định công việc thuộc thẩm quyền của thủ lãnh ở cấp trên mình, không phải là có sáng kiến ; có sáng kiến là biết lựa cách làm cho cấp trên ra lệnh đúng nhịp mà ứng phó với tình thế.

NHÂN DỊP ĐI THĂM CÁC NHÀ SÁCH

ĐOÀN-THÊM

CŨNG như nhiều bà nhiều cô thích đi thăm các gian hàng tơ lụa hoặc tạp hóa tân thời, tôi có thói quen hay đúng hơn là cái thú đặc biệt la cà ở các nhà sách.

Mua sách một đôi khi, dở qua để ngắm nghía suông và rút lui với sự thèm thuồng hoặc sự hãi hùng vì giá quá cao (1) nhưng lần nào cũng cố quan sát thái độ những người « đồng bệnh », thỏa mãn tính tò mò xem có tác phẩm nào mới phát hành, tác giả nào mới xuất hiện để đoán khuynh hướng của các độc giả, và có một ý niệm đại khái về sự tiến triển trong phạm vi sáng tác và xuất bản.

Phần lớn các tiệm sách có tiếng đều quá chật hẹp. Sách chất đống càng ngày càng cao ; cách trình bầy không khỏi luộm thuộm bề bộn. Số người ra vào rất đông, nhất là sáng chủ nhật, nên mua được một quyển sách, hay tìm tòi xem xét, nhiều khi phải chen vai thích cánh, để phòng sự xô đẩy, dâng câu xin lỗi cho ông bạn bên trái, cười để nhận cái dẫm chân của ông bạn bên phải. Có bạn thản nhiên mặc người lui tới va chạm mà dở một tạp chí đọc hết một trang, rồi lại còn xem tranh ảnh Radar, Paris-Match... Nhưng dầu sao, đáng quí thay tính hiếu học của đồng bào ! Và đi thăm các nhà sách cũng là giải trí lành mạnh, vì không khác nào đi xem triển lãm văn hóa, một cuộc triển lãm vĩnh viễn.

✦

Xét một cách tổng quát, thì số loại sách ấn loát có tăng nhiều, cùng với số nhà xuất bản. Sách giáo khoa nhiều nhất ; giữa những chồng tiểu thuyết và tạp chí xanh đỏ, sách nghiên cứu khô khan cố lách một vài chỗ, cố chiếm một địa vị. « The American Presidency » hay « The Painted Veil » và hàng trăm

(1) Sách ngoại ngữ, thường 200$, 300$, có khi 700$, 800$.

cuốn sách bỏ túi (pocket book) la liệt mấy bàn, dồn vào một góc « Đông Lai Bác Nghị » và « Thuật xử thế của người xưa » ; song « Triết - Lý Đạo Phật » và « Nho-Giáo » vẫn chót vót trên quầy cao ngang mắt.

Các bạn trẻ chen chúc ở góc bàn cạnh tủ có « Muốn thành học trò giỏi » theo Thiên - Giang, hoặc chú ý tới « Những điều mà người con gái lấy chồng nên biết » của T.T. Nam và Tr. N. Hơn ? « Ông chúa đảo dị kỳ Robinson » có lôi cuốn được độc giả của « La-Thông tảo Bắc » hay « Chung-vô-Diệm » không ? Sách dạy Hán-Văn lác đác vài quyển, nhưng càng ngày càng thấy tràn ngập sách báo Anh-Văn, trong khi sách Pháp-Văn vẫn còn nhiều người không mua thì chăm chú dở xem ; có bạn lục lọi mãi đống tạp chí Việt-văn, và đã lôi hẳn ra một cuốn rồi, nhưng còn ngó vào các tập « Ciné Revue » và « Télémonde » và rút cuộc chỉ mua một « Mon Film » : nụ cười khoé mắt của Brigitte Bardot đã tranh cướp mất một khách hàng của « Bách-Khoa » « Sáng-Tạo » hay « Nhân-Loại ».

Sở thích, nhu cầu của mỗi nhóm độc giả ra sao, chưa có tài liệu nào đầy đủ mà xét ; nhưng dù thiếu những con số thống kê, người quan sát cũng nhận được rõ rệt là sự học tiến mạnh gấp bội hơn trước đây mấy năm, và sự đòi hỏi đồ ăn tinh thần hiện nay cũng cấp bách như sự cần dùng gạo vải. Sách Việt-ngữ chưa từng thấy nhiều như bây giờ, và giữa trào lưu học hỏi bồng bột, khi văn hóa Âu Mỹ tiếp tục lan tràn, thì cổ học cũng cố vùng dậy tuy còn đuối sức. Song hình như ngoài những đạo lý cao siêu, những lý thuyết cổ điển, độc giả đương tìm những sách nói về cách sống (way of life), tìm thỏa mãn cho những nhu cầu thiết thực của con người buổi mới. Những điều xưa kia không thành vấn đề, đã được chú ý vì có thắc mắc : cho nhi đồng đọc sách gì ? Nuôi con như thế nào ? Lấy vợ lấy chồng ra sao ? Sinh nhai lập nghiệp lối nào cho thích hợp ?... Thanh niên đương hướng về chân trời Âu Mỹ và cả về dĩ vãng Đông-Phương, để tìm hỏi những thứ gì có thể tô điểm cho đời sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn.

✶

Tuy nhiên, nếu xét kỹ hơn về một vài loại ấn loát thông thường, chúng ta thấy còn nhiều điều mong mỏi ước ao.

Số loại sách giáo khoa chứng tỏ một sự nỗ lực đáng quý của giáo giới bậc tiểu học và trung học công hay tư, ở tất cả các môn. Chắc là các ấn loát phẩm này được tiêu thụ mạnh nhất, nên 54 nhà xuất bản hiện có đều thi nhau in, mặc dầu có nhà chuyên chú về một vài loại khác.

Nhưng tại sao cùng một cấp, cùng một lớp, một môn học như Toán hay Lý-hóa, mà quá nhiều tác giả ? Hơn nữa, phần đông được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục chấp nhận. Tuy cũng là một cách khuyến khích việc sáng tác theo lối tự do cạnh tranh, nhưng không khỏi bất tiện cho học sinh và phụ huynh : biết sách nào nên dùng hơn ? Thiết nghĩ ở bậc trung học, điểm đó không phải là không đáng chú ý.

Ngoài ra, muốn giúp đỡ thí sinh một cách thiết thực, nhiều vị đã viết những loại sách luận đề, luyện thi, giải đề thi. Sách đó rất có ích cho những người phải tự học ; song cũng khiến cho thiếu niên học sồi, học vội, học đề « trúng tủ » như họ thường nói. Riêng ở phạm vi văn chương, ngoài những luận đề lẻ tẻ về từng văn nhân, như về Nguyễn-Du, về Hồ-Xuân-Hương... ước gì bớt tánh cách cấp tốc để đàng hoàng tiến lên bậc nữa, tới những pho nghiên cứu tổng bình cao rộng hơn, vì những cuốn văn học sử hiện nay quá ít (ngoài những bộ của các Giáo sư Bùi-Hữu-Sủng, Nghiêm-Toản, hoặc của cố giáo sư Dương - Quảng-Hàm...).

Dù sao, cũng đáng mừng cho học sinh. Nhưng trái lại, nghĩ tới sinh viên đại học, thì người có con em không khỏi thắc mắc lo âu. Sách bậc tiểu và trung học sao nhiều thế, mà sách cần cho các trường Luật-khoa, Y-khoa, Khoa-học, Bào-chế, Công-chánh, Kiến-trúc... vẫn còn chưa thấy bán ? Chúng ta ngày nay thiếu gì giáo sư thạc-sĩ, tiến-sĩ ? Vì số sinh viên tương đối ít, sự tiêu thụ không được nhiều, thì in không bõ chăng ? Tôi chắc chắn không phải vì lý do đó ; nếu vị nào soạn thảo, chắc Viện Đại-học hoặc Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẵn lòng in giúp ; vả lại, những sách kinh tế, tài chánh, pháp lý, kỹ thuật, khoa học v.v... là những tác phẩm có giá trị, không những đối với sinh viên, mà còn ích lợi chung cho cả các giới trí thức khác : cho tới khi nào chúng ta còn thiếu các thứ sách đó, chúng ta chưa thể tự hào là nền quốc học đã được hoàn bị. Nếu sự giảng dạy bằng ngoại ngữ có lợi cho sinh viên tốt nghiệp để xuất dương du học bổ túc hay tu nghiệp, thì chỉ lợi cho một thiểu số.

Cho nên, dù có sự khó khăn thế nào chăng nữa, các giới ham học vẫn chờ mong tha thiết, ở những vị tài cao học rộng bậc nhất trong nước, sách cần thiết cho sinh viên, tác phẩm có giá trị cho văn hóa Việt-nam. Giáo sư của ta, ở mỗi ngành cũng chẳng kém gì giáo sư các trường đại học nước ngoài, có phần hơn nữa là khác, vì nhiều vị đã được đào luyện theo hai văn hóa đông tây. Trung-hoa có sách đại học của Trung-hoa, Nhật có sách đại học của Nhật : vậy thì một ngày gần đây, con em chúng ta và phụ huynh chắc chắn sẽ được toại nguyện.

Trong khi chờ đợi những sách cao đẳng về các ngành khoa học, tôi cũng tự an ủi khi trông thấy những sách về loại phổ thông : dạy vô tuyến điện, quang học, dạy chữa xe hơi... Rất đáng chú ý là 18 quyển sách về y học thường thức của 4 vị bác sĩ, còn thì không biết có phải của bác sĩ không, vì tác giả chỉ đề tên hiệu (1).

Nhưng các cụ đông y, với một thiện chí đáng kính, cũng hăng hái đem cao đan

(1) Duy tôi thấy hơi thắc mắc : theo luật lệ, thì phải là y khoa bác sĩ hoặc có những bằng cấp y khoa xứng đáng mới được phép chữa bịnh cho thuốc. Nhưng viết sách dạy về cách dùng thuốc, nghĩa là cho toa vĩnh viễn và chữa bá chứng còn có thể nguy hiểm hơn nếu không đủ điều kiện chuyên môn.

Vậy thì có thể bất cứ ai cũng viết sách y học không ? Nếu là Bác sĩ, thì xin cứ đề là của Bác sĩ và tên họ, còn tên hiệu thì nên để cho tác giả tiểu thuyết hay thi sĩ... Dù sao vấn đề cũng nên được các giới có thẩm quyết xét lại.

hoàn tán ra ganh đua, và hiện nay đã đếm được 19 bộ sách thuốc Nam thuốc Bắc.

Ngoài ra, chưa thấy gì đáng kể về khoa học thực hành, mặc dầu chúng ta đương ở thời đại nguyên tử.

✱

Hơn nữa, vẫn có dòng nước ngược chảy về dĩ vãng, — không phải dĩ vãng cao minh còn rạng ánh Khổng Mạnh, Tống Nho —, nhưng một dĩ vãng huyền bí, hoang đường của thần tiên quỷ quái hay của hảo hán anh hùng dã sử Trung-Hoa : sách bói, sách tướng, sách tử vi, sách tam thế diễn cầm, bên cạnh 53 bộ truyện Trung-hoa, có bộ 8 pho dày hơn tự vị Larousse : Phong-Thần, Phong-Kiếm Xuân-Thu, Tàn-Đường, Bắc Tống v.v... Lỗ-Trí-Thâm hay Võ-Tòng (200$) được trị giá gấp bốn lần Lý, Đỗ và tất cả thi bá Thịnh Đường (50$), Truyện cổ tích Việt-Nam, Truyện Kỳ mạn lục nào có thể chống lại sự ngoại xâm của dị nhân Trung-Quốc ?

Chắc có bạn nghĩ : dân tộc nào không thích chuyện hoang đường ? và cũng phải cho những tâm hồn chất phác những giờ phút say sưa, lãng xa thực tế ! Đành rằng thế, song những truyện của Anderson hay truyện thần Zeus, truyện Siegfried hay Barberousse không đến nỗi làm cho dân tộc Thụy-Điển, Hy-Lạp hay Nhật-Nhĩ-Man quên mất thực tế như Nhất-Chi-Mai, Nhị-Lang - Thần, Lý - Nguyên - Bá đối với nhiều người trong xã hội ta. Đã có nhiều vị cố đem « Ba anh hùng họ Phan », « Hoàng-Hoa-Thám », cả « Ba Giai Tú Xuất » hoặc nhờ cả « Winston Churchill » hay « Carnegie » góp sức đồng minh để đánh đuổi bọn Tống-Từ-Văn hay Tiêu-Đình-Quí. Và thắng lợi cuối cùng, chắc hẳn về ta.

Vì nếu sự thịnh hành sách nói về đời mới có thể biểu lộ khuynh hướng hiện nay của Nhi đồng, Thanh niên và Phụ nữ, thì ta hy vọng rằng thế hệ sau này, với sự giúp đỡ của những tác giả ưu thời mẫn thế, sẽ xô mạnh về hiện tại và tương lai, về khoa học và thực tế.

Thiếu nhi đã ham đọc những sách Hồng, bình dị và có ích hơn cho óc suy luận ; « Tâm sự con chó mực » hay « Lão Họa-sĩ ăn mày » đã được thưởng thức hơn, vì dễ hiểu hơn là Ngũ Hổ bình Tây với những danh từ cổ lỗ, những khung cảnh ninh thần trung thần mà chúng không hiểu, những tên Lão-tổ hay tên hiệu dài dằng dặc của Tống-Giang mà chúng rất ghét. Đã có em bực mình : làm sao ra trận mà còn có thời giờ mắng nhau và không xưng tên thì không thèm chém ? Nhưng ta cần cố gắng hơn nữa, vì tuy chúng đã chán Triệu-tử-Long, nhưng vẫn chưa ưa thích « Con dế của thằng Tín » bằng Peter Pan hay Blanche Neige.

Thanh niên chú trọng nhiều hơn tới sức khỏe « Bắp thịt trước đã » ; sách thể thao và hướng đạo, đâu cũng thấy bán. Quần vợt, bóng bàn, được ưa hơn là các miếng võ của Ngũ - Mai sư-bá. « Óc sáng suốt », cũng giúp cho « Học làm Công Dân ». Có « sống đơn giản » mới dễ thắng « Con đường hạnh phúc » ; khôn lớn, tất phải nghĩ tới « Tổ chức Gia-Đình », và hơn nữa, về phương diện đó, cũng cần lưu ý tới khoa học sinh lý : vì thế đã thấy bán từ lâu « Người

con trai nên biết... » Lại phải thành « Người lịch sự », phải biết « Thành công xử thế », phải có « Đức tự chủ », v.v... tóm lại là phải « Học làm người » theo lời khuyên của Ch. Wagner, của P. Girardet, của A. Maurois, v.v...

Còn phụ nữ, thì hình như lại tiến mạnh hơn. Số sách dành cho các bạn gái hướng vào mục đích rõ rệt : đào tạo một thế hệ phụ nữ mới, « Trẻ lâu, đẹp » « Sống lâu » (hình như có sự mâu thuẫn), phải hiểu biết tất cả các sự kiện để xây dựng « Hạnh phúc lứa đôi » « Con gái dậy thì nên biết » « Cô gái lấy chồng nên biết » « Các bà vợ nên biết »... (theo thiển ý, không nên biết nhiều quá). Rồi còn phải biết « Làm bếp khéo » (cần nhất) « Biết xã giao » (vừa vừa thôi) biết « Nuôi con », biết « Cắt may Việt-phục », biết « Lái xe hơi », và lúc nào cũng sẽ lo sao cho « Thuận vợ thuận chồng »...

*

Một loại ấn loát phẩm nữa đáng được chú ý, nhan nhản khắp nơi, ngay ở những nhà sách rất nhỏ gần Chợ-lớn hay Dakao, tràn từ các tủ hàng ra các vỉa hè : sách báo ngoại ngữ, Pháp hay Anh và cả Đức. Nếu kể cả những bài học của các Đài phát thanh, thì quả thiệt phong trào ngoại ngữ mạnh mẽ hơn bao giờ hết ; dĩ nhiên phải thế, vì chúng ta đã hòa mình vào đời sống quốc tế trên các lãnh vực công tư.

Trước hồi Đại chiến thứ hai, phần đông học tiếng Pháp, số ít học tiếng Anh qua các sách của Pháp, của Anh ; Ngày nay, nhiều người học qua các sách của ta, Việt-Pháp, Việt-Anh, và chính vì thế sự phổ biến ngoại ngữ càng rộng rãi : Pháp văn các lớp, Pháp văn tự học, Anh văn thực hành, bài dịch, và nhất là hơn hai chục thứ tự điển dày mỏng các cỡ mới xuất hiện ít lâu nay.

Song sự truyền bá tư tưởng Âu Mỹ còn đòi hỏi rất nhiều loại sách khác, soạn bằng Việt-văn, thì văn minh hiện đại mới có thể đi tới các tầng lớp dân chúng : những sách phổ thông hay khảo cứu nói về tất cả các phát minh của nhân loại ở mọi phạm vi từ đầu thế kỷ này, như ở Trung-hoa trước thời Cộng-sản, hoặc ở Miến-điện ngày nay. Vì ngoại ngữ tuy được hoan nghênh, số người tới trình độ cao chưa thể tăng mau, nên sách quốc ngữ nói về thế giới ngày nay vẫn dễ hiểu hơn.

Đứng trước hàng ngàn ấn loát phẩm ngoại ngữ, tôi đã nhớ lại câu hỏi của một ông thầy học cũ ; hồi 1943, gặp tôi trong một nhà sách, trước các tập sách dạy tiếng Nhật, cụ giáo T. cười mà bảo tôi : « Phần đông các anh học tiếng Tây nhiều mà chẳng giúp được gì cho văn hóa Việt-Nam. Nay lại học tiếng Nhật, thì liệu có đem được tinh hoa của người ta truyền thụ giúp ích cho đồng bào không ? »

Câu hỏi đó đã khiến tôi suy nghĩ nhiều...

Kim, cổ, đông, tây, Valery hay Lý-Bạch, Phật Thích-Ca hay Jefferson, Platon hay Hồ-Thích, tự điển tiếng Anh hay sách Kỹ thuật Đức... *chỉ có ý nghĩa cao đẹp chừng nào đã có thể Việt-Nam-hóa để góp phần xây dựng một nền quốc học phong phú và thích hợp, hướng về sự cải thiện công dân và con người Việt-Nam :* Cụ giáo tôi, tuy chỉ đỗ thành chung, đã thấy từ lâu.

Đ.T.



Người vô tình đem sóng gió cho giải thưởng văn chương Nobel năm nay :

BORIS - LÉONIDOVITCH

PASTERNAK

hay là nhà văn đối với mình, đối với chính quyền.

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.

LIÊN-bang Cộng-hòa Xã-hội Xô-viết và các nước chư hầu hẳn có ngờ đâu một cuốn tiểu thuyết của một nhà văn Cộng-sản nước Nga lại làm cả thế giới xôn xao hơn gấp bội vệ tinh hỏa tiễn Spoutnik mà họ đã tốn bao công phu và thì giờ nghiên cứu, tìm tòi, thực hiện. Việc làm lặng lẽ và đơn độc của một con người nâng bút ai dè lại có một kết quả « tuyên truyền » mau, mạnh, rộng, sâu đến thế.

Song khác một điều, là thế giới Cộng sản, năm rồi, hãnh diện bao nhiêu với sự thành công của công cuộc phóng vệ tinh Spoutnik, vì cho rằng không gian bao la kia sẽ do khoa học Nga-xô chinh phục trước hơn ai hết, thì năm nay lại phẫn nộ, lại cuống quít bấy nhiêu bởi một tác phẩm của một công dân đã từng có phen sống chết vì chủ nghĩa Mác-xít, ngay thuở ban đầu :

Boris - Léonidovitch PASTERNAK
với tiểu thuyết
Bác sĩ JIVAGO.

Sáng tác này không được thấy ánh mặt trời, bằng tiếng Nga, trong nước Nga, mà lại lách khỏi bức màn sắt, chào đời tại nước Ý, — mặc dầu nhà

cầm quyền Nga đã đặc biệt yêu cầu nhà xuất bản Ý gởi trả bản thảo — bằng tiếng Ý (1), đã là một điều hết sức khó chịu cho các vị chúa tể điện Kremlin rồi. Nó lại được « thế giới tư bản chưa chịu rẫy chết » (2) kia hoan nghênh và được dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Bỉ... được bán chạy nhất ở Mỹ, và — đáng cười vui hay khóc hận ? — được dịch lại ra tiếng Nga tại một « nước bạn » nào đó của Nga-xô, một « nước bạn » đã từng vùng lên để toan chặt xiềng nô lệ kiểu mới của ông anh cả vĩ đại láng diềng kia. Và mới đây, tác phẩm này lại được đài phát thanh BBC ở Anh dịch ra tiếng Nga để dân Nga biết nó qua làn sóng điện.

Đã đen lại còn gặp rủi, đúng một cái, ngày 22 tháng 10, Hàn lâm viện Thụy-điển tuyên bố với hoàn cầu : giải thưởng văn chương Nobel, năm 1958, trao tặng nhà thơ, nhà dịch, nhà văn *Boris-Léonidovitch Pasternak*, tác giả tiểu thuyết « *Bác sĩ Jivago* ».

Không ai ở bên thế giới tự do mà chẳng hài lòng về sự tặng thưởng xứng đáng và ý nghĩa ấy, từ người đọc tầm thường đến nhà phê bình bác học, qua các hội nhà văn có tiếng.

Ngay khi được tin này — một tin lành mà lại hóa ra dữ — Pasternak đánh điện cám ơn tỏ bày cảm tưởng mình với lời lẽ chân thành, cho ta thấy tin trên đã làm ông xúc động đến mực nào : « *... muôn vàn cảm tạ, cảm động, hãnh diện, ngạc nhiên, e thẹn.* »

Nhưng một ngày sau, « cái nút được nhận ». Cả một guồng máy khổng lồ bắt đầu chuyển.

Tấn kịch — mà có người cho là *thảm*, có người cho là *hài* — mở màn.

Khi « Đảng » muốn

Thông tấn xã Tass truyền lịnh trên, tức thì đài phát thanh Mạc-tư-khoa phụ họa, tức thì báo Pravda gào hét, tức thì Hội các nhà văn Xô-viết khai trừ (3), những làn sóng phẫm bình tới tấp nhấm « chiếc thuyền con bé tẻo teo » Pasternak mà đập, mà dày, mà kéo. Phong trào « hạ » Pasternak đã phát động, thì nhà văn đã nặng sáu mươi tám tuổi rồi, với bao thấy nghe đau đớn, với bao âu lo, suy gẫm xót xa lòng, với tấm thân ốm yếu hay đau, với tất cả bứt rứt băn khoăn hiện rõ

> *Tự do ! Tự do thật sự ! Chẳng phải cái tự do của những chữ và của những sự đòi hỏi, cái tự do tự trên trời rơi xuống, không ai chờ đợi, cái tự do do sự tình cờ, do sự hiểu lầm... Cuộc Cách mạng đã vọt ra trái ý ta, như một tiếng thở dài bị hãm quá lâu.*
>
> PASTERNAK

(1) Do nhà Giacomo Feltrinelli ở Milan xuất bản, 1957.

(2) Xin xem lại bài « Những chặng đường của một cuộc tuyệt tan giả rã » của chúng tôi dịch, đăng ở « Bách-Khoa » số 35.

— « Tư bản rẫy chết » (L'agonie du capitalisme), tên một cuốn sách do Cộng-sản Quốc tế viết trước Đại chiến thứ nhì, và do Cộng-sản Đông dương dịch và xuất bản ngay sau Cách mạng mùa Thu 1945.

(3) Ngày 20-10-58 ; từ ngày thành lập, Hội mới dùng biện pháp gắt gao nầy đây mới lần thứ ba ; mười năm trước, Akhamatova và Zoschenko là hai « tội nhân » đầu tiên. Bị khai trừ khỏi đoàn thể là một trừng phạt nặng nề nhất : như người hủi ở thời xưa.

trên nét mặt như cánh hoa tàn tơi bời trước gió, thì nhà văn bình dị, sống đời đơn giản, từng không gởi gì trên giấy trắng mực in đến mươi năm, nhà thơ tha thiết ấy đã từ lâu « chọn tự do mình » ở trong đất nước, đã đi theo một nẻo đường mà mình không cho là nẻo chánh đường ngay, con người nâng bút ấy đành có điện tín sau đây, đánh ngày 29 tháng 10 cho hội đồng phụ trách việc phát các giải Nobel :

« Vì rằng ý nghĩa của sự tặng giải này đã được hiểu theo cái cộng đồng xã hội tôi hiện sống, nên tôi phải nói « thôi, cảm ơn » với cái giải không đáng tặng cho tôi. » (4)

Một tờ báo ở Tây-Đức bắn một cái tin làm thế giới xúc động : Pasternak

> *Mỗi người đã trở về với sự sống. Một cuộc tái sanh ! Ai ai cũng bị đổi thay, cũng bị đảo lộn. Người ta có thể nói rằng mỗi người phải chịu lấy hai cuộc cách mạng : cách mạng của chính mình, riêng rẽ, và cách mạng, nơi mà tất cả những cuộc cách mạng riêng biệt, cá nhân này chảy vào — cũng như suối con sông nhỏ chảy vào...— một đại dương của biết bao đời...*
>
> PASTERNAK

bị nhà cầm quyền bắt đi, ngày 30-10-58, tại nhà riêng của ông ở Peredelkino, thuộc ngoại ô Mạc-tư-khoa, nơi ông lui về sống ẩn dật từ lâu với vợ, con trai tên Léonide và bà sương phụ Tabidze, vợ nhà thơ danh tiếng xứ Géorgie.

Sự thật mà quả thế, thì là một điều vô cùng bất hạnh cho ông, sau khi đã nghe tờ Pravda cho ông là « thứ cỏ dại », cho các ông hàn nước Thụy-điển « đã ban cho ông một cái hôn đích đáng (gros baiser), chính là để thưởng cái tánh cách phản động của cuốn tiểu thuyết hắn », sau khi ông trùm văn nghệ Liên-xô, Sukow, tuyên bố rằng « thừa nhận quyển tiểu thuyết của Pasternak, tức là không tin tưởng ở chế độ Cộng-sản vậy », sau khi tờ Pravda, — cũng vẫn tờ Pravda, cơ quan đảng Cộng-sản Nga — phô diễn cái tam đoạn luận lạ lùng này : giải thưởng Nobel do bọn thù của Nga thưởng, vậy thì cho ai giải này là chửi vào mặt họ, đối với bất cứ một nhà văn nào lương thiện, tiến bộ, dầu họ không phải là Cộng-sản, dầu họ không phải là công dân Xô-viết, nếu họ còn giữ một ý thức về danh dự, về công bình, nếu họ là người biện hộ cho nhân bản và cho hòa bình. »

Báo chí Nga-xô giận dữ đến độ cuồng điên.

Hết trách Hàn-lâm-viện Thụy-điển tặng giải cho một nhà văn không biểu hiệu cho sự thật Xô-viết, lại tấn công chính Pasternak. Không nói rõ ràng về cuốn tiểu thuyết đã làm chảy bao nhiêu mực, họ buộc Pasternak vào tội nhận một danh dự mà một người yêu nước Xô-viết nào chân chính cũng không thèm nhận.

---

(4) Chúng tôi tạm dịch đoạn tiếng Pháp, trích ở bài « Chết vì Nobel ? » (Mourir pour Nobel ?) của Roger Nimier, đăng trong tuần báo « Arts: lettres, spectacles », số 695, tuần lễ từ 5 đến 11-11-1958 :

« Considérant la signification qui a été donnée à l'attribution de ce prix dans la communauté à laquelle j'appartiens, je dois dire « non merci » au prix immérité qui m'a été décerné. »

Đảng Cộng-sản Nga không thể chịu được cái nhục thấy giải văn chương giá trị nhất, uy danh nhất của thế giới lại trao cho một tên tà giáo của chế độ mà họ cho rằng, dưới mặt trời, chẳng có chế độ nào hơn.

Báo *Literatournaïa Gazeta* phun nọc độc vào người được vòng hoa danh dự vô song ấy :

« Pasternak đã chọn sự nhục nhã và sự ti tiện và đã phỉ bảng tổ quốc chúng ta. Một cái ngày tàn chẳng vinh dự gì đang chờ « *Bác sĩ Jivago* », cái thằng Judas sống lại ấy, cũng như đang chờ tác giả nó, Boris Pasternak. Cả hai rồi sẽ bị chìm ngập dưới niềm khinh khi của quần chúng. »

Quyển tiểu thuyết ấy

Quyển tiểu thuyết bị quê hương nguyền rủa và mạt sát này phải chăng là một tác phẩm « chống Cộng » ? Không, đây chỉ là một quyển tiểu thuyết dày trên 600 trang, một công trình nghệ thuật.

Tác giả không suy tôn, cũng không hạ bệ ; chủ ý tác giả là nói lên tâm trạng của những nhân vật đồng thời với mình, cùng tâm sự, ý nghĩ, đối xử và hành động của họ. « *Bác sĩ Jivago* » là một công trình nghệ thuật hoàn toàn.

Đó là đời của một bác sĩ: Iouri-Andréievitch Jivago, từ 1903 đến 1929, một cuộc đời trong chết chóc, trong tan vỡ, sống tình thương bàng bạc và lẫn xen bao tâm sự sâu xa... Như các tiểu thuyết dài hơi có tiếng của Nga, cạnh nhân vật chính ấy, còn có biết bao là nhân vật phụ với hoàn cảnh, tâm tình, hành động riêng biệt, tạo thành một bức bích họa đồ sộ và cho ta nhìn một cái toàn cảnh tuy kém vẻ thẩm tươi, nhưng mà linh động và thật biết bao !

« Cậu bé Jivago, mồ côi mẹ từ năm mười tuổi, được cậu — một nhà cách mạng xa-lông mộ đạo Da-tô — nuôi cho ăn học đến khi tốt nghiệp trường Đại-học Y-khoa. Cậu cũng như ai, có yêu, có vợ, có con, song loạn ly làm vợ một nơi, chồng một ngả. Đại chiến thứ nhất khiến ông chứng kiến bao cảnh thương tâm, đóng vai sĩ quan quân y ở chiến tuyến miền Tây và gặp lại người thiếu nữ mà xưa kia, ông yêu với một mối chân tình tha thiết: Lara, giờ là một thiếu phụ, một nữ cứu thương. Ông mới thổ lộ tấm tình « một mình mình biết » cho người « gây thảm » mà chẳng hay. Sau vợ con ông bị đuổi ra khỏi nước Nga. Ông gặp lại Lara và cùng nàng chung sống một thời gian. Song nỗi vui quá ngắn. Ông hi sinh để người yêu mình đi theo kẻ xưa kia đã quyến rủ nàng và đã làm nàng khổ không phải ít. Về lại Mạc-tư-khoa, bác sĩ Jivago lại chứng kiến sự thất bại nặng nề của công cuộc « **Tân kinh tế** », điều này càng khiến chuỗi ngày cuối cùng của ông trở nên bi thiết để rồi bỏ mình trong một tai nạn giao thông. Còn Lara thì chẳng biết trôi giạt phương mô. »

> *« Số phận của cá nhân đã bị bỏ lại đàng sau rồi. Chỉ còn có số phận của tất cả mọi người và linh hồn của mỗi người — và linh hồn của tất cả — cần phải cứu, dù có ra sao ».*
>
> PASTERNAK

Sau « vụ Pasternak », cả thế giới tự do đều băn khoăn tự hỏi : chẳng biết chuỗi ngày cuối cùng của người cha tinh thần của bác sĩ Jivago có bi thiết như đoạn đời về già của nhân vật chánh đáng thương này chăng ? Vì trong thế giới Cộng-sản, « bị cô lập giữa xã hội » đồng nghĩa với : phải chết mòn trong sự lạnh nhạt khinh khi công cộng.

Con người ấy...

Con người ấy sanh tại Mạc-tư-khoa, ngày 10 tháng 2 năm 1890, gia đình ông là một gia đình nghệ sĩ : cha là một họa sĩ có tiếng tăm, dạy trường Mỹ nghệ Mạc-tư-khoa và minh họa những tác phẩm của đại văn hào Tolstoï, mẹ là một nhạc sĩ có chân tài.

Một tai nạn xảy ra năm 1903 ảnh hưởng đời ông rất nhiều : nhảy chơi qua một cái suối rộng, ông bị gãy mất một chân, chân này thành ngắn hơn chân kia, và do đó, ông được miễn quân dịch.

> *« Với tôi, dường như* Maïakovski *bắn một viên đạn vào người vì tự trọng, bởi lẽ trong anh hoặc quanh anh, anh đã lên án một cái gì mà lòng tự ái của anh không cam chịu được .»*
>
> PASTERNAK

Năm 16 tuổi, ông theo gia quyến đến Berlin, đó là lần đầu tiên ông xuất ngoại. Sau ông còn trở lại kinh đô nước Đức, với tư cách là một sinh viên Đại học. Học xong, ông đi du lịch nhiều lần ở Pháp, ở Ý. Nơi đây, ông kết bạn trăm năm với một thiếu nữ Ý.

Cuộc Cách mạng Nga bùng nổ, cả gia quyến ông đều bỏ Tổ quốc, chạy sang Đức, rồi qua sống ở Anh. Nhưng ông thì ông ở lại, quyết dự vào tấn kịch bi hùng của dân tộc. Năm 1917, ông là một chiến sĩ cách mạng. Và ông đã say sưa ca ngợi cuộc vùng lên thần thánh này. Và người công dân Xô-viết nào mà chẳng biết danh ông.

Ông tỏ ra có khiếu về văn chương rất sớm. Ông nghiền ngẫm thi ca của nhà thơ Block và của Rainer Maria Rilke, một nhà thơ trữ tình danh tiếng khắc mà lúc bấy giờ ít ai biết.

Mới bước vào làng văn, ông dịch một vở kịch của Ben Jonson : *Người luyện kim* và một ca từ của Gœthe : *Những lẽ huyền bí*.

Áng văn sáng tác đầu tay của ông được thành hình trong mùa hè 1913, đó là một tập thơ, nhan : *Một gã sanh đôi trên mấy tầng mây*, song những bước đầu thật sự của ông trong văn học ở vào khoảng từ 1919 đến 1925, lúc ông gia nhập vào hàng ngũ nhóm « vị lai »; chính trong khoảng thời gian này, ông gởi gắm mối nhiệt tình trong các tập thơ như : *Ở bên kia những cái hàng rào*, *Chị tôi cuộc đời*, *Đề tài và biến điệu*, *Âu thơ*. Một tập thơ tự truyện : *Spectorski*, một cuốn truyện : *Tuổi trẻ của Luvers*, cùng những bài thơ về Cách mạng Nga năm 1905 : *Năm 1905* và *Trung uý Schmidt*. Thình lình, ông được nâng lên chót đài danh dự, người ta tuyên bố ông là « nhà đại thi hào Xô-viết sinh thời » và được cử làm sứ giả của tinh thần, cầm đầu phái đoàn Hội nhà văn Xô-viết sang viếng Paris, kinh thành của Ánh sáng.

Nhưng có gì lâu bền ở chốn cát bụi này, nhất là ở chốn cát bụi vô sản. Gió xoay chiều. Ông chúa tể Xít-Ta-Lin gạt qua bên thi văn trữ tình « và tất cả những câu chuyện đàn bà chúng làm hỏng gân cốt những người hùng.» Ông chúa ấy đòi những « câu chuyện đàn ông cho bọn đàn ông. » Và chính Jdanov (2) lãnh công tác phân phối đề tài.

Ông trở về với đời sống tầm thường, tăm tối. Người ta — những kẻ chính thống — đã bao lần toan trục xuất ông

ra khỏi cõi thiên đàng này : làng của Hội nhà văn, nhưng mà công dã tràng ! Thiên tài ông làm mọi người kiêng nể — cả ông trùm văn hóa đỏ Jdanov (2), và cả ông chúa tể thế giới đỏ, Staline, kính - vì ông : Staline cho rằng ông « có lẽ là cái gì vĩ đại nhất ở trong bọn chúng ta. »

Năm 1931, truyện hồi ký : *Tờ thông hành biệt cấp.*

Năm 1932, *Tài sanh* chào đời.

Năm 1933, tập truyện ngắn : *Những con đường hàng không.*

Năm 1934, đến lượt *Chuyện kể.*

Tác phẩm sau này gặp phải bước không hay. Vài ngày sau khi được trưng bày ở hàng sách thì lịnh trên hối hả tịch thu.

Trong khoảng thời gian ấy, độc giả Nga được thưởng thức những bản dịch tuyệt diệu của ông về các tác phẩm của Shakespeare, của Gœthe, của Schiller, của Proust và của Rilke.

Vào những năm 1943, 1945, người ta được đọc vài tập thơ nhỏ của ông.

Bị buộc vào tội « hình thức chủ nghĩa », bị Staline xem là kẻ phản cách mạng, ông im hơi lặng tiếng suốt mười năm. Lịnh mật truyền cho tất cả nhà xuất bản của Chánh phủ không được in tác phẩm của ông. Bị Đảng Cộng-sản nhìn với nửa con mắt, bị cái ý thức hệ chánh thức đả kích khắt khe thế, mà bao lần thanh trừng của chế độ, bao cuộc hành quyết của Đảng, ông đều tránh thoát cả. Ông sống trong bóng tối, trong yên lặng và dường như chẳng ai còn nhớ đến nhà đại thi sĩ — mà danh tiếng nổi như cồn — của những giờ phút vĩ đại của cuộc Cách mạng vô sản.

Ông sống, cố ý sống ẩn khuất, thận trọng, trong cái nhà xám, hai tầng, kiểu rất Nga, nhiều cửa sổ, nhiều mái hiên, có vườn rau, có lối đi giữa rừng phong san sát, có đồng cỏ chạy xuống con sông lững lờ mà Hội nhà văn cho những hội viên trứ danh của mình đến ở để mà làm việc, xa bụi bặm, xa tiếng động và xa phiền lụy của kinh thành. Điều kiện độc nhất để hưởng chốn ở này là : chuyên tâm vào công việc văn nghệ và tận tâm phục vụ Đảng.

Công việc ông cũng âm thầm, trầm lặng như đời ông : để sống, ông lại dịch những nhà thơ nhà văn ông thích : Shakespeare, Goethe, Schiller, Rilke, Proust ; có thể nói là ông chẳng xuất bản gì hết : thỉnh thoảng một bài thơ, một truyện ngắn hay vài trang tiểu thuyết đăng trong tạp chí văn chương Znamya.

Ông sống gần như riêng rẽ với tiểu gia đình : cuốc đất, nhổ cỏ, bắt sâu, đi lững thững trong rừng phong sát nhà, hay ngồi yên ngoài bờ sông, trong nội cỏ, và cặm cụi trên bàn viết, đặt ngay trong phòng ăn, đôi khi ngừng bút, nhấp chút rượu *vodka* hay phì phà thuốc *píp.*

Sống âm thầm ở một vùng ngoại ô của kinh đô, ông vẫn sáng tác. Giới

sinh viên Léningrad và Mạc-tư-khoa vẫn truyền tay những bài thơ chưa in của ông và càng hâm mộ nhà nghệ sĩ chân chánh bị chánh phủ bỏ rơi này. Cho đến tháng tư năm 1954, Ilya Ehrenbourg tuyên bố cuộc « Tuyết tan giá rã » (2),

« Và với tôi, dường như Fadeev, với cái nụ cười có tội ấy mà anh còn giữ được trải qua bao nhiêu mưu kế xảo quyệt của chánh trị, đã có thể nói vào phút cuối cùng, ngay trước khi bóp cò súng, giã từ mình với một lời như sau : « Ây vậy ! mọi việc đều xong xuôi cả, vĩnh biệt Sacha !»

PASTERNAK

ông mới ra khỏi cái tình trạng « bí mật phân nửa » đó với mười áng thơ đăng trong tạp chí « Lá Cờ » xuất bản ở Léningrad, và mười áng thơ này đã được mọi người nhiệt liệt hoan nghinh.

Hai năm sau, ông trình « *Bác sĩ Jivago* cho hội đồng kiểm duyệt ; phải chờ phải hỏi khá lâu, mới biết rằng phép xuất bản, không cho. Ông đã tưởng đứa con tinh thần quí báu nhất của mình không khi nào thấy ánh sáng mặt trời, thì dịp ngàn năm một thuở hiện đến, vào một buổi chiều . . ,

Thế rồi, một buổi chiều . . .

Một buổi chiều cuối mùa hạ năm 1956, một đồng chí, người nước Ý, đến thăm. Chủ khách nói chuyện nắng mưa trong vườn, phía trước nhà. Đêm đến, hằng hà sa số « ông sao sáng » trên vòm trời ; từ đồng cỏ vừa phát, đưa đến một mùi cỏ thơm lành. Người ta dễ tâm tình với nhau lắm.

— Bộ anh không còn viết gì cho anh sao ? Anh không có cái gì đang thảo...

— Có chớ, một cuốn tiểu thuyết, một cuốn sách nhảm to tướng viết không bao giờ xong . . .

Ông vừa nói vừa cười. Người khách săn đón.

— Vậy chớ đề tài nó ra sao ?

— Ồ ! bồ của tôi ơi ! Đó là lịch sử của đời tôi và lịch sử của bọn chúng ta, hết thảy. Lịch sử của cái mà nước Nga đã trải qua từ Tháng Mười đến hôm qua — hay hôm kia gì đó !

— Đọc giùm cho tôi nghe vài trang đi nào !

Người khách một chiều của xứ nhiều mặt trời ấy bị chóa mắt ! Một bức bích họa vĩ đại linh động theo kiểu Tolstoï. Chưa ai được đọc một cái gì tương tợ như thế, từ « *Chiến tranh và Hòa bình* » của Tolstoï.

Rồi sáng hôm sau, khách phương xa lên đường về cái thế giới bên kia, có « *Bác sĩ Jivago* » làm bạn đồng hành. Rồi, câu chuyện thần tiên bắt đầu từ đó.

Sáng ngày 22-11-1957, sáu ngàn quyển — dịch ra tiếng Ý — được bày bán ở Milan. Đến chiều, hết cả. Hôm sau, có hai chục ngàn người đặt trước.

Chẳng những ở Ý, mà ở Anh, ở Pháp, ở Mỹ, « *Bác sĩ Jivago* » là cuốn sách chạy nhất trong mùa, mà cả trong năm, mà cả trong một thời. Máy in chạy ngày đêm không nghỉ, mà nhà sách cứ đòi mãi, không thôi.

Được tin thành công chớp nhoáng và sấm sét ấy, Pasternak rụng rời. Vì có một sự hiểu lầm động trời. Pasternak đã

bản quyền dịch, mà quyền này chỉ được sử dụng, sau khi sách đã in ở Liên-bang Cộng-hòa Xô-viết. Nhưng Hội nhà văn Nga-xô mới xét lại lần nữa, lại cho rằng hiện thời tác phẩm này ra đời có phần sớm, không có lợi, nên để lại sau sẽ hay.

> *Chủ nghĩa Mác - xít chỉ biểu thị một giai đoạn tạm thời trong đời sống dân Nga, một thứ bệnh ấu trĩ, đáng hoảng sợ của dân tộc này, và cũng là sự quả báo những tội ác gây bởi chế độ Nga-hoàng.*
>
> PASTERNAK
>
> trích « Bác-sĩ Jivago »

Nhưng toàn thể thế giới đã hay rồi ! Đã hay bao điều chưa từng ai nói, bao lời chỉ trích thành thật, đúng, bao cảnh, bao trò, bao ý nghĩ, bao tâm tư kỳ lạ, ghê hồn, chói chan, reo vang sự thật, rền vang khủng khiếp và chan chứa niềm tin.

Pasternak có quá âu lo, Hội đồng Xô-viết tối cao có quá sợ, quá tức, mà xin, mà đòi, mà dọa, thì việc đã rồi. Ánh sáng đã bừng lên, và đang thi hành sứ mệnh thiêng liêng của Ánh sáng.

Một ký giả cho tác giả « *Bác sĩ Jivago* » hay rằng giải Nobel đã đến với ông là do một biến cố bất kỳ của Định mệnh. Theo điều lệ, thì chỉ thưởng cho tác phẩm nào đã được xuất bản bằng tiếng của người khai sanh nó, mà tác phẩm của ông chưa thấy in bằng tiếng Nga, vậy thì không thể được giải. Giữa lúc đó, ban giám khảo nhận được những cuốn « *Bác sĩ Jivago* » in bằng tiếng Nga, dịch lại bản tiếng Ý, đã từng được đem bán tại hội chợ Triển lãm quốc tế ở Bruxelles, và bán ngay trước cửa gian hàng của Nga !

Giải Nobel với Pasternak, với «Bác sĩ Jivago »

Có một nhà văn nào được giải Nobel, từ ngày giải ấy được thành lập tới giờ, có nước nào trên hoàn cầu có người công dân mình được giải Nobel mà chẳng lấy làm vinh, cả nước Nga Cộng-sản. Nhưng đây lại một trường hợp đặc biệt : nhà văn Nga này viết không theo chỉ thị, nói những gì làm cho thiên hạ bên kia bức màn sắt hiểu rõ tâm trạng sâu xa của một số người Nga, dưới thời Lê-Nin, Xít-Ta-Lin.

Bao nhiêu đó cũng quá đủ cho báo chí Nga hô rùm : nào là thế giới Tự do khiêu khích, nào là Pasternak là một nhà văn đê tiện.

Luận điện và lối lên án kia, giá trị nó ra sao, còn ai lạ gì nữa.

Cũng như ai chẳng lạ gì nước

> *Và khi chiến tranh bùng nổ, sự thật của bao cái gớm ghê của nó, sự thật của hiểm nguy mà nó hăm dọa chúng tôi, tất cả những thứ ấy là một điều tốt lành bên cạnh nền đô hộ vô nhân đạo của sự tưởng tượng : chiến tranh đã đem lại cho chúng tôi một niềm an ủi bởi vì nó hạn định quyền hành của những lời nói suông.*
>
> PASTERNAK
>
> trích « Bác-sĩ Jivago »

Thụy-điển là một nước trung lập, và từ lâu, chẳng theo chủ nghĩa Nga Cộng - sản, mà cũng không nhận viện trợ Mỹ tư bản. Và giải Nobel — về khoa học, y học cũng như về hòa bình, văn chương — ở trên những

xô xát, hơn thua của chính trị, chỉ chú trọng đến giá trị của công trình, đến sự nghiệp chung của con người văn hóa.

Quyết định tặng giải thưởng Nobel về văn chương cho Pasternak, nhà văn hào Nga của thế hệ Gorki, Essénine, Maïakovski, Block, người độc nhất còn sống sót..., Hàn-lâm-viện Thụy-điển nào chỉ nghĩ đến cái tai tiếng của tác phẩm mới nhất của văn hào này chẳng được chào đời tại nước mình, mà toàn sự nghiệp văn chương của ông : đó là nhà thơ trữ tình, đó là dịch giả tài tình, đó là nhà thuật chuyện và nhà tiểu thuyết sâu sắc, chân thành, can đảm.

Vả lại, đó là cũng một dịp để bù lại một sự bất công đối với văn chương Nga : từ hai mươi lăm năm nay, chỉ có một nhà văn Nga : Ivan Bounine, là được tặng giải Nobel. Nay, thấy rằng cả thế giới đồng thanh tán thưởng « *Bác-sĩ Jivago* », tức là xác nhận cái tài và cái tâm Pasternak, họ không còn ngần ngại gì mà chẳng đặt vòng hào quang sáng rực cho ông.

Cho nên, Thế giới Tự do . . .

Cho nên Thế giới Tự do đồng thanh lên tiếng.

Báo « *Tin văn* » (Nouvelles littéraires) ở Pháp đã hô hào các nhà văn Pháp ký bản kiến nghị như sau :

« *Nhiều tin do báo chí Xô-viết loan làm chúng tôi e ngại rằng Boris Pasternak không được phép qua Stockholm để dự lễ trao các giải thưởng Nobel 1958. Vì thế mà những nhà văn Pháp ký tên dưới đây, quan tâm đến việc : tự do cá nhân được kính trọng trong mọi trường hợp, để tỏ ý mong rằng Chánh phủ Nga sẽ cho Boris Pasternak mọi sự dễ dãi để sang Thụy-điển, nếu đó là ý muốn của Pasternak.* »

> *Tất cả cái địa ngục máu me này là một cảnh thiên đường sánh với những cái tàm ghế, rùng rợn của những trại an trí. Điều kiện sống gắt gao không có ăn thua gì cả. Không, đây là một việc khác . . .*
>
> PASTERNAK
>
> trích « Bác-sĩ Jivago »

Rất đông nhà văn danh tiếng đã hưởng ứng, như : Robert Kamp, François Mauriac, Georges Duhamel, André Maurois, Henry Bordeaux, Fernand Gregh, Roland Dorgelès, Montherlant, Paul Fort, Marcel Aymé, Henri Troyat, Paul Vialar, Jean Rostand...

Các nhà văn, các nhà triết gia, các nhà bác học nước Anh mà một số từng được giải Nobel, đã gởi kiến nghị sau đây cho Hội nhà văn Nga :

« Chúng tôi rất xao xuyến về số phận của một nhà đại văn hào thế giới, là Boris Pasternak.

« Chúng tôi xem tác phẩm « Bác sĩ Jivago » của Boris Pasternak là một bằng chứng nhân đạo, chớ không phải là một bằng chứng chính trị.

« Chúng tôi kêu gọi quí Hội, nhân danh tập quán văn chương mà quí Hội đại diện, đừng làm mất phẩm giá một văn hào mà toàn thể thế giới giờ đây đang ngưỡng mộ »

Người ta đọc tên: Sommerset Maugham, Bertrand Russel, Graham Green, T.S. Eliot, v.v...

Hội Văn bút quốc tế (P.E.N.) cũng nhờ Hội nhà văn Nga bảo vệ cho Boris Pasternak.

Và từ kinh đô nước Thụy-điển, vài cái tin...

« Stockholm, 30-10. — Tác phẩm « Bác sĩ Jivago » xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Thụy-điển, đã bán hết trong vòng một ngày. Nhiều người phải đứng nối đuôi trước các hiệu sách để chờ mua tác phẩm này của văn sĩ Nga Pasternak.

> *Những người Cộng-sản đòi hỏi ít quá đi : mình hãy ghét cái gì mình yêu, và mình hãy yêu cái gì mình gớm. Nhưng chính đó mới là điều khổ sở hơn hết.*
>
> Lời PASTERNAK mới tuyên bố với một nhà văn Thụy-điển

« Mặt khác, người ta hay rằng các khách hàng đặt mua trước tác phẩm nầy trong vòng 24 tiếng đồng hồ vừa qua, đông đến đỗi hầu hết các quyển sách xuất bản lần thứ nhì đều được dặn trước.

« Về vụ Pasternak, Hội các nhà văn Thụy-điển đã gởi cho các Hội các nhà văn Nga hôm nay một bức thư để yêu cầu Hội nầy bảo vệ những quyền của văn sĩ Pasternak.

« Các văn gia Thụy-điển cũng yêu cầu các văn gia Nga nên để cho Pasternak duyệt lại ý định của ông đối với giải thưởng văn chương Nobel từng tặng cho ông, sao cho ông có thể qua được Stockholm để dự lễ phát giải thưởng Nobel cử hành vào ngày 10 tháng 12 năm nay. »

*

Chẳng hay Chánh phủ Nga có để qua bên tai bao lời phẫn nộ, bất bình và kêu gọi của Thế giới Tự do chăng ?

Và trong lòng mọi Người yêu Chân lý

Chẳng những riêng gì ở thế giới tự do hay ở thế giới độc tài, ở nước tư bản hay ở nước vô sản, ở xứ trung lập thật sự hay trung lập giả vờ, văn nghiệp của Pasternak, tác phẩm mới nhất của ông và thái độ của Chánh phủ Nga-xô đối với nhà văn vừa được giải Nobel về văn chương này, mà trong lòng mọi người yêu Chân lý, thiết tha với Tự do, sống chết cho Dân chủ, đều sáng rực một nhận xét vô tư này :

Cộng-sản « sợ » sự thật, nên đã làm đủ mọi việc, tìm đủ mọi cách, mềm dẻo có, cứng rắn có, cho đến cả phương thế bỉ nhọ, vu khống cũng có nữa.., để cố bóp nghẹt tiếng nói của một người cầm bút chân chính đã dám diễn tả cuộc sống thật, tâm tình thật, hoài bão thật của người dân dưới chế độ Mác-xít.

Một chế độ không thể dung được sự thật, không dám để cho người dân nghe sự thật, thấy sự thật, tìm hiểu sự thật, thì dù có được tuyên truyền khéo léo thế nào, dù có được ngụy trang bằng những danh từ đẹp tốt đến đâu, bằng những diễn từ hứa hẹn biết mấy, cũng không che đậy được tính chất phản dân chủ của nó.

Và lịch sử cũng đã từng chứng minh rằng, không có một chế độ chính trị nào có thể bắt được kẻ sĩ cầm nín trước sự thật, cũng như không có một phương pháp đàn áp nào, dù tàn bạo, dù tinh vi đến đâu, có thể xóa bỏ được

sản phẩm tư tưởng của con người văn nghệ, nhất là khi tư tưởng đó đã thấm sâu vào lòng nhân dân khát khao Chân lý, hoài vọng Tự do, không muốn thấy Bất công ngự trị, không muốn để Bất bình thành khối trong người.

Mà một khi lòng dân đã chán chê, đã phẫn nộ, một khi mà kẻ trí thức trong lành, người nghệ sĩ chân chính chẳng thể ngồi im, câm miệng, bó tay, thì sức tức nước vỡ bờ, sự sụp đổ, nó mau, nó mạnh, nó kinh khủng như thế nào, ai mà lường được ?

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.

(Để viết bài này, chúng tôi có mượn tài liệu của các báo « Nouvelles littéraires », « Arts : lettres, spectacles », « Témoignage chrétien », « Paris-match » ra trong hai tháng 10 và 11 năm 1958.)

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Phương pháp làm luận triết học** » của G.S. Nguyễn-Văn-Trung, do nhà xuất bản Nam-Sơn gửi tặng. Sách gồm 3 phần : Những nhận xét tổng quát về luận triết. Những việc phải làm. Cách xây dựng một bài luận triết. Dày 62 trang giá 20$00.

— Nghị luận luân lý (cho thí sinh cấp trung học), tập Ba của G.S. **Ảo-Giản** Phan-Ngô, gồm 51 đề tài luân lý cùng các bài mẫu, dàn bài. Giá bán 35$00

— « **Hoa đầu mùa** » thi phẩm của Thiên-Thanh Trần-sĩ-Du gồm 72 bài thơ, giá 30$00

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Nam-Sơn và tác giả thi phẩm « Hoa đầu mùa » ; giáo sư Phan-Ngô và xin ân cần giới thiệu với các bạn đọc thân mến.

ĐÍNH CHÍNH

★ BÁCH-KHOA số 44

— Thơ Ngu-Í *Nguiễn-Hữu-Ngư*, trang 85, bài « **Trong trắng** » : « Lagi, 1944 » xin sửa lại : « Lagi, 194**5** ».

— bài « **Chua xót** », câu :
« *Héo hắt bao năm* xứ *quán nào* »,
xin sửa lại :
« *Héo hắt bao năm* **xó** quán nào ».

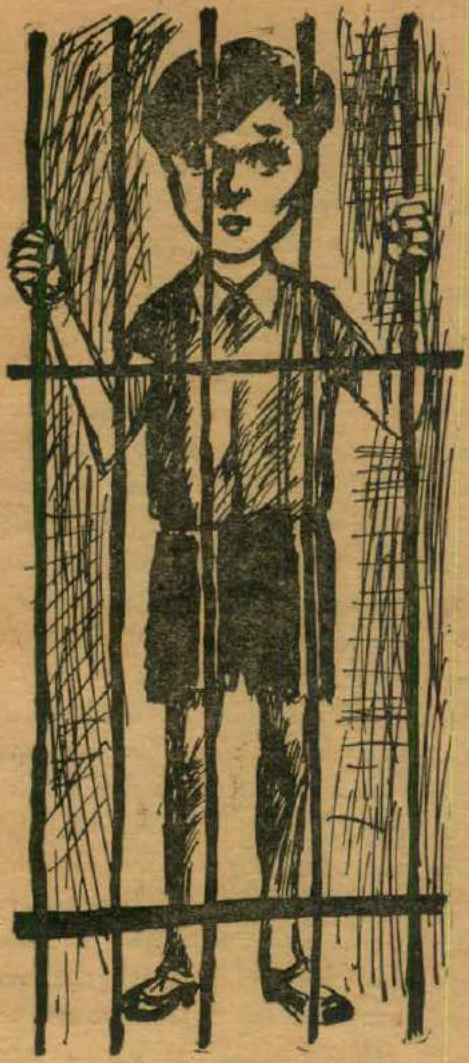
— Bài « **Người làng Phù-đổng** » của **Trần-Hồng-Hừng**, trang 37, cột 1, từ dòng 30, sót mấy chữ in đậm sau đây :
« *Mà Người làng Phù-đổng, biết đâu chẳng phải là người bằng da, bằng thịt như bạn, như tôi, như mọi thường nhân,* **mà chỉ là một tượng trưng** *: một tượng trưng cho sức chồi dậy, sức vùng lên...* »

★ BÁCH-KHOA số 45 :

— Tin văn về « **Lều chõng** » của *Ngô-Tất-Tố*, trang 16, cột 2 :
« Đang in số 1 trên giấy đẹp, có hạn », xin sửa lại :
« Đang in *một số* trên giấy đẹp, *số in* có hạn : »

— Bài « **Hồ-Biểu-Chánh** » của *Nguiễn-Hữu-Ngư*, trang 26, cột 2, dòng 25, xin đọc : « một đoạn những lời *căn* dặn thiết tha » ; trang 27, cột 1 và 2, số chú thích (2) ở trong bài và ở dưới bài, xin sửa lại số (3).

— « **Tiếng địa phương** » của *Bình-Nguyên-Lộc* và *Nguiễn-Ngu-Í*, trang 43, cột 2, dòng 1 :
« Dòng cước dài nối... », xin sửa lại : « Dòng **nước** dài nối... »



HAI THẾ GIỚI

Bà VÂN-TRANG

CHIẾC xe chở học sinh của một tư thục Pháp vừa nhả thẳng Sanh trước cổng một biệt thự lầu đồ sộ, chị Tư đã chực sẵn dẫn nó vào. Hai cánh cửa sắt nặng nề chưa khép kín sau lưng, nó đã quăng cặp, giậm chưn, phụng phịu :

— Đưa bánh đây cho em !

Chị Tư lượm cặp vừa phủi vừa kêu :

— Trời ơi ! liệng trầy, « măng » rầy chết ! Vô thay quần áo, rửa tay rồi mới được ăn bánh.

Nó vẫn giậm chưn vung văng, hai tay đánh như quả lắc đồng hồ :

— Hổng thay quần áo ! Hổng rửa tay ! Đưa bánh đây đã !

Chị Tư trừng mắt :

— Lì hả ? Chị mét cho coi.

Và chị day vô nhà, nói to :

— Dạ, thưa bà, em Sanh...

Thằng bé « Ái ! » to lên một tiếng, bốc một nắm sạn toan liệng chị thì một tiếng động to làm nó giật mình, dừng tay, nhìn sang bên kia.

A ! mới sớm mai, khoảng đất trên ngàn

thước vuông bên cạnh nhà nó hãy còn là đống rác mà bây giờ đã sạch sẽ bằng phẳng, hàng chục người đang đào, cuốc, khuân vác, những xe chở gạch đá tới liên tiếp gây thành một không khí náo nhiệt.

Cách rào nhà nó chừng mười thước, một cái trại to mới mọc chứa đầy bao xi-măng. Ở góc, lúm xúm đủ thứ soong, chảo, lò, bếp.

Không một người ngồi yên, trừ chị đàn bà đang lặt rau làm cá sau trại, trước mắt nó. Màu sắc tươi nhuận của rau xanh, cà đỏ, như chửi lại đôi tay gầy gò, đen đúa của chị. Nhưng đồ vật bầy chung quanh làm cho thằng bé nhều nước miếng. Những củ sắn đã lột vỏ trắng ngần khiến chú ta thấy khát nước khô cổ họng.

Quang cảnh rộn rịp vui vẻ quá làm thằng bé quên cả hờn giận, quên cả ăn bánh. Vừa nuốt nước miếng, nó vừa chăm chú nhìn hai bàn tay đen đúa kia sử dụng hết sức khéo léo con dao bén ngót, thì một thằng bé trạc nó, quần đùi, ở trần, chạy tới trước mặt chị cười toét hai hàm răng sún. Cái mặt rỗ chằn, gầy hóp của chị bỗng tươi hẳn lên, chị cầm một củ sắn đưa cho thằng bé, kèm theo một câu nói ngọt như mật :

— Tan học rồi hả con, Tị ? Ăn đi, rồi tắm cho mát, con. Chủ nhật tới phiên ba con quét Sở-thú, má cho con đi theo lượm trái lim.

Thằng bé reo lên một tiếng sung sướng và đưa củ sắn lên miệng nhai dòn khúu.

★

Hơn tuần lễ nay, thằng Sanh sống với một trạng thái tâm lý khác hẳn từ trước. Một nguồn vui mới rào rạt trong lòng nó. Nó mong cho chóng tan học, được về nhà để ngồi bên hàng rào sắt dưới giàn bông « ti-gôn » mà quan sát, theo dõi cuộc sống hào hứng của thằng Tị.

Mắt nó nhìn hình con vịt cô giáo vẽ trên bảng mà nhớ tới hai con vịt con của thằng Tị lông mịn như tơ, mắt đen láy như hột cườm rắn, bơi thong dong trong ảng nước. Món đồ chơi linh động kia thật dễ yêu quá. Chúng lội lững lờ như hai nắm bông trôi. Ít lâu nay, Sanh thấy thèm thuồng cuộc đời của thằng bạn nghèo trong cái trại bé nhỏ kia. Nếu có thể đổi một chuyến đi chơi Đà-lạt bằng xe nhà của nó với một buổi đào dế của thằng Tị, nó nhận liền, không một chút do dự. Cái cảm giác hồi hộp khoái trá trong khi đợi chờ trên miệng hang dế cùng thằng Tị hôm nào chưa phai trong lòng nó. Nó sắp chụp được con dế thì chợt chị Tư kêu về, cẩn thận bảo nhỏ vào tai rằng nó không được chơi với con một anh phu quét đường như thế. Nó ngạc nhiên sững sờ, rồi tiu nghỉu. Lâu nay, tài bày trò chơi của thằng Tị đã làm nó say mê. Với vài tấm giấy bao xi măng rách và một ít dây, thằng Tị căng thành một cái mà nó gọi là nhà. Trong nhà đó, nó để mấy chiếc xe làm bằng mảnh gỗ vụn với ống chỉ thành hàng, ngay ngắn như gon trong ga xe lửa lớn.

Sau khi dùng bữa bằng hai cái bánh bao dọn trong một cái mâm bằng tàu lá chuối, thằng Tị xách xe ra bảo rằng đi làm. Nó cột dây kéo chạy cùng khắp khoảng đất, kéo còi miệng inh ỏi, thỉnh thoảng dừng lại để cất thêm hàng hóa

bằng vài miếng gạch vụn. Sanh để ý thấy thằng Tị chạy hàng giờ như vậy mà không ai rầy la ngăn cản chi cả. Thật là sung sướng. Đến khi thấy lưng nó mồ hôi nhễ nhại, má nó mới kêu vô. Nghĩ một chút ráo mồ hôi, thằng Tị bắt đầu tạo một hạnh phúc khác. Nó tắm. Dưới ánh sáng mặt trời, nó vụt lon vào ảng nước đùng đùng làm hai con vịt bị chao nhồi như hai chiếc tàu bị bão.

Thằng Sanh theo dõi một cách thèm thuồng từng cử động của thằng Tị.

Chừng nào nó mới được hưởng cái thú vị đó trong cuộc đời phú hộ của nó ? Phòng tắm cẩn gạch trắng bốn bên, cửa đóng kín mít, chị Tư tắm nó bằng nước nóng có pha dầu thơm đựng trong một bồn kiểu Tây trắng muốt. Chị kì cọ nó kỹ lưỡng như chùi một món đồ đồng. Xong đâu đấy, chị lau chùi, mặc áo mang giầy cho nó, tuyệt nhiên không để nó động tới một việc gì. Cửa buồng tắm mở, nó thoát ra chưa kịp hít khí trời đầy phổi, chị đã gọi nó lại, rót vào tai bao nhiêu lời căn dặn :

— Đừng chạy té dơ quần nghe em, đừng bỏ giày dơ chân nghe em, đừng hốt sạn dơ tay nghe em, đừng làm rối tóc nghe em, đừng... đừng...

Để khỏi phạm vào bao nhiêu điều cấm đó, nó chỉ được buông thõng tay, đi tới đi lui trên con đường lát sạn trắng, giữa hai hàng cây cắt xén thẳng tưng, thỉnh thoảng dừng lại để nhìn thằng « Tị » sống bên kia rào sắt.

Càng nghĩ, nó càng tức giận. Nó cảm thấy tất cả người lớn chung quanh là kẻ thù của nó. Họ đã toa rập nhau nhốt nó vào cái nhà lầu gần như vắng lạnh, nó coi như là ngục tù với những thứ đồ chơi tuy là đắt tiền nhưng không gây được bao nhiêu hứng thú.

Những câu :

— Thưa bà, em Sanh xuống bếp.

— Thưa bà, em Sanh chơi nước.

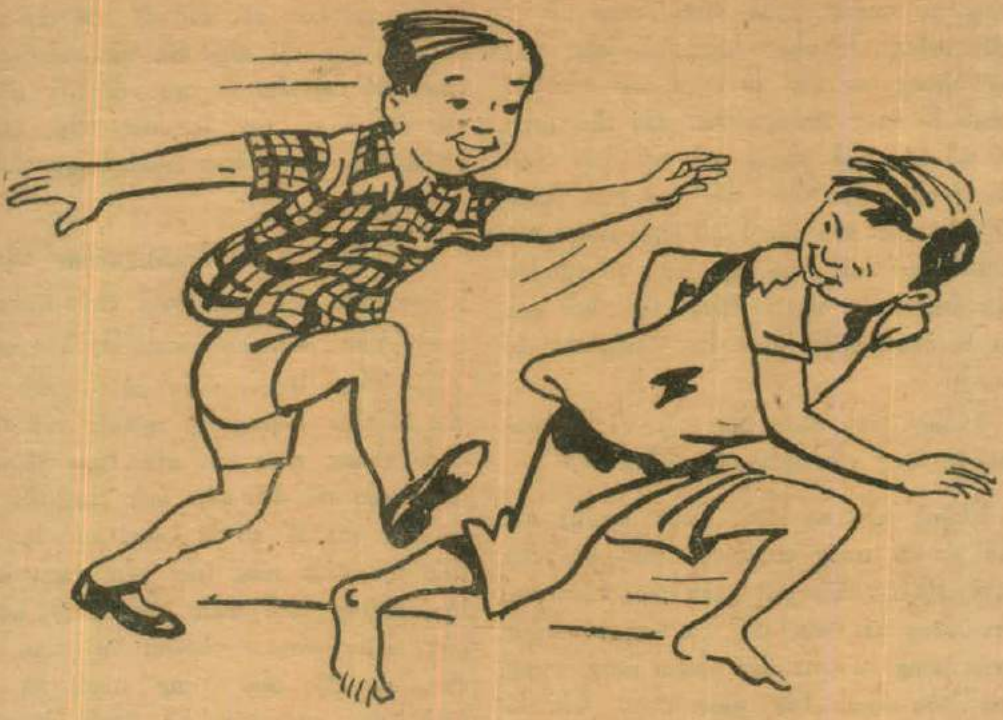
— Thưa bà, em Sanh lấy dao chơi.

— Thưa bà.... thưa bà.... dội vào đầu nó như những lời nguyền rủa thâm độc, những nhát búa ghê rợn. Mỗi cử động của nó đều gặp một sự rào đón mà kết quả là nó bị đưa trở lại để tiếp tục cuộc sống trên nền gạch bóng lộn, tường sạch tinh cùng với những bức màn « voan » buông từ trần tới đất, cô độc như vừng trăng và yên lành như con búp bê Nhật trong tủ kiến.

Sức phản ứng nổi dậy trong lòng nó. Đang giữa buổi học yên lặng, nó vụt đứng dậy, đưa nắm tay lên không như muốn đe dọa ai. Cô giáo dạy tiếng Anh ngỡ là nó nghịch ngợm, ban ngay cho một giờ « bít-kê » quay mặt vào vách.

Lại càng yên ổn. Ngồi ở bàn thật ra cũng chẳng thích thú gì cho lắm. Cái trò bậm môi, uốn lưỡi để đọc cho được chữ « crayon » giọng cuống họng, chữ « pencil » giọng lỗ mũi, trong khi chính chữ « viết chì » mà nó còn đọc là « diếc chì » có lẽ còn làm cho nó bực mình hơn là bị phạt. Nghĩ vậy, nó không buồn cải chánh, khoanh tay ngó vào vách, ngẫm nghĩ ...

✱



Bình minh chan hòa trên hoa lá. Hơi mát dịu đầu mùa mưa trong một ngày chúa nhựt quang đảng làm vợi bao nhiêu mệt nhọc của đời. Mới giờ nầy mà Sở-thú đã có người. Họ đi quanh hồ sen, ưỡn ngực hít không khí hay dựa ngửa vào băng mà thưởng thức cảnh hoa đùa với gió. Cảnh vật tươi cười như tuổi trẻ. Thật hợp với thằng Tị. Nó cầm chong chóng giơ khỏi đầu, nầy ngực chạy một đỗi xa, lại trở lại gần cha nó. Đã hơn mười vòng mà nó chưa chán, vẫn còn chạy khỏe, chạy chăm chỉ như một lực sĩ dượt rút mấy ngày chót. Chợt nghe tiếng khóc trẻ con ngoài cửa, nó giơ chong chóng chạy ra. Trước mắt nó, thằng Sanh đang giậm chưn la khóc, cấu xé chị Tư. Trong bộ cánh sang trọng, mặt mũi thằng bé khổ sở, ràn rụa nước mắt. Cả tuần chờ đợi để được đi chơi với mẹ ngày chúa nhựt, mà sáng nay, khi trở dậy bà đã đi đâu từ hồi nào. Chị Tư, theo lời chủ dặn, thay quần áo, dẫn bừa đi sở thú, không cần có sự đồng ý của nó. Người lớn có thói quen coi thường trẻ con, đến lời hứa của họ đối với chúng, họ cũng không chú ý. Hậu quả của sự khinh thường ấy nghiêm trọng đến thế nào, chưa ai lường được.

Thằng Sanh đang hung hăng chống cự, cố hết sức giựt tay lại để chạy ra xe, thì ngay lúc ấy cái mặt đen, xấu, sún của thằng Tị hiện ra làm đảo ngược tình thế. Nó chợt nín hẳn và ngoan ngoãn theo thằng Tị coi chạy chong chóng. Trời còn sớm, không có gió mấy, nhưng hai thằng nhỏ không vì thế mà kém sung sướng. Thỉnh thoảng, chong chóng quay được vài mươi vòng là có dịp cho thằng

Tị càng hăng hái, càng giơ thẳng cánh, ưỡn ngực, cố chạy thật nhanh trong khi thằng Sanh đứng trên lề vỗ tay, reo hò nhiệt liệt như một khán giả địa phương đang cực lực ủng hộ hội banh nhà trong trận chung kết.

Thấy thằng Sanh đã chịu chơi, chị Tư mừng lắm. Nhưng đến lúc nó hăng máu, toan cầm lấy chong chóng để chạy, thì chị Tư theo thói quen, ngăn lại :

— Sanh, đừng chạy té trầy đầu gối, « măng » rầy chị, em ơi !

Thằng nhỏ còn nhớ cơn giận khi nãy, gây lại chị và tiếp tục chạy. Đúng như lời chị nói, vốn từ nhỏ không hay hoạt động nên hai chân nó yếu lắm, chạy chưa hết vòng đã té. Nhưng bây giờ chị Tư không rầy nó được nữa, nó đã vượt quyền chị được một lần thì cứ theo đà đó. Nó cứ chạy theo thằng Tị.

Khi chú Ba quét tới chuồng voi, cạnh rạch Thị-nghè, thì bỗng nhiên thằng Tị ngừng chạy, cởi áo, hăm hở hỏi ba nó :

— Ba cho con tắm, con lội nghe ba ?

Chú không ngừng tay, thong thả đáp :

— Khoan đã con, để quét xong, ba mượn bánh xe cho mà tắm.

Trong khi chờ đợi, Tị liệng áo lên một bụi bông, nằm sải trên cỏ non, lần thần hỏi :

— Ba ơi ! sao ba hồng mua hộp đồ cất nhà thứ trong lớp con học cho con chơi, ba ?

— Tiền đâu mà mua, con ?

— Còn kỳ nầy con nắn nải chuối, được cô khen hạng nhứt, sao ba hồng thưởng con gì hết, ba ?

— Lấy gì mà thưởng, con ? Tiền gạo đâu có.

Cứ tới chuyện tiền là tắc tị. Thằng nhỏ chán phèo, nhắc lại chuyện cũ :

— Mượn bánh xe đi ba, để bác Hai đi chợ khóa cửa à.

Đến việc có thể làm vui lòng con được, chú vội vàng hốt rác đổ vô xe, gác chổi lên, đẩy thẳng tới quán nhỏ bên cạnh chuồng voi.

Tự nãy giờ thằng Sanh đứng im lặng không nói nửa lời, vẻ mặt nghiêm trang, buồn bã. Chưa bao giờ nó được ba nó dẫn đi chơi hay trò chuyện âu yếm như thằng Tị. Là thuyền trưởng tàu buôn, ba nó có khi đi những sáu tháng mới về, vài ngày lại đi nữa. Trước nó cũng thường được mẹ bồng ẩm âu yếm. Nhưng chiếc xe Huê-kỳ mới sắm đã cướp mất phần của nó. Má nó cả ngày chỉ ôm tay bánh. Hơn năm nay, từ khi đi học gần như nó chỉ thấy có chị Tư và chỉ sống với chị. Trong sự sống chung, nó thấy chị Tư đối với nó như cái xiềng với con chó Lu-lu, hay có hơn nữa, cũng chỉ là một cái máy cử động bởi nút bấm, tuyệt nhiên không có một chút tình. Khác hẳn anh phu kia, tình yêu tỏa ra ở mắt, phát ra ở miệng. Anh ngồi trên bờ vừa hút thuốc vừa theo dõi con bằng đôi mắt rất đỗi dịu dàng. Cảnh tượng ấy làm thức dậy sự ao ước trong lòng thằng Sanh. Nó bước tới, hỏi chú :

— Con tắm với thằng Tị nghe chú ?

Chú chưa kịp trả lời thì chị Tư hớt ngang, giọng hốt hoảng :

— Trời ơi, tắm sao được, em !

Thằng bé vốn có thành kiến với chị,

tức thì phản ứng, xăn xái trút giày, cởi áo đi xuống bờ sông. Hai chị em trì níu nhau, thằng nhỏ giãy giụa la khóc. Chú ba phải giảng giải. Sau một hồi mặc cả, thằng Sanh chịu, không đòi tắm nữa với điều kiện được ngồi trên bờ rạch khoèo lá trôi. Trong lúc chị Tư sợ hãi bao nhiêu thì thằng Sanh sung sướng bấy nhiêu. Nó với đập cành cây khô vào thằng Tị vừa cười giòn giã. Từ chút từ chút, ngón chân cái nó lấn ra bờ sông : đến khi tay đụng nước, nó vứt cành cây, dùng tay đề với thằng Tị. Hai đứa nhỏ chơi say mê, chị Tư được yên ổn ngồi ngó qua dinh thự bên kia bờ, mơ mộng. Đến khi nghe tiếng rơi tõm, nước bắn tung lên, chị mới hốt hoảng thấy thằng Sanh không còn ngồi đó nữa. Chị sợ hãi kêu khóc to lên, nhưng chú ba đã kịp thời nhảy xuống nắm ngay được vạt áo thằng bé.

✶

Nhờ tai nạn đó mà hai đứa trẻ giai cấp cách biệt được gần nhau. Má thằng Sanh cho Tị được chơi với con mình và coi đó như một đặc ân. Thằng Sanh cũng không kém sung sướng. Nó nằm hàng giờ trên, manh chiếu rách bên cạnh thằng Tị để nghe kể chuyện « Bé quàng khăn đỏ », « Ba con gấu », « Con Lọ-lem », theo những hình bằng giấy màu dán trong tập. Tập thằng Tị đầy cả hình ảnh, mầu sắc. Cả một câu chuyện đời xưa bằng hình giấy màu với những câu chua ngắn ngắn do chính tay thằng Tị cắt, dán, chú thích. Từ hình « Bé quàng khăn đỏ » tay mang giỏ, tay cầm chùm hoa đến hình con chó sói sau khi ăn thịt hai bà cháu bụng to như trống làm thằng Sanh say mê, dù bàn tay vụng về của chủ nhân đôi khi làm con chó sói chỉ còn có ba chân hay cái giỏ mất cả quai. Không đợi bị chỉ trích, thằng Tị bào chữa trước :

— Tại cây kéo của em lụt quá đó anh, chớ hình em nặn tốt lắm, con chó sói giống đến nỗi cô đề dành triển lãm kỳ tới nầy nè, anh.

Sanh ngạc nhiên :

— Triển lãm là gì ? Tị nặn à ? Nặn bằng gì ? Mà trong lớp cô lại cho nặn à ?

— Chớ sao ! Nặn bằng đất sét, đất Biên-hòa của ba con Diệp cho, nhuyễn lắm anh ơi ! Mình nặn trên tấm bảng bằng cây, đâu có dơ bàn, anh !

Sanh lạ lùng quá. Nó không thể nào quan niệm được trong lớp học mà lại có đất sét. Trong cuộc sống của nó, « đất » là một vật tối kị. Nhà gạch, sân lát toàn sạn trắng sát gốc cây, không cho nó một ý thức gì về đất. Bộ quần áo cũ nó mặc một ngày thay ra hãy còn sạch hơn đồ để dành của các trẻ khác, và mẹ nó lấy đó làm hãnh diện. Trường học mà nó tới lui hơn năm nay là một dãy lầu ba từng cất sát một đại lộ của đô thành. Trong lớp tường trắng tinh, bàn ghế vẹc-ni, cô giáo móng tay đỏ chót. Toàn thể cuộc sống không dính dáng gì tới đất, « đất » đối với nó như một vật xa lạ. Nó bỗng tò mò nầy ra ý muốn biết lớp học có đất sét, bèn đề nghị :

— Mai nầy nghỉ lễ, tôi xin phép



mẹ tôi tới chơi đằng trường Tị nhé. Tị xin phép cô giáo cho tôi vô chơi một chút.

★

Thấy dáng đi xăn xái của thằng Tị, người ta tưởng đâu nó được thằng Sanh dẫn đi hội chợ. Cầm tay bạn, nó tung tăng trên lề đường, nói luôn miệng về cô giáo và lớp học của nó. Nào là làm con chuột bằng vỏ trứng, kết hoa bằng hột bí, dệt khăn bằng máy dệt nhỏ, dệt chiếu bằng sợi ni lông, tự in lấy bài học, cô giáo kể chuyện bằng phim quay tay do học trò vẽ. Thằng Tị nói say sưa, nhưng thằng Sanh, trái lại, nghe một cách ngờ vực. Trong khi thằng Tị quả quyết năm bảy lần rằng hiện giờ nó có thể trả chữ in từ khuôn ra hộc không sai một ngăn nào, mặc dầu phải đọc chữ ngược thì thằng Sanh nhìn trân vào mắt nó như muốn bắt nọn.

Nhưng đôi mắt một mí và cái miệng sún răng lúc nào cũng cười toét của thằng Tị không tố cáo một cái gì, Sanh im lặng tiếp tục đi.

Qua khỏi ngã tư, Tị trỏ vào một dãy nhà tôn, bảo :

— Đó, lớp học em là dãy giữa đó anh, cô em đứng chỗ đu cân đó. Anh đứng đây đợi em xin phép cô đã, nghe !

Sanh đứng lại một mình ngoài cổng, đưa mắt nhìn vô. Hàng trăm đứa trẻ trạc nó, cỡ nhỏ hơn có, phần nhiều đen đúa, xấu xí như thằng Tị, cùng mặc một thứ quần áo, xao động trong sân như một bầy cá. Mấy đứa leo lên đu đưa vùn vụt. Mấy đứa rượt bắt chung quanh hai bồn lan hoa đỏ rực rỡ. Cái đu cân nhồi lên, rớt xuống gợi cho thằng Sanh cái cảm giác một con tàu dập sóng mà nó đã được đi cùng ba nó một lần. Dưới gốc trứng cá, mấy đứa con gái bầy hàng bằng bông bụp và vỏ nghêu, ra bộ đảm đang, sắp xếp luôn tay. Các chị đi chợ cũng không kém, tay ẵm búp bê bằng vải, tay xách ngau nhỏ, lựa chọn, trả chác, hết hàng này đến hàng khác.

Nó đương chăm chú quan sát thì thằng Tị đã chạy ra, hớn hở dẫn nó vào.

★

Nghe tiếng chuông báo hiệu đổi giờ, thằng Sanh quính quíu, hốt hoảng. Buổi học sắp hết mà nó thấy chưa thỏa mãn. Sau giờ quan sát là giờ phô diễn. Qua lối phô diễn bằng lời nói, bài viết, hình vẽ, giờ đến phô diễn bằng lối nặn đất là lối phô diễn thích thú nhất của trẻ con. Lần thứ nhất cầm cục đất sét trên tay, thằng Sanh bợ ngợ, bối rối. Nó cứ vò tròn cả cục, đề xuống bảng đè giẹp, rồi lại gỡ lên vò tròn. Tay làm lia lịa để trấn áp bao nhiêu tình cảm bồng bột trong lòng nó. Sớm mai lúc ra đi, nó chỉ muốn coi những món đồ của thằng Tị làm, thế thôi. Nhưng cái thằng bé sún kia thật có nhiều biệt tài. Nó khẩn khoản với cô giáo thế nào mà bạn nó được sống trong lớp một buổi đầy đủ, được dự vào mọi công việc, và được hưởng mọi hạnh phúc như các trò kia. Lòng rộn lên sung sướng, nó cảm thấy cần phải nói với thằng Tị một câu gì cho hả. Nó lén lén liếc sang, bỗng sực nhớ đây không phải là lớp học của nó, mà là lớp của thằng Tị, lớp thằng Tị là một lớp học đặc biệt, được tự do phát biểu khi cần thiết, nó bỗng thấy nhẹ nhõm, day qua thì thầm bên tai bạn :

— Tôi muốn học đây hè, Tị ơi ! Làm sao mai tôi được tới nữa ?

Dạy tôi nắn trái măng với ! Làm sao trước hết, Tị ? »

Nhưng quái lạ ! Cái thằng Tị láu nói kia bộ câm rồi hẳn ? Đôi mắt lươn chăm chăm vào cục đất sét tròn tròn trên lòng bàn tay, khi đề xuống bàn, khi nâng ngang lên tầm mắt, nghiêng qua nghiêng lại ngắm nghía, tay kia vân vê cho cục đất thực tròn, thực láng như một quả banh bàn. Sau cùng, như bằng lòng, Tị nhẹ nhàng đặt cục đất xuống một miếng cây nhỏ, ngắt một cục đất khác chăm chú làm cuống trái măng.

Bị bỏ rơi, Sanh quay sang con bé Đến ngồi bên trái. Cũng y vậy. Dầu nó gợi chuyện thế nào con bé cũng không trả lời, cắm đầu làm như bị công việc thôi miên. Trông đôi con mắt tí hí nằm hai bên cái sóng mũi gãy dưới một khuôn trán thấp bẹt, nét mặt con bé không biểu lộ một chút gì là thông minh cả. Thế mà lúc nãy, trong giờ quan sát, được cô giáo khen mấy câu trả lời đúng về hình thể và màu sắc trái măng. Nhưng khi hỏi tới mùi vị của múi măng, nó ngơ ngác. Bị hỏi dồn mãi, nó mới ngập ngừng thưa :

— Thưa cô, em chưa... chưa... ăn trái măng lần nào.

Nói xong, nó cúi xuống, rờ rẫm mặt bàn, vẻ hổ thẹn. Cô giáo lặng thinh. Thấy thế, mấy đứa đưa tay lên, xin :

— Thưa cô, cô kêu em đi cô, trò Đến không biết hẳn rồi cô. Má trò bán măng mà, sao chưa ăn được ?

Thấy bộ con Thìn chồm hẳn lên bàn, cố dơ tay thật cao, miệng choen choét :

— Thưa cô, kêu em đi cô ! Trò Đến không biết thiệt mà cô.

Con Đến nổi giận, ngước mặt lên, ấp úng thưa :

— Thưa cô, thiệt em chưa ăn măng lần nào. Bữa nào má em gánh măng đi thì gánh vỏ về xỏ xâu để nhuộm áo hay nấu cho thằng Đực uống bịnh ỉa, chớ đâu có cho tụi em ăn. Má em nói

măng một đồng một trái mà tụi em tới bảy đứa thì ăn hết vốn.

Nó ngừng một chút rồi tiếp nho nhỏ :

— Tại em chưa ăn thật chớ không phải em không biết.

Cô giáo lại lặng thinh, thở dài. Bỗng đột nhiên cô đứng lên, vui vẻ bảo học trò :

— Vậy ta ăn măng ngay bây giờ. Cô báo cho các em một tin vui : sớm mai nầy bên lăng Ông cho chúng ta một rổ măng, cô định để chia cho các em sau buổi học vì cô nghĩ rằng thế nào các em cũng có ăn một lần. Nhưng bây giờ ta ăn ngay, và sau đó ta sẽ tiếp tục học về mùi vị trái măng cũng được.



Sau khi mỗi đứa đều cầm mỗi trái măng, cô dạy cách bóp vỏ ra, cách ăn thế nào cho mủ khỏi dây vào tay, vào quần áo. Cô nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng mủ măng là thứ không tẩy được.

Thằng Sanh đã từng ăn măng không biết bao nhiêu lần, nhưng chỉ lần nầy nó mới biết rõ trái măng và cảm thấy cái thú khi ăn măng.

Nó vừa nhìn con Đến vừa suy nghĩ, đến khi thấy con bé vò vành cặp môi theo đà tay đang gò gẫm gần những tai nhỏ chung quanh trái măng, nó mới giựt mình quay lại vò vò, nặn nặn cục đất đã bắt đầu khô cứng.

★

Trong gian phòng rộng, bà đi đi lại lại, vẻ mặt lo lắng. Mặc dầu ít chú ý tới con, bà cũng thấy gần đây thằng Sanh thay đổi nhiều. Hai lần nó trốn học đến tìm thằng Tị ở lớp Mẫu giáo làm phước. Chị Tư đối với nó bây giờ không có quyền lực gì nữa. Nó chống với chị, chống thẳng tay, liều mạng. Không biết nhờ sự may mắn gì mà nó đã đi một mình qua ngã tư được bình yên. Lần đầu chị kiếm gặp nó vừa đúng lúc chuông rung tan học, nó cặp tay thằng Tị tới chỗ rẽ đầu đường mới buông ra, cả hai đều tiếc câu chuyện đang kể dở. Lần thứ nhì, mới hôm kia đây, nó cũng trốn nhà đến đó nữa. Chị tới trước cổng gọi, nó không thèm trả lời, say mê vào đống gỗ vụn. Chị phải trở về thưa lại bà chủ. Bà tới tìm con với vẻ mặt giận dữ. Nhưng sau khi được cô giáo đưa thăm lớp, bà thay đổi thái độ. Tuy cũng dẫn con về, song bà không quyết trừng phạt nó như trước.

Hôm nay thằng Sanh đau, nằm trong

cái giường mùng thật sang trọng. Hôm qua, bà đánh nó một trận khá nặng vì nó không chịu đi học. Trưa lại nó nóng hầm hấp, và càng chiều nhiệt độ càng tăng. Bằng trực giác, bà hiểu rõ bệnh con hơn cả bác sĩ. Bà biết con mình đau vì bị kích thích thần kinh hơn là vì cớ gì khác. Và lý do bà cũng hiểu. Bà nhìn sang bên kia, thở dài. Từ khi nhà lầu bên cạnh cất xong, trại thằng Tị dọn đi, Sanh lừ đừ cả ngày như con chim con nhớ tổ. Nhà mới bên kia cũng đồ sộ như nhà bà, cũng có lầu, cũng có một thằng nhỏ trạc thằng Sanh và hình như cũng cô quạnh như thằng Sanh. Chiều chiều đi học về, hai đứa trẻ đứng hai bên ban công nhìn nhau, tuyệt vọng như hai kẻ phiêu lưu đắm tàu giạt vào hai hải đảo, không còn một mảnh ván để giao thông.

Bà vén mùng nhìn con. Thằng bé chập chờn ngủ, tròng mắt chạy qua chạy lại dưới đôi mí nhắm nửa chừng. Mới hai ngày mà coi nó hốc hác quá. Ba hôm trước, trong lớp học thằng Tị, nó chạy theo bà, nét mặt hân hoan, tiếp lời cô giáo cắt nghĩa cho mẹ về một bức vẽ tập thể phác họa cảnh sáu đứa trẻ quay số trước mặt quan khách mà chúng mới được coi. Nó nói hấp tấp, hồng hộc như muốn phát biểu tất cả ý tưởng ra cùng một lúc. Nó muốn mẹ nó cảm thông được niềm vui của một đứa trẻ — như nó chẳng hạn — được dùng dụng cụ tự do phô diễn, khỏi phải theo lời cô giáo, vẽ cái nón nhìn nghiêng, bình mực nhìn đứng coi buồn hít. Nhưng nồng nhiệt nhất là lúc nó giới thiệu với bà về trò múa rối. Nó mở cửa khung, vén màn, chơi con múa rối, nói ríu rít như chim. Những khi ấy, cô giáo chỉ đứng khoanh tay mỉm cười, im lặng cho nó nói.

Đến khi sang phòng búp bế, cái hăng hái của nó dịu lại. Nó sung sướng một cách khác. Nó nắm một đầu võng đưa đẩy nhẹ nhẹ với đôi mắt âu yếm như đôi mắt của người mẹ. Bà mới chợt nhớ ra rằng con bà sống cô quạnh quá vì nó là con một. Một chút hối hận thức dậy trong lòng, bà đưa tay vuốt tóc con.

Thằng Sanh đang mơ trong mùng vụt cựa mình, ấp úng mấy tiếng: « Đừng làm bể... bánh cát... của tôi... mới in đó, nghen !

Thì ra nó đang sống trong giấc mơ. Bất giác bà thở dài.

Bà VÂN-TRANG

(trong hội BẠN TRẺ EM VIỆT-NAM)

★ Thà có ít sáng kiến và thực hiện được các sáng kiến của mình còn hơn là có nhiều sáng kiến mà chẳng thực hiện được sáng kiến nào cả.

★ Người thủ lãnh có biết rõ mình muốn cái gì và có muốn một cách kiên quyết thì người dưới quyền mới có thể tuân theo một cách dễ dàng và tin cậy.

Không có gì phương hại cho uy quyền bằng sự phân vân, do dự hay sự thay đổi ý định một cách bất thường.

THƠ HOÀNG-KHANH

CHUYỆN LÒNG

Gửi H. C.

Ôi những chuyện ngày xưa Thơ Mộng quá
Ngược Thời Gian anh vẫn mãi đi tìm
Thuở chín mười âu yếm dắt tay Em
Làm chồng vợ kiếm lá vàng mua bán
Em duyên dáng như một cô chủ quán
Anh một chàng khách lạ ở phương xa
Ghé hàng Em uống nước với ăn quà
Em đon đả ra mời chào khách lạ
Rồi Anh trả tiền Em bằng xác lá
Xác lá rừng thu nên có rất nhiều
Đôi vợ chồng son sung sướng chi tiêu
Như những truyện thần tiên trong cổ tích
Nhưng cuộc đời cho chúng ta rất ít
Quãng ngày thơ lấy lá rụng làm tiền
Thuở mười lăm sầu đắng kín mắt Em
Chắc Em chẳng còn nằm mơ hàn sĩ
Tay gối đầu ma nghe lòng thủ thỉ
Suốt năm canh áo đẹp với lâu đài
Xe ngựa bon bon trên nẻo ngày mai
Anh cứ giận sao tiền không là lá
Anh cứ giận sao đời khờ dại quá
Sao không tiêu bằng những sác lá vàng
Để cho Đời thêm nhiều nghĩa cao sang
Để cho Em như những ngày thơ dại
Trong góc vườn bước khoan thai tay hái
Những lá xanh và những xác lá vàng

Giầu nhất là những buổi chớm thu sang
Rừng lá rụng như muôn ngàn cánh bướm
Mộng cứ sầu, mộng cứ sầu rất lớn
Tuổi mười lăm Em ước vọng cao xa
Tưởng cuộc đời tươi đẹp như xe hoa
Nhiều tiền bạc cũng như là xác lá
Em từ biệt Anh sang sông vội vã
Không khoan thai như cô gái bán hàng
Bỏ mình Anh đi đón gió thu sang
Nhặt lá rụng hong thơ sầu trong Nắng
Hồn lênh đênh trong nhiều đêm thức trắng
Vẫn giận hờn sao cứ bước bơ vơ
Vẫn nuốt sầu đem lá chép thành thơ
Mộng đem bán cho một linh hồn nhỏ
Chuyện tâm tình mong trở thành muôn thuở
Mà cuộc đời chắc là lắm đa đoan
Anh xin trao thơ lấy xác lá vàng
Về lại chép những vần thơ khờ dại
Bằng linh hồn kẻ yêu thương mãi mãi
Mong cuộc đời đổi nghĩa chữ cao sang
Và xin đời chìu mến xác lá vàng
Để cho Anh không còn sầu vạn kỷ
Mà tìm Em dù tình xa vạn lý
Gọi Em về trong một sớm thu sang
Gọi Em về trong chiều gió thu vàng



Trâu lại bước nhanh
Ngày mai lúa chín thơm lành
Trâu mình sẽ đứng nhứt ngành nông gia

Hôm nay lệ nhỏ chan hòa
Tôi ăn bát gạo lức mà nhớ trâu.

HY-VĂN

CON TRÂU ĐI CÀY

Mồ hôi thánh thót ruộng cày
Con trâu, người cấy một ngày thương nhau
Con trâu đi trước
Người bước theo sau
Xa xanh núi nhạt một màu
Ao liền, ruộng cả, vườn rau, nương chè

Anh lắng tai nghe
Tiếng rì tắc họ
Đôi trâu ở đó
Hăm hở bước đều
Đất mới có nhớ thương yêu
Riêng ta ta nhớ mình nhiều lắm nghe.
Xa xanh tóc rũ làng quê
Bến tê chắc cũng đề huề như đây ?

Đám người hăm hở cuốc
Trâu bước nhịp nhàng
Hòa mình dưới ánh nắng vàng
Ra công cày cấy cho làng ấm no

Con trâu lang ó
Con bò non tơ
Cùng nhau tâm sự nên thơ
Dưới luống cày dỡ bên bờ ruộng xanh
Rì rì tắc họ

HỒN VƯƠNG TÓC MỊN

Mây buồn trưa ấy bâng khuâng quá !
Gió vụt qua hồn, mưa bụi êm.
Tôi gặp bên hiên người thục nữ
Lơi lơi tóc xõa lượn tơ mềm.

*

Là sợi cong trầm buộc mến thương,
Là dây giăng mắc quyện tâm trường,
Ôi ! làn tóc gió bay phơ phất !
Tôi thấy hồn si đã vấn vương...

*

Đứng lặng giờ lâu ngắm bóng người,
Thẫn thờ lối đếm giọt mưa rơi.
Bỗng người ngoảnh lại nhìn lơ đãng,
Mái tóc rờn tơ phất ngậm ngùi !

*

Bước vào trong cửa, người đi khuất,
Ngọn tóc vờn theo vóc liễu non.
Tôi ngước trông lên, đầu lộng gió
Nghe tơ tóc mịn xõa qua hồn...

NGUỴ-TÂN-THƯỜNG
1949



TRUYỆN NGẮN

HOÀI

LƯU-KIẾM

« Gửi Đỗ-Tấn »

TRỜI những hôm mưa dầm dề hay những ngày nắng cháy da, tôi vẫn thấy bà cụ ngồi ôm mẹt bánh tráng, có lẫn dăm cái kẹo và một vài thứ hoa quả rẻ tiền, kiên nhẫn đợi những khách phần đông là trẻ con. Mưa và nắng làm đôi mắt bà mờ đi và mỗi ngày tôi thấy lưng bà như còng thêm xuống. Lũ trẻ con nhan nhản trong các ngõ ngách của Khánh-hội. Chúng chạy nhảy nô rỡn cạnh mẹt bánh kẹo của bà cụ, nhưng thỉnh thoảng mới có đứa sà vào hàng mua đồng bạc chuối hoặc năm cắc bánh tráng, vì lẽ cũng dễ hiểu, những thứ quà của bà trông không ngon mắt chút nào cả.

Có lần vì thương hại bà ngồi từ sáng đến chiều chưa bán được một đồng xu nhỏ, tôi mua dăm đồng bạc kẹo lấy cớ để phân phát cho lũ học trò, nhìn ánh mắt bà reo lên, đôi tay run run bọc vội vàng gói kẹo, tôi thấy lòng tôi như se lại. Thương cho một kiếp người lận đận và thương cho cả chính tôi.

Sự tình cờ khiến tôi dọn đến chỗ ở mới lại đúng ngay gian nhà bà cụ. Căn nhà không rộng lắm, tuy vậy nó phải chứa những ba gia đình. Tôi đến sau nên phải ở gian gần bếp. Mồ hóng, khói, và bụi, trát lên tấm vách khiến tôi không biết chọn chỗ nào để mắc áo. Cũng may đồ đạc của tôi không đến nỗi nhiều lắm, cho nên tôi có thể treo những bộ quần áo mầu cháo lòng của tôi ngay trên đầu giường. Bà cụ bán bánh tráng ở kế với tôi, gian ngoài cũng rộng rãi và sáng sủa hơn, phần của một bà già cũng trạc tuổi bà cụ bánh tráng, bà này là chủ thuê chính còn tôi và bà cụ bán bánh tráng chỉ là người thuê lại.

Nhưng sau tôi được biết thêm, bà cụ bánh tráng chỉ ở nhờ chứ không phải trả tiền. Bà sống một mình, đôi khi có người con gái làm ăn ở tỉnh nào ghé qua thăm một chút lại đi ngay. Người hàng xóm bảo đó là con gái bà cụ. Nom dáng dấp chị ta có vẻ một ả giang hồ hơn là người làm ăn chân chính, nhưng tôi cũng không có thì giờ để tìm hiểu thêm chị ta có phải là con gái bà cụ hay không, và sinh sống bằng nghề gì ?

Ngày nào cũng như ngày nào tôi mua của bà đồng bạc kẹo hoặc đồng bạc chuối đã thành cái lệ. Đầu tiên tôi chỉ dụng ý để giúp bà cụ chút ít. Nhưng nhấm mãi những chiếc kẹo bột thấm cả bụi đường lẫn nước mưa tôi thấy nó có một hương vị đặc biệt, vì dạ dầy của tôi là thứ dạ dầy thích hợp với những loại quà bình dân như thế. Nhớ ngày còn đi lính, hoặc đi sâu vào ký ức hơn nữa những ngày ở trại giam, một chiếc kẹo bột có giá trị bằng cả một bữa tiệc thịnh soạn.

Không hiểu quê quán bà ở đâu, chỉ biết hình như về mạn Hải-dương, vì bà ít nói, khuôn mặt lúc nào cũng rầu rĩ, với 70 tuổi đầu trên vai, sống trong cảnh nghèo túng mà lại không có con cái.

Tôi đã từng gặp nhiều bà già như thế, khắp nơi, trước chiến tranh và sau chiến tranh, thời thế đã tạo ra hàng ngàn vạn đứa trẻ côi cút, và những ông bà già sống không người nuôi dưỡng để chờ một ngày lãnh phần đất cuối cùng.

Riêng phần bà cụ, tôi đoán con bà chắc cũng đã chết trong một cảnh bom đạn. Dự đoán của tôi không xa sự thực. Vì buổi sáng kia, bà bỗng dưng lên cơn sốt. Hai ba ngày liền không đi bán hàng được. Bệnh trạng mỗi ngày một tăng. Cho đến nỗi bà phải nằm liệt giường. Cả hình hài bé nhỏ nằm co quắp trên chiếc giường tồi tàn, khiến tôi liên tưởng đến bức tranh nhan đề là « Bóng tối » tôi được xem khoảng thời gian lâu lắm. Giữa những cơn mê sảng, thỉnh thoảng bà lại nhắc đến tên « Hoài », hai tiếng « Hoài ơi » não nuột và gần như tuyệt vọng.

Thấy bà ốm nặng quá, bà chủ nhà ngoài nhờ người đi nhắn cô con gái ở tỉnh xa về để trông nom cho mẹ (thì đúng cô con gái là con bà cụ bánh tráng).

Chị ta có khuôn mặt tròn, đôi má bầu bĩnh và khi cười hơi lúm chút đồng tiền như hình ảnh một người con gái đã đi qua đời tôi.

Nhưng nhìn kỹ hơn nữa, cặp lông mày kẻ nhỏ, mi mắt thâm quầng với lượt phấn dánh vụng về tố cáo cả cuộc đời nhọc nhằn của chị. Dáng đi uể oải và đôi khi chị lại chửi tục khiến tôi càng vững chắc thêm về sự nhận định ban đầu.

Nhưng việc đó có quan hệ gì đến tôi. Có chăng là khi ở nhà, chị ta đã làm phiền tôi nhiều lần bằng cách lục tung cả những sách vở tôi để trên bàn mà không có sự thỏa thuận của chủ nhân. Khi tôi hỏi, chị nhận lỗi một cách rất tự nhiên, như chị chẳng phạm lỗi gì cả. Sự giản dị cũng như cách bắt quen của chị làm tôi khó chịu. Nhưng qua một vài hôm tôi không nhận thấy sự khó chịu đó nữa. Tôi đã có lần ngồi gần bên và nói chuyện lâu với chị ta. Chị thành thực nhận mình là gái giang hồ. Bây giờ khó khăn nên muốn giải nghệ, quay về với gia đình. Tôi hỏi gia đình chị còn những ai, chị chỉ bà mẹ đáp :

— Chỉ còn mỗi mình bà cụ.

— Thế họ hàng đâu ?

— Chết bom cả rồi. Ờ mà còn mấy ông cô bà cậu thì hồi năm nào bảo vào Nam-kỳ sinh cơ lập nghiệp nhưng nay cũng chẳng biết tung tích ra sao, mấy lại họ gần chứ họ xa thì nhờ vả thế quái nào được.

Tôi ân cần khuyên nhủ chị nên quay lại cuộc đời làm ăn để trông nom người mẹ già, tôi nhắc tới những lúc ốm đau như thế này mà không có chị ở bên thì bà cụ khổ lắm. Cuối cùng tôi nhấn mạnh thêm rằng nếu quyết định làm lại cuộc đời, chị vẫn có thể lấy được người chồng tử tế, hai vợ chồng chịu khó tần tảo thì cũng có thể trở nên khá giả.

Nói tới hai chữ khá giả, nét mặt chị bỗng rầu lại :

— Trước kia nhà em cũng giầu lắm đấy chứ anh tưởng. Chiến tranh tàn phá hết cả rồi. Những gì còn sót thì bọn du dãng ăn cướp nốt. Cùng lắm em mới phải đi làm cái nghề này, chứ thực ra em cũng có thể đi buôn bán được.

Tôi đã từng nghe bao nhiêu cô gái giang hồ khác khoe mình nhà giầu, tử tế, lương thiện, vì gia biến nên phải dấn thân vào chốn trăng hoa, những câu đó

đã thành như sáo ngữ nên tôi cũng không chú ý đến lắm nữa.

Mỗi ngày tôi hiểu được thêm đôi chút về gia cảnh bà cụ. Nghe chị con gái khoe thì hình như chị cũng có một người anh ở bên kia, hai tiếng « bên kia » không vang vọng, nhưng gợi cho tôi rất nhiều chua sót. Chị con gái nói thì thầm như sợ người khác nghe biết, điều đó là điều bí mật mà chị chỉ thổ lộ với riêng tôi thôi.

Chị hỏi :

— Anh đã từng bao giờ ở bên kia chưa ?

Tôi ngập ngừng :

— Có... à mà không !

— Thế từ ngày đánh nhau đến giờ anh làm gì ?

Tôi trả lời một cách rất tự nhiên :

— Tôi đi học, rồi đến khi không đi học nữa thì đi dậy học.

Yên chí có một người xa lạ với bên kia, chị nói huyên thuyên những điều chị biết về hậu phương.

Không muốn kéo dài câu chuyện, tôi ngắt lời, hỏi :

— Thế hiện nay anh cô ở đâu ?

— Anh tôi à ? Ờ, mà anh tôi...

Tiếng nói của chị thấp hẳn xuống :

— Chết rồi...!

— Chết hồi nào ?

— Vừa đúng ba năm. Anh tôi chết cùng với con giai bà cụ ở căn nhà ngoài kia.

— Chắc hai người cùng ở một đơn vị ?

Chị nghe tôi nói hai chữ đơn vị một cách thông thạo, chị nhìn tôi ngờ vực và khẽ đáp :

— Không !

— Sự tình cờ hai người cùng chết một ngày ?

Lan, tên chị ta, lặng lẽ hồi lâu mới nói :

— Chẳng tình cờ chút nào cả. Một người giữ đồn một người đánh đồn. Kẻ cố giữ và kẻ cố đánh tất nhiên phải có người chết.

— À !

Tôi chợt hiểu.

Anh con trai bà nhà trong thì ở bên kia, còn anh con trai bà nhà ngoài thì ở bên này. Tại sao hai người bắn nhau, lý lẽ đó không cần phải nói ai cũng biết.

Tiếng rên của bà mẹ khiến Lan bỏ dở cuộc nói chuyện với tôi.

Tôi hiểu được thêm Hoài là con trai bà cụ bán bánh tráng.

Tôi chưa từng gặp anh ta, nhưng hình ảnh của anh nhan nhản trên khắp nẻo đường đất nước. Hoài có thể là tôi, có thể là những người bạn tôi, có thể là anh lính chải chuốt trong bộ quân phục đương soi gương trước tủ kính của nhà hàng thợ may kia. Nhưng chỉ khác một điều, anh ta đã chết.

Tôi cúi đầu xuống lắng nghe tiếng ồn ã ngoài đường nhựa đưa lại. Những dãy phố sán lạn của đô thành và những tà áo mầu phấp phới đi trên các đường phố đó. Tự dưng tôi thấy lúc này tôi có thể làm những việc thật táo bạo để kiếm ra tiền, bệnh tình của mẹ Hoài không có tiền không thể nào chữa khỏi được.



Lũ học trò hình như cũng nhận thấy sự vắng mặt của bà cụ bán bánh tráng. Chúng đi ra đi vào thỉnh thoảng lại nhắc một câu :

— Bà già bán bánh tráng mấy bữa nay đau hay sao đó chúng mày ?

— Hồi hôm tao thấy con gái bả đi xin cám bắt gió.

— Bà đau vài bữa lại mạnh, việc chi chúng bây hỏi, một đứa lớn nhất nói với giọng thành thạo như vậy.

Tôi cho chúng về sớm hơn mọi hôm đi lang thang dọc bờ sông để tìm một phương pháp kiếm ra tiền.

Chỉ trừ phi là đi ăn cướp. Ý tưởng bất chính đó khiến tôi cười thầm cách chua chát. Điểm lại những bè bạn của tôi người nào cũng nghèo cả, anh làm phu khuân vác, anh đi làm bồi bếp, họ nuôi họ lại còn phải nuôi gia đình họ.

Tôi chợt nhớ tới một gã trước cũng ở ngoài kia, hiện nay hắn làm nghề chạy hàng sách. Hắn có tiền. Nhưng chỗ ở nay đây mai đó không biết nơi nào mà tìm.

Ánh nắng in vàng xuống mặt sông, bao nhiêu ý nghĩ khắc khoải cứ dồn dập trong đầu tôi. Tôi trở về nhà khi bóng tối đổ mau trên những mái tôn, và đàn muỗi bắt đầu rủ nhau ra mở hội cạnh những đống rác. Làm thế nào để có tiền, mà có ngay bây giờ.

Hôm nay mới mùng năm tháng chạp, học trò chưa đứa nào đóng tiền học cả. Chẳng lẽ đến nhà bố mẹ chúng hỏi vay trước. Nếu tôi làm như vậy chắc chắn sang năm tôi phải đóng cửa trường, vì những gia đình có con đi học không đời nào tha thứ được một ông giáo nghèo túng đến nỗi thế.

Nghĩ đi nghĩ lại tôi thấy giận mình vô kể, tôi lại giận lây cả đến Hoài. Cái chết của hắn thật là ích kỷ và hèn nhát. Ít ra nếu hắn còn sống, hắn cũng có thể đi làm để nuôi nổi cái thân hắn và nuôi nổi người mẹ già với đứa em gái, em hắn không phải đi làm đĩ, mẹ hắn không phải tha thủi ngồi nhặt

từng cắc bạc để kéo dài chuỗi ngày thừa trong ngõ hẻm đầy bóng tối này. Người mẹ nhỏ nhoi và câm nín kia, bà cũng không có quyền than khóc cái chết của con bà. Có người mẹ nào khổ tâm bằng, đứa con trai độc nhất chết, không có quyền than khóc và cũng không có quyền nhắc nhở đến.

Khi tôi đến cạnh giường bà cụ, bà đương mê man trong cơn sốt dữ dội nhất. Lan ngồi ở một góc nhà ôm mặt nức nở. Bà nhà ngoài lăng săng chạy đi chạy lại kiếm những thức cần dùng cho người bạn già xấu số. Phải chăng vì hai người con của họ bằng nhau để bây giờ họ gần gũi nhau hơn. Sự tình cờ nào đã đưa họ lại ở chung một nhà. Có thể không phải là một sự tình cờ, mà vì hai người là người đồng hương. Mai ngày giỗ đoạn tang hai anh con trai đó. Bà nhà ngoài vẫn hàng năm được lĩnh một số tiền tử tuất đủ cho bà sống không đến nỗi thiếu thốn lắm, tuy vậy bà cũng không thể giúp đỡ mẹ Hoài hơn được.

Thấy tôi về, bà buồn bã nói :

— Chẳng chắc bà cụ có qua được năm nay.

Tôi vẫn im lặng, bà ngừng một lát đoạn tiếp :

— Mai tôi định làm mâm cơm cúng cho anh ấy luôn thể với thằng cháu nhà tôi cậu giáo tính sao ?

Tôi ngập ngừng gật đầu, cổ tôi nghẹn lời không biết thốt lên câu gì. Tôi làm như chính Hoài là người ruột thịt của tôi vậy.

Đi đến cạnh Lan tôi khẽ bảo :

— Nín đi cô, bà cụ không làm sao đâu. Tôi đã mời một người thầy thuốc, sáng mai anh ta đến đây, chỉ một vài mũi tiêm là bà có thể bình phục được.

Lan quay mặt đi nơi khác, đôi mi mắt thâm quầng như hằn sâu thêm.

Một lát tôi thấy nàng đi vào trong nhà. Tôi ngồi xuống chỗ nàng vừa ngồi, mùi bồ hóng quyện với hơi đất ẩm ướt không làm cho tôi khó chịu như mọi ngày nữa.

Lan đi đã hai hôm. Bệnh của mẹ Hoài coi có phần thuyên giảm được chút ít. Nhưng sự vắng mặt của Lan khiến tôi thấy lo lắng. Chắc có sự gì không hay xảy đến cho cô ta. Nếu sáng hôm đó tôi biết Lan lại trở về với nghề cũ để kiếm tiền mua thuốc cho mẹ chắc không đời nào tôi để cho nàng làm thế.

Người con gái đáng thương, khi ý định hoàn lương vừa chớm lên trong đầu thì gặp ngay lúc mẹ ốm. Nghèo túng và bệnh tật như hai bóng ma theo rồi mẹ con nàng tới tận hang cùng ngõ hẻm. Sóng gió của cuộc đời chưa yên, một cơn bão khác đã đến cuốn người con gái vào vực thẳm của tội lỗi. Tôi càng cảm thấy tủi nhục khi nhận thấy mình bất lực trước một việc đáng làm. Tôi đã đi một vài nơi có những ổ mãi dâm lần lút để hỏi tin nàng. Nhưng mấy ả gái điếm đều lắc đầu : không biết Lan là cô nào ? Trong dám gái giang hồ có hàng trăm cô tên Lan. Tôi hỏi một cô Lan trống không chẳng khác nào đứng giữa ngã tư của thành phố mà hỏi thăm nhà một người công chức sống đã bao nhiêu đời trong thành phố đó. Khi tôi đã gần như tuyệt vọng định bỏ dở cuộc tìm

kiếm, thì Tư, anh bạn cùng xóm, vỗ vai tôi nói oang oang :

— Con bé ở chung nhà với cậu bị bắt rồi. Cô ta đương tiếp khách, bị ban kiểm tục ập vào bắt tại trận.

Cậu có thương tình thì lên nhà Lục Hình mà an ủi nàng mấy câu.

Nói đoạn hắn lại cười hô hố. Nghe hắn cười đến ghét. Nhưng chẳng lẽ lại gây sự với hắn về câu chuyện nhỏ nhen đó.

Tuy tôi đã đoán trước được công việc của nàng làm tất nhiên phải đi đến kết quả như thế. Nhưng không hiểu tại sao khi nghe Tư nói tôi chợt bàng hoàng cả người. Chân tôi bước như không vững. Tôi muốn tìm tới một chỗ có bóng tối để mà khóc, khóc cho vợi bớt những nỗi chua xót đang xâm chiếm lòng tôi. Khi cần một chỗ có bóng tối thì đô thành lại nhiều ánh sáng quá, tôi đứng chỗ nào cũng chỉ nhìn thấy ánh sáng. Tôi đành cúi đầu đi lặng lẽ, vừa đi vừa nhủ thầm: Hắn chết thật là ích kỷ và hèn nhát. Tôi có lý chăng. ! ?

LƯU-KIỂM

✶ Các bạn có bao giờ quan sát các ông tài xế lái xe tại các ngã tư không ? Trước một ông tài xế có ý chí cương quyết đi theo một hướng nhất định, các người khác đi sau có thể tuần tự tiến lên một cách yên ổn ; sự lưỡng lự, phân vân trong trường hợp này nguy hiểm hơn sự táo bạo thập phần. (Maurois)

✶ Phục tòng không bao giờ có nghĩa là sự khuất phục của một người trước một người mà có nghĩa là sự khuất phục của một cá nhân trước một chức vụ. Khi tôi đứng nghiêm trước vị đại tá của tôi, không phải là tôi đứng nghiêm trước một con người, mà trước một nguyên lý uy quyền do chính tự tôi xét thấy là hữu ích, đáng kính trọng và nếu không có nó, xã hội loài người không thể nào tồn tại được. (Maurois)

✶ Cái câu « có lẽ » của Montaigne thích hợp cho một nhà triết học, còn cái tiếng có hay không thích hợp hơn cho một thủ lãnh (Dautry).

✶ Thế nào là hành động ? Hành động là biết rút được vấn đề chính, giữa một mớ sự việc rối rắm như một mớ bòng bong, và giải quyết được ngay lúc đó. (Grasset)

✶ Biết cho rõ điều mình muốn và cương quyết làm ngay, đó là đức tính của người có bản lãnh cao.

Đón đọc: SINH-LỰC TUẦN BÁO

Nơi tập trung của các cây bút tên tuổi
Bộ mới phát hành thứ năm mỗi tuần

Các bạn sẽ lần lượt đọc các sáng tác phẩm của:

— Bình-Nguyên-Lộc
— Chế-Vũ
— Doãn-Quốc-Sỹ
— Duy-Thanh
— Đinh-Hùng
— Đỗ-Tấn
— Diên-Nghị
— Duy-Năng
— Giao-Thanh
— Giản-Chi
— Hoàng-Ngọc-Liên
— Huy-Sơn
— Hoài-Chiên
— Hoài-Khanh
— Hoài-Yến
— Hồ-Nam
— Cô Hợp-Phố
— Huy-Quang
— Kiêm-Đạt
— Kiêm-Minh
— Lưu-Kiếm
— Lý-Hoàng-Phong
— Lương-Minh-Đức
— Lan-Đình
— Mạc-Ly-Châu
— Mai-Thảo
— Minh-Hải
— Minh-Đăng-Khánh
— Nguyên-Sa
— Nguyễn-Văn-Trung
— Nguiễn-Ngu-Í
— Nguyễn-Kiên-Trung
— Nguyễn-Thiệu-Lâu
— Nguyễn-Tử-Quang
— Phạm-Đình-Khiêm
— Phạm-Đình-Tân
— Phạm-Văn-Sơn
— Phan-Lạc-Tiếp
— Phan-Lạc-Tuyên
— Thái-Thủy
— Toàn-Phong
— Trần-Đỗ
— Thanh-Nam
— Thái-Tuấn
— Thanh-Tâm-Tuyền
— Tạ-Ký
— Tạ-Quang-Khôi
— Thần-Đăng
— Trần-Đình-Bồng
— Thái-Hoàng-Thơ
— Tô-Mặc-Giang
— Thái-Văn-Kiểm
— Thiên-Giang
— Trần-Thanh-Hiệp
— Trần-Thái-Chân
— Cô Thoại-Nguyên
— Văn-Thế-Bảo
— Văn-Quang
— Bà Vân-Trang
— Vũ-Hạnh
— Vi-Bằng
— Võ-Phiến
— Vũ-Hoàng-Chương

Bìa của Tạ-Tỵ,
Ngọc-Dũng minh họa

★

— Với sự cộng tác thường xuyên của *Ban Văn - Thơ* TAO-ĐÀN Đài Phát-Thanh Sàigòn.

— Mỗi tuần các nhạc sĩ tên tuổi sẽ hiến độc giả một bản nhạc mới nhất.

TỪ ĐIỂN Y NGỮ

VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đăng từ B. K số 39)

A

acouphone : (acouophone) :
(T) : Trợ thính khí.
(N) : Bổ thính khí.
(V) : Máy chữa điếc.

acousia :
(V) : — Hành động không cố ý.
— Thính giác.

acousma :
(T) : Huyễn thính.
(V) : Nghe tưởng tượng.

acousmatagnosie :
(T) : — Biện âm bất năng.
— Tinh thần lung.
(N) : — Âm ký ức chướng hại.
— Tinh thần lung.
(V) : — Nghe không rõ.
— Điếc tinh thần.

acousmatamnesia :
(N) : Âm tượng ký ức khiếm tổn.
(V) : — Điếc vì mất trí nhớ,— Mất ký ức về âm tượng.

acoustique :
(T) : Thanh học.
(N) : Âm hưởng học.
(V) : Thanh học.

acquired : (acquis, non congénital) :
(T,N) : Hậu thiên đích.
(V) : Hậu thiên. (có sau khi sinh ra).

acra :
(N) : Tứ chi mạt sao bộ. (*chi* : chân tay ; *mạt sao* : đầu, ngọn.)
(V) : Thuộc về đầu ngón (của chân tay).

acragnosis (acro-agnosis) :
(T) : Chi cảm khuyết thất.
(N) : Tứ chi cảm giác tính nhận thức khiếm như.
(V) : Chứng mất cảm giác về chân tay.

acral : xem chữ : acra.

acranie :
(T) : Vô lô. (*lô* : cái sọ.)
(N) : Vô đầu cái.
(V) : Tật thiếu sọ.

acranius :
(T) : Vô lô kỳ thai.
(N) : Vô đầu cái kỳ hình nhi.
(V) : Quái thai không đầu, không sọ.

acrasia :
(T) : Vô tự chế lực. — Phóng túng.
(N) : Bất tiết chế. — Phóng túng.
(V) : Không biết tự kiềm chế. — Phóng túng.

acratia :
(T) : Vô lực.
(N) : Vô lực ; — Phóng túng.
(V) : Yếu đuối, — thiếu sức.

acraturesis :
(T) : Bài niệu vô lực. (*niệu* : đái, — đi giải).
(N) : Bài niệu bất năng chứng.
(V) : Chứng bí đái vì bàng quang bị hư nhược, bị thoát lực.

acremoniosis :
(V) : Một chứng bệnh do loại nấm Acremonion gây ra.

acribometer :
(T) : Tinh vi trắc lượng khí.
(N) : Phiên âm.
(V) : Máy đo vật thật nhỏ.

acrid : (acre) :
(T), (N) : Tân.
(V) : Chát.

acrinie salivaire (aptyalisme, asialia) :
(T) : Thóa dịch khuyết phạp.
(N) : Thóa dịch phân bí khiếm như.
(V) : Chứng thiếu nước bọt, kiệt nước miếng.
(*Thóa dịch* : nước dãi, nước miếng.)

acro-arthritis :
(T) : Chi quan tiết viêm. (*quan tiết* : khớp xương.)
(N) : Tứ chi quan tiết viêm.
(V) : Bệnh viêm khớp của chân tay.

acro-asphyxie :
(T) : Chi đoan khuyết dưỡng.
(N) : Chi đoan giả tử chứng.— Tử chi. (*Tử* : chết).
(V) : Bệnh ngạt đầu ngón.

acroataxia :
(T) : Thủ túc vận động thất điều.
(N) : Tứ chi vận động thất điều chứng.
(V) : Chứng chân tay cử động không đều, không chỉnh.

acroblast : (couche externe du mésoblaste).
(T) : Nguyên đỉnh thể.
(N) : Huyết quản hình thành thể mạc. (thai nhi trung phôi diệp ngoại tầng.)
(V) : Lớp ngoài của lá trung phôi. (*trung* : ở giữa, — *phôi* : thai được một tháng, nghĩa rộng chỉ cái thai : *foetus* hay *embryon* ; xin xem 2 chữ này ; — *Trung phôi* : Mésoblaste.)

acrobystia :
(V) : — Da quy đầu. (prépuce.)
— Sự cắt da quy đầu. (circoncision).

acrobystiolith : (calcul du prépuce) :
(T,N) : Bao bì kết thạch.
(V) : Đá trong quy đầu.

acrobystitis (inflammation du prépuce) :
(T,N) : Bao bì viêm.
(V) : Chứng viêm da quy đầu.

acrocéphalie : (hypsocéphalie, oxycéphalie, pyrgocéphalie, crâne en tour) :
(T) : Tiêm đầu. (*tiêm* : nhọn.)
(N) : Tiêm đầu kỳ hình, — Tháp hình đầu cái.
(V) : Tật đầu nhọn, — đầu hình nón, hình cái tháp.

acrocéphalosyndactilie : (Maladie d'Apert) :
(T) : Tiêm đầu tính chỉ. (*tính* : liền với nhau, — *chỉ* : ngón tay.)
(N) : Tháp hình đầu cái, chỉ chỉ dũ hợp kỳ hình.
(V) : Tật đầu nhọn và ngón chân ngón tay dính liền, — Tật đầu nhọn ngón dính.

acrochordon (verrue pédiculée) :
(N) : Hữu hành nhuyễn chủng. (*hành* : thân cây, — *nhuyễn* : mềm.)
(V) : Mụt cóc, có chân.

acrocinésie (Mobilité excessive) :
(T) : Vận động quá độ.
(N) : Vận động quá đa.
(V) : Đa động, — vận động thái quá.

acrocontracture :
(T) : Tứ chi luyến súc. (*luyến súc*: rút.)
(N) : Tứ chi đoản sút. (*đoản*: ngắn.)
(V) : Chứng chân tay co quắp.

acrocyanose :
(T) : Thủ túc phát cám. (*cám* : mầu tím.)
(N) : Chi đoan tử lam chứng. (*tử* : mầu tím, — *lam* : mầu xanh.)
(V) : Chứng tím ngón. (chân tay.)

acrodermite :
(T) Chi bì viêm.
(N) : Chi đoan bì phu viêm. (*phu*: da.)
(V) : Bệnh sưng da đầu ngón.

acrodermatite chronique atrophiante :
xem chữ : Erythromélie.

acrodolichomelia :
(T) : Thủ túc quá trường.
(V) : Chứng chân tay quá dài.

acrodynie :
(T) : Chi thống chứng.
(N) : Chi đoan đồng thống chứng. (*đồng thống* : đau.)
(V) : Bệnh đau ngón. (chân tay.)

acrodystonie :
(N) : Chi đoan thoát lực chứng.
(V) : Chứng mất sức đầu ngón.

acroedema :
(T) : Chi chủng chứng.
(V) : Chứng phù chân tay.

acroérythrose :
(N) : Chi đoan hồng sắc chứng.
(V) : Chứng ngón hồng.

acroesthésie :
(T) : — Cảm giác quá mẫn.
— Chi thống.
(N) : — Tri giác kháng tiến.
— Chi đoan đồng thống.
(V) : — Cảm giác thái quá.
— Chứng đau chân tay.

acrognosis :
(N) : Tứ chi cục sở nhận tri.
(V) : Sự tri giác đầu ngón.

acrohyperhidrosis :
(T) : Thủ túc đa hãn. (*hãn :* mồ hôi).
(N) : Thủ chưởng, túc đề quá lợi phát hãn.
(V) : Chứng chân tay nhiều mồ hôi.

acrohypothermia :
(T) : Thủ túc ôn độ quá đê. (*đê:* thấp.)
(N) : Tứ chi bệnh đích hàn lãnh.
(V) : Chứng lạnh chân tay.

acro-kormique (rapport...) :
(V) : Tỷ lệ giữa trị-số thể-tích của đầu và bốn chân tay với trị-số thể tích của thân mình.

acromacrie (dolichosténomélie,— spider-finger, — arachnodactylie) :
(T) : Tế trường chỉ ; — Tri thù cước dạng chỉ. (*tế* : nhỏ ; *tri thù* : con nhện ; *cước* : chân).
(N) : Tri thù dạng chỉ
(V) : Chứng chân tay nhện.

acromanie :
(N) : Bất trị tinh thần bệnh.
(V) : Thói ham cử động quá nhiều.

acromastitis : (mammillitis) :
(T,N) : Nhũ đầu viêm.
(V) : Chứng sưng đầu vú, nụ vú.

acromégalie (mégalacrie, — Maladie de Pierre Marie) (*akron* : đầu ngọn ; *megalos* : to) :
(T) : Chi đoan cự đại chứng. (*cự* : to.)
(N) : Chi đoan phì đại chứng ; (*phì* : béo).
(V) : Chứng to đầu và chân tay.

acromégalo-gigantisme : Một biến chứng của bệnh to đầu và chân tay, vào thời kỳ dậy thì của bệnh nhân ; không những đầu và chân tay to ra, mà toàn thân cũng cao lớn hơn.

acromélalgie : (érythromélalgie) :
(T) : Hồng ban tính chi thống bệnh.
(N) : Chi đoan hồng thống chứng.
(V) : Chứng đau buốt đầu ngón. (có cảm giác như bị bỏng, hoặc như kiến bò).

acrométagénèse :
(T) : Tứ chi phát dục quá độ.
(N) : Tứ chi quá độ phát dục.
(V) : Tật đầu ngón quá dài. (vì một dị trạng của tuyến I-pô-phi (hypophyse).

acromicrie :
(T) : Chi đoan quá tiểu chứng.
(N) : Chi đoan đoản súc chứng.
(V) : Chứng ngắn chân tay. (trái lại của chứng : Acromégalie.)

acromion : (*akron* : đỉnh, chóp ; — *ômos* : vai) :
(T) : (N) : Kiên phong. (*kiên* : vai ; *phong* : chóp núi, đỉnh núi.)
(V) : Xương A-cơ-rô-mi-ông ; mấu chóp vai.

acromphalus :
(N) : Xuất tề. (*tề* : cái rốn.)
(V) : — Trung tâm của rốn.
— Giai đoạn đầu của bệnh lòi rốn. (hernie ombilicale).
— Đầu dây rốn (cordon ombilical) dính vào rốn của trẻ con mới đẻ.

acromyotonia : (T) : Chi cơ cương trực.
(N) : Tứ chi cân cương trực chứng. (*cân* : bắp thịt ; *cương trực* : thẳng, cứng).
(V) : Chứng chân tay khó rãn.

(Còn nữa)



Dịch Liêu - Trai.

XẢO KẾ

KIỀU-YIÊU dịch

Il y a mieux que la réalité, c'est l'idéalité qui n'est, au bout du compte, que la réalité supérieure, la moelle des faits plus que les faits eux-mêmes ; le mouvement de la vie plus que les lignes de la vie. Jules BARBEY D'AUREVILLY (1808 — 1889).

Có một cái gì thú vị hơn thật tại, đó là cảnh giới lý tưởng. Tựu trung nó vẫn là thật tại, mà là thứ thật tại siêu việt ; nó thật hơn cả các sự thật thô kệch vì nó chính là tinh hoa của các sự thật ; nó thật hơn cả các ngoại mạo nông cạn của cuộc đời vì nó chính là cái hoạt động sâu sắc của cuộc đời.

L'art et la poésie sont la négation de la vie. L'art ne doit pas imiter la vie. Aucun art n'a jamais fait cela. L'art a pour but de réaliser ce dont la vie ne donne que des ébauches fragmentaires. L'art et la poésie sont la vraie vie expressive et douée de sens, tandis que ce qu'on appelle la vie quotidienne n'en est que le rudiment et souvent la caricature.

Paul CLAUDEL (1868-1955)

Nghệ thuật và thi thú, cả hai đều phủ nhận cuộc đời. Nghệ thuật không nên bắt chước cuộc đời. Chưa từng có thứ nghệ thuật nào lại làm như thế. Những gì mà cuộc đời cố biểu đạt, nhưng chỉ có thể vẽ nên những lược đồ thô sơ vụn vặt, thì mục đích của nghệ thuật phải là thật hiện những cái ấy cho kỳ được. Nghệ thuật và thi thú mới là cuộc sống chân chính, bày tỏ được một cái gì và hàm chứa một ý nghĩa gì, chớ cái mà thiên hạ gọi là cuộc sống thường ngày, cái đó chỉ là phôi thai của cuộc sống chân chính và lắm khi chỉ là một bức họa vụng về, mỉa mai cuộc sống chân chính mà thôi.

KIỀU-YIÊU dịch

CHÀNG Lý, người huyện Gia-tường, tỉnh Sơn-đông, có tánh thích các thứ đàn. Tình cờ đi chơi vùng ngoại ô, mé đông, trông thấy thợ đào đất bắt gặp một cây đàn cầm xưa, liền nài mua bằng một giá rẻ. Lau đàn sạch sẽ, thấy ngời một ánh sáng lạ lùng. Nhấn dây gảy thử, nghe thánh thót phi thường. Mừng quá như được vòng ngọc bích, may túi gấm bọc nó lại, cất trong phòng kín. Dẫu là kẻ chí thích, cũng chẳng hề đem ra khoe.

Có viên phó ấp tề họ Trình mới bổ nhậm, đưa danh thiếp đến bái yết Lý. Lý vốn ít giao du, nhưng vì quan kia tìm đến nhà trước, nên phải đi thăm trả lễ. Qua mấy hôm, lại mời uống rượu, khẩn khoản quá, lại đành phải đi. Trình là người phong nhã khác đời, nghị luận phóng khoáng, Lý rất hâm mộ. Hôm sau Lý viết thư mời lại, cùng nhau vui cười trong bữa tiệc, có phần hợp ý thêm nhiều. Rồi từ ấy, chập tối trăng lên, bình minh hoa nở, không lúc nào là chẳng có nhau.

Sau đó hơn năm, một hôm tình cờ vào phòng giấy chỗ Trình làm việc, thấy một cái túi đàn có thêu hoa, đặt nằm trên ghế. Lý bèn mở ra xem thử. Trình nói : « Cũng am hiểu thứ ấy sao ? » Lí thưa : « Tuy không phải là sở trường, nhưng sanh bình riêng lấy làm thích. » Trình ngạc nhiên bảo : « Nghĩa tri giao đâu phải mới một ngày, sao chưa từng được nghe tuyệt kỹ của bác ? »

Bèn nhóm lò đốt trầm hương, mời Lý cho nghe một điệu đàn ngắn ngắn. Lý nề lời ôm đàn ngồi gảy. Trình reo lên : « Quả là nghệ thuật cao siêu ! Nhưng cũng đánh bạo hiến chút nghề mọn, xin dừng cười là dám múa rìu. » Liền tấu bản « Lướt gió tít mù khơi », âm điệu phiêu diêu, như lộ ý muốn lìa chốn bụi hồng. Lý càng khâm phục, tự nguyện coi Trình như thầy.

Từ đó hai người mượn tiếng đàn mà khăng khít sự giao du, tình thân thiết mỗi ngày một đậm. Hơn năm sau, truyền hết cả ngón đàn hay. Nhưng lần nào Trình đến chơi nhà Lý, Lý cũng chỉ lấy đàn cầm thông thường trao cho, chớ tuyệt nhiên chưa tiết lậu của giấu kỹ bao giờ.

Một tối, ngà ngà say, phó ấp tề nói : « Tôi vừa tập gảy được một bản mới, lẽ nào bác chẳng sẵn lòng nghe sao ? » Liền tấu bài « Hai nàng phi ở mé sông Tương », điệu u uất như tiếng ai thổn thức. Lý hết lời khen ngợi.

Trình nói : « Tiếc một điều là không có cây đàn nào cho thật tốt. Phải chi có được, thì âm điệu sẽ hay hơn nhiều. » Lý hớn hở buột miệng nói : « Tôi bấy lâu giữ cất một cây đàn cầm, khác hẳn các thứ đàn xoàng thường thấy. Nay gặp Chung-Kỳ, ai đành giấu mãi sao ? »

Bèn đi mở tráp mang túi đàn ra. Trình lấy tay áo dài phảy bụi, tựa mình vào ghế gảy lại một lần nữa nhặt khoan đều đúng nhịp, thật đã lên đến mức tuyệt diệu. Lý lắng tai nghe, bất giác gõ nhịp quên thôi.

Trình nói : « Nghề mọn vụng về nông cạn, quả là phụ cây đàn thượng hạng nầy. Chớ phải chi được nhà tôi gảy, chắc sẽ nảy ra được một vài tiếng không đến nỗi chối tai. » Lý ngạc

nhiên nói ; « Bác gái cũng sành đàn nữa sao ? » Trình cười đáp : « Bản tôi vừa mới gảy, chính là do nhà tôi truyền dạy cho đó. » Lý nói : « Tiếc rằng cửa các buồng khuê, tôi không được cái may nghe thấu. » Trình nói : « Chúng ta kết giao đã lâu ngày, chớ nên quá câu nệ những lề lối hình thức. Sáng mai, xin hãy mang đàn lại đằng tôi. Tôi sẽ bảo ở sau rèm mà gảy cho bác nghe. » Lý vui mừng khôn xiết.

Hôm sau Lý ôm đàn đi. Trình vội vàng lo bày tiệc rượu. Một lát đem đàn vào trong, rồi lập tức trở ra ngồi. Thoắt chốc thấy sau rèm thấp thoáng bóng giai nhân. Chỉ trong giây phút, làn hương thoảng đưa ra tận ngoài cửa. Chẳng bao lâu, dây đàn tỉ tê, nghiêng tai nghe, không thể biết là bài bản nào, chỉ cảm thấy tim run hồi hộp, tưởng chừng như hồn phách chơi vơi.

Xong bản đàn, liền tiến lại rèm liếc nhìn, thấy người đẹp tuyệt thế, tuổi chừng hai mươi ngoài. Trình lấy chén lớn rót rượu mời, thì bên trong lại lên dây, tấu bài « Cái thú thanh nhàn ». Lý mê mẩn cả thần hồn lẫn thể xác, tợp này tợp khác uống say mèm.

Tiệc tan đứng dậy cáo từ. Hỏi lấy đàn, thì Trình nói : « Lúc quá say, nên phòng có thể trượt ngã. Mai xin mời lại đây một lần nữa, tôi sẽ khiến nhà tôi đem hết sở trường hiến cho bác nghe. » Bấy giờ Lý mới chịu về.

Hôm sau lại đến, thì nhà cửa vắng tanh, chỉ có một bác lính lệ già đáp tiếng gọi cửa. Hỏi thì y đáp : « Hồi canh năm dắt gia quyến đi cả, không biết đi đâu. Chỉ bảo là vừa đi vừa về nội ba bữa. »

Đúng kỳ hẹn lại đến chờ xem. Trời đã nhá nhem tối, mà vẫn tịt mù tăm tích. Thừa phát lại và lính lệ đều đâm nghi, cho lời quan hứa sẽ về chỉ là hứa hão, bèn phá cửa nhìn trộm vào tư thất. Tư thất hoàn toàn trống không, chỉ còn sót lại ghế giường mà thôi. Đem chuyện ấy thưa với quan trên, không còn ai đoán hiểu được đâu là đâu nữa.

Lý mất đàn cầm, bỏ cả ăn cả ngủ, chẳng ngại đường xa mấy nghìn dặm, lội đi tìm đến tận nhà Trình. Trình dòng họ vốn ở đất Sở, tức là vùng Hồ-nam, Hồ-bắc. Ba năm trước, nhân y có quyên trợ các cơ quan giáo dục trong huyện Gia-tường, nên biết rõ tính danh của y. Nay tìm hỏi quê quán, thì cả vùng đất Sở lại tuyệt nhiên chẳng có người nào tên họ như thế.

Có kẻ bảo là có một đạo sĩ họ Trình, sành nghề gảy đàn cầm, lại đồn y giỏi thuật điểm kim nữa ; ba năm trước bỗng dưng bỏ xứ mà đi không từng gặp lại.

Lý nghi chắc hẳn là người ấy, bèn dò hỏi tuổi tác dung mạo, nhất nhất đều phù hợp không sai. Bấy giờ mới vỡ lẽ sở dĩ đạo sĩ ra tiền mua tước quan, chính là vì chiếc đàn cầm. Tri giao hơn một năm trời, tịnh không bao giờ bàn đến âm luật. Dần dà rồi mới đề hở cây đàn trong phòng giấy, dần dà rồi mới trổ tài, rồi cũng dần dà mà dùng đến nhan sắc kiều lệ để cám dỗ ai. Ngày một ngày hai thân mật được ba năm, lừa lấy được đàn cầm, rồi rút êm, lòng si mê của đạo sĩ quả thâm thiết hơn của chàng Lý nhiều.

Sự lường gạt trong thiên hạ bày ra trăm mưu nghìn chước. Riêng phần đạo sĩ, thì thật là tay phong nhã trong hạng người lường gạt.

BỒ-TÙNG-LINH

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XII

Tình bạn giữa Mộc-Lan và Man-Ni ngày càng khắng khít, cũng như sự giao thiệp giữa Mộc-Lan với gia quyến họ Tăng.

Vì thế mà một hôm, Mộc-Lan trổ tài nấu « Lạp bát chúc » tại nhà họ Tăng.

Hôm đó là hôm hai mươi tháng chạp, quan Thái-y có thết tiệc và mời Tăng-gia với các vị Thái-thái và tiểu thư của Diêu-gia đến dự. Ngày đó nhằm vào ngày « phong ấn » nghĩa là hôm đó, các tòa, sở, đều bỏ ấn vào rương khóa lại, các việc quan đều đình chỉ, để sang năm mới, sẽ lý tới. Trên bàn tiệc, Quế-Cô không ngớt lời tán dương việc thêu thùa khéo léo của Mộc-Lan và Mạc-Sầu.

Quế-Cô khen cái công trình của đường thêu, mũi đột, rất là tinh trí, mà mầu sắc lại có tiết tấu, nên các nét chỉ cứ nổi bật hẳn lên trên nền vóc, đoạn ; thiệt tình, những mẫu thêu đó Quế-Cô chưa từng được thấy bao giờ. Thường thường các bà, các cô, chỉ cứ lấy đi, lập lại mãi mãi, những cái kiểu đã cũ rích từ tám mươi đời triều. Đằng này, Mộc-Lan biết cải cách ; cô tìm tòi, mô phỏng theo những bức họa rồi tỉ mỉ phác họa lên nền vóc, đoạn, mà thêu. Đây là những cái mũi giày mà hai chị em cô thêu, để biếu thân mẫu các cô về dịp tết năm mới. Mạc-Sầu không thêu họa, lá, cô thêu một đôi vịt, trông những con vịt cứ hệt như thật. Ai cũng tấm tắc kêu khéo và trầm trồ khen ngợi.

Quế-Cô nói với Tăng-phu-nhân rằng : « Thưa thái-thái, nói và kể, không đủ.... ạ.... phải tự mắt trông thấy kia, mới rõ ; vậy chốc nữa, lúc ra về ; xin thái-thái ghé Diêu-phủ, rồi thái-thái xem. »

Mạc-Sầu vội nói : « Không có gì đâu ạ thưa Quế-Cô cứ tăng rước lên như vậy, chứ có đâu đến thế.... Có thế này, thì phải hơn ạ, đã lâu, bà mẫu không qua bên nhà chúng cháu, vậy nhân thể xin rước bà

mẫu, tiện đường ghé chơi, thì đúng hơn ạ. »

Quả tình, nếu không có Quế-Cô khẩn khoản nói, thì Tăng-phu-nhân cũng muốn xem những đôi mũi giày thêu của hai chị em Mộc-Lan, vì xưa nay, bà vẫn có thiện cảm và vẫn tiễn mộ hai cô Diêu tiểu-thư ; bà đã nhất định ghé qua Diêu-phủ. Quế-Cô đã không tôn rước, những đôi mũi giày thêu đẹp thực. Bà nói :

« Những đôi giày đẹp như thế này mà đem xỏ chân vào đi, thực phí quá.... Những đôi giày này, phải đem tiến dâng vào hoàng cung mới phải !... » Bà lại quay lại và nói với Diêu phu-nhân : « Không biết thái-thái có cái phúc khí dường bao, mà sinh hạ được những cô con gái linh xảo đến như vậy ? !... Nhân câu chuyện, tôi lại sực nhớ tới cái liễn lạp bát chúc mà thái-thái đã cho mang sang.... nó ngon cho đến nỗi tổ mẫu chúng tôi đã ăn luôn ngay hai tô đầy. Những nhân lạc nhân đậu, cứ dừ tan ra ở trong miệng, các cụ chẳng không còn răng, nên các cụ rất thích ăn những thức bở, mềm, nhừ, mà lại.... »

Mộc-Lan ta, nghe thấy thế, rất đỗi cao hứng. Cô nói : « Dạ, thưa ký-mẫu, nếu tổ-mẫu ưa dùng, để rồi hôm nào, con xin thân sang bên Tăng-phủ nấu, để Tổ-mẫu và cả nhà xơi... »

Tăng-thái-thái tự nghĩ ở trong bụng rằng : « Một người đàn ông mà lấy được người vợ giỏi nấu ăn, cũng là một thứ hạnh phúc. » Phải, người âu tây chẳng cũng đã nói, bếp núc, nấu nướng, là một thứ y khoa để bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật, là gì.

Khi cả Tăng-gia ra về, Mộc-Lan cũng theo đi. Cô thấy Man-Ni đương chơi đùa với một đứa nhỏ, đó là thằng A-Thiện, con nuôi của nàng. Chiều hôm đó, trời quang, mây tạnh. Mấy chậu cúc đã hồ tàn, và vẫn còn tiết ra từng trận thanh hương mà làm cho gian phòng đỡ lạnh lẽo. A-Thiện đương nằm ở trên chiếc giường trong buồng của thân mẫu Man-Ni. Ở đó, cũng ném mỗi chỗ một cái, mấy chiếc mũi giày đương thêu dở dang.

« Em xem nào, chị đã thêu xong chưa đây ? » Mộc-Lan hỏi Man-Ni như vậy.

Man-Ni đáp : « Mới xong có sáu đôi thôi, em ạ.... Còn hai đôi nữa mới đủ số.... Vừa phần, năm hết, tết đến, vừa phần thằng nhỏ nó quấy dữ quá, ban ngày không thế nào làm gì được !... Chị phải đợi đến đêm, tối, mới làm được đôi chút.... »

Mộc-Lan chợt trông thấy ở vách có treo một tờ biểu trương, trên có ghi ngày, từ đông chí tới ngày tận đông, bằng chín hàng vòng khuyên, mỗi hàng gồm có chín cái, đây là một cách dùng để đếm ngày, từ đông chí tới lập xuân ; hiện, chín mươi mốt khuyên đã vòng đầy đủ, thế, nghĩa là mùa đông, tháng giá, đã hồ tàn, và mùa xuân sắp tới... Mộc-Lan mới vẽ lên cái khoảng còn dư mười ngày và vừa vặn tới tết, cái hình phác họa của hai chiếc

giày, rồi cô lấy ngón tay, chỉ vào đó, mà bảo với Man-Ni rằng :

« Xem như vậy, chị chỉ còn có mười ngày trời nữa để hoàn thành, thì chị làm làm sao, cho kịp, kia chứ ? »

« Nếu không có thằng nhỏ, thì làm gì mà chẳng xong. » Man-Ni đáp.

Mộc-Lan ghé gần vào tai Man-Ni và sẽ nói : « Thôi, thế này nhá, chị để em đem một đôi về, em làm giùm chị. »

Xưa nay, Man-Ni vẫn rất tự phụ về cái kỹ xảo thêu thùa của mình ; không khi nào nàng lại chịu để ai làm thay cho mình, nhưng, nàng vẫn hằng nghe nói mà chưa hề được mục kích, cái tài nghệ của hai chị em Mộc-Lan ; nên nàng đã muốn ưng thuận ngay, nhưng nàng còn gặng hỏi : « Nhưng mà này, Man-Ni chỉ e các đường thêu, mũi chỉ, nó khác nhau, người tinh mắt có thể nhận ra, thì làm thế nào ? »

Quả thiệt, về việc thêu thùa, những mũi chỉ, đường kim, rất đỗi là tỉ mỉ, nó phải đều đặn, chặt chẽ, gọn gàng, sáng sủa ; có những mũi thêu ở những cái vành cánh hoa chẳng hạn, nó nhỏ li ti, chỉ bằng một phần mười li, nhỏ hơn cả sợi tóc, nhỏ như cái chân con kiến, đó là một công trình tinh mật nó đã làm hao tổn bao nhiêu nhẫn lực của các phụ nữ chăm chỉ, và khéo tay.

Mộc-Lan cầm lấy và nhắc lên xem kỹ một cái mũi giày đã thêu xong, cô nói :

« Thưa chị, em chắc chắn có thể thêu đúng được những mũi chỉ của chị, chị chớ ngại. » Cô nói xong, có vẻ đắc ý, cười lên khanh khách và nói tiếp : « Em không dám tự đắc rằng sẽ thêu đẹp được hơn chị, nhưng, em cam đoan sẽ không làm cho chị phải xấu hổ về những đường kim, mũi chỉ của em. »

Phượng-Nhi đến nói : « Thưa, thái-thái, cho con, thưa với tiểu thư Mộc-Lan rằng : thái-thái nói đùa vậy thế thôi, chứ thái-thái không muốn để tiểu thư nấu lạp bát chúc ; nhưng, vì tổ mẫu thích ăn chè lạc, vậy để tiểu thư nấu chè lạc để tổ mẫu xơi. »

Man-Ni nói : « Tiếc quá nhỉ, tất cả chúng tôi, ai cũng thích ăn lạp bát chúc, thế nấu thế nào hả Mộc-Lan ? »

« Có gì đâu.... » Mộc-Lan đáp, và nói tiếp : « Em chỉ xem ở trong sách thuốc, họ dạy, cho thêm vào nồi chè một tí chất hóa học, nó có cái công dụng làm cho các hạt, các nhân, nhừ nhuyễn ra, chứ có phép ngoại lạ lùng gì đâu... Giá thái-thái tán thành, thì em xin làm ngay để chị xem. »

Phượng-nhi lên thưa lại với thái-thái rồi chị lại trở lại và nói thái-thái cho chị xuống để giúp Mộc-Lan nấu chè lạc.

Mộc-Lan hỏi : « Quái, Tuyết-Hoa đâu ấy nhỉ, chị nhỉ ? »

Man-Ni đáp : « Ấy Tuyết-Hoa nó mới bị cảm hàn, nó không được thư phục, và nằm đâu ở nhà dưới. »

Phượng-Nhi nói : « Cái hỏa lò ở đây nhỏ quá... để con xuống bếp, con lấy một cái khác, lớn hơn... »

Phượng-Nhi nói xong, tất tưởi đi xuống bếp. Tuyết-Hoa lồm cồm chực bò dạy nhưng bà thân-mẫu Man-Ni không nghe, bắt chị cứ nằm nghỉ.

Tuyết-Hoa nói: « Chết chửa, thưa các việc này là phận sự của con, con đâu dám để phiền tới chị Phượng-Nhi.

Man-Ni nói: « Không đâu, đấy là thái-thái sai chị ấy xuống đấy chứ, Tuyết-Hoa cứ yên tâm mà nằm nghỉ cho nó chóng khỏi đi. »

Nguyên do, Phượng-Nhi là một chị a-hoàn có tính kiêu căng; chị chỉ nguyện ý phục thị người mà phận sự của chị bắt buộc chị phải phục thị chứ chị, không bao giờ chịu làm việc để lấy lòng ai hết. Tính chị « vuông »; trái với Tuyết-Hoa, tính Tuyết-Hoa « tròn ». Cũng vì vậy, Phượng-Nhi đối với thân mẫu Man-Ni và Man-Ni kém hẳn phần khiêm cung, và cũng có nhiều khi thành ra khiếm lễ.

Tuyết-Hoa cố trở dậy. Khi Phượng-Nhi đi khỏi, chị nói: « Con chỉ cảm sơ sơ có một tí, con đã nằm suốt cả ngày, ngày hôm qua, nếu con đã thấy khá hơn rồi... thưa, với lại, con không muốn người nhà họ tưởng lầm rằng con kiếm cớ để trốn việc. »

— Tuyết-Hoa chỉ nói bậy thôi, ai là người lại đi nghĩ như vậy? »

— Thưa mợ, con biết, mợ thì mợ thương con, không khi nào mợ nỡ tưởng như vậy, nhưng, ở nhà nầy, nhất định có kẻ họ ghét con và chỉ tìm dịp để gieo tiếng ác cho con. » Tuyết-Hoa đáp như thế.

« Tôi thì tôi bảo, chị nên nằm mà nghỉ... nhưng nếu chị không ưng thì tôi bảo thế nầy nhá, chị cứ ngồi yên đây, tôi bảo nó đem lạc sang cho chị bóc, trong khi đợi cho hỏa lò cháy đỏ. » Man-Ni dỗ chị như thế.

Cái hỏa lò to đã được để ngay ở giữa buồng, Tiểu-Lạc ngồi quạt. Ở dưới nhà bếp, họ nghe thấy nói Diêu tiểu-thư đương nấu chè lạc để tổ-mẫu xơi, thì họ thì thầm với nhau và cười khúc kha, khúc khích.

Phượng-Nhi coi bộ bết sức đon đả giúp việc cho Mộc-Lan. Man-Ni nói riêng với Mộc-Lan rằng: « Quái lạ thật! Mộc-Lan quả có tài chỉ huy... đối với Mộc-Lan thì nó sốt sắng, đon đả như vậy... chứ, thiệt tình, mẫu thân chị với chị, ít khi dám sai nó, đấy nhá! »

« Mỗi người có một tính cách khác, ta phải khéo mà dùng cho đúng chỗ, thì vừa được việc, vừa nhẹ thân chị ạ... Em dám chắc, có một ngày kia, ở đây, Phượng-Nhi sẽ được việc cho mà xem... »

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG XII

Đính chính

Trong bài « Chúng ta đã mất quá nhiều... » của ô. Đoàn-Thêm đăng trên Bách-khoa số 45 đã in lầm những chữ sao đây, trân trọng mong các bạn đọc sửa giúp lại cho:

— Trang 30 cột 1 dòng 31:
« Phong trào quá khích đã bồng bột »
xin sửa lại là:
« Phong trào quá khích đỡ bồng bột »

— Trang 30 cột 2 dòng 15:
« Một mất hai còn, cho dạ sắt »
xin sửa lại là:
« Một mất hai còn trơ dạ sắt »

— Trong bài « Kí-sanh con trai Vương-Quế-Am » đăng trong Bách-khoa số 45, trang 72 cột 2, dòng 4 xin các bạn sửa giùm: ... cha là Quế-Am có người em gái tên gọi Nhị-Nương

HỘP THƠ BÁCH KHOA

— **Những bài đã nhận được**: Hồ gươm (Phạm-Ngọc-Nhiễm) Vì sao Khổng-Minh tha Tào (Văn-Hai) Lại chữ Trung — Vai trò Thúc-Sinh trong truyện Kiều (Thế-Quang) Lũ châu của tôi (Nguyễn-Văn-Xung) Chuyện vui về ngữ học (Nguyễn-Văn-Xứng, Cần-thơ) Gió mới (Xuân Thảo) Hàn Tín và Montgomery gặp nhau trên chiến lược (T.t. Ly-Ba-Pham).

Tất cả những bài trên đây, chúng tôi đương xem; sẽ xin trả lời lần lần trên mục Hộp-thư này.

Ô. Nguyễn - Thiếu - Nguyên : (*Đà-lạt*). Chúng tôi đã nhận được thư và bài khảo luận của ông. Trân trọng xin ông cho biết bài này ông đã viết hay ông dịch hoặc tham khảo ở một số tài liệu nào.

Ô. W. Tùng-Vũ (*Đơn-dương*): Đã nhận được thư của ông. Chúng tôi sẽ cố gắng để có thể, trong một ngày gần đây, có một mục thường xuyên như trong thư ông đề nghị, « Mộng-nguyên-Trinh » và « Thu » sáo quá, rất tiếc không đăng được.

Ô. Thân-Văn-Tường: Chúng tôi nhận được bài « Tư tưởng hiện đại Âu-châu » đã lâu, và đã có thư mời ông lại chơi, mà không được gặp. Đề tài trên đây rộng lớn quá, mà có lẽ vì Ông muốn trình bày bốn trào lưu tư tưởng thực cô đọng, lại phải dùng nhiều danh từ triết học, nên e rằng người đọc cứ mỗi đoạn lại phải ngừng lại để suy ngẫm, tất dễ nản mà khó lòng theo dõi được lập luận của tác giả nữa.

Thùy-Song-Thanh (*Chợ-lớn*) : Xin cho biết tên thực và địa chỉ để tiện gửi báo. Có thể đăng được bài : « Bên Máng Cỏ » vào số lễ Giáng-Sinh. Xin cứ gửi thêm các sáng tác khác nữa.

Cụ Ưng-Trình (*Huế*): Đã nhận được « Khổng-Giáo ». Chúng tôi sẽ xin đăng trong những số tới, nhưng nhan đề là « Khổng giáo » sợ rằng bao quát quá và không sát với nội dung của bài chăng ?

T.t. Quý-Hoa (Saigon) : Xin gửi cho các bài khác nữa. Chúng tôi sẽ gửi báo lại địa chỉ ghi trong thư.

Ô. Huỳnh-Đức-Quang : Về bài « Sửa đổi phương pháp giáo dục ban Trung Học » chúng tôi nghĩ rằng : những giai đoạn tiến triển của tâm hồn trẻ Âu-châu chưa chắc đã đúng hẳn với thanh thiếu niên Việt-Nam, bởi vậy có lẽ không thể căn cứ vào đó mà đề ra một phương pháp giáo dục được.

Một số lớn sinh viên và học sinh V.N. xưa nay, do hoàn cảnh bắt buộc, cũng vẫn phải vừa học vừa dạy, vừa học vừa bán báo v.v... bởi vậy thiết tưởng chủ trương trường « tự túc » (Self help) như bên Mỹ thực ra cũng không phải mới lạ đối với giới sinh viên học sinh của ta hiện nay.

Ô. L. G. P. T. (*Huế*) Bài « Thân thế và sự nghiệp Beethoven » nếu ông dịch ở sách báo nào, xin ông cho biết, để chúng tôi ghi lại cho độc giả tham khảo thêm. Người đọc muốn biết sự tiến triển và tài năng, về sự nghiệp, của Beethoven thế nào, mà trong bài thường chỉ nêu lên, những sự việc đó đã xảy ra trong đời Beethoven thôi. (Thí dụ : năm 17 tuổi tại sao Beethoven lại trở thành nhạc sĩ của triều đình ?)

— **Những bài không đăng** : Nhân vị của đức Ki-tô (V. T.) Khoa học với con sao Bethléem.— Đến xứ của Giê-Su (T. T. L.). Mùa sóng gió (Thiều-Du) Ngôi mộ hương lòng — Lặng lẽ (Thanh-Vũ).

Đón coi: BÁCH-KHOA SỐ LỄ GIÁNG-SINH

phát hành ngày 24 tháng 12 năm 1958

HỘP THƠ

Bạn **Tiêu-Như-Thạch.**— *B. D.*— Ai ngờ đâu chuyện thầy cò « Thanh niên » với chữ « *1 bận đồ sọt* » 15 năm về trước nay lại làm bạn nhìn cách viết biệt hiệu của tôi trên báo « Bách-Khoa » mà đoán đúng người bạn cũ một thời. Mừng biết mấy khi biết bạn còn sống và ở chẳng xa tôi và anh B.N.L. Mong được biết địa chỉ riêng.

NGUIỄN-NGU-Í

✶

CẦN MUA LẠI:

Những sách cũ: « Ông Ký Cóp, Kinh-Kha » do nhà Hàn-Thuyên xuất bản, « Lệ Chi Viên » do Đại-La xuất bản, « Kim Tiền » (đăng trong báo Ngày Nay từ số 103 ngày 27-3-1930).

Xin liên lạc với ông Vi-Huyền-Đắc tại trụ sở Việt-Nam P.E.N (Nhóm Bút Việt), 157 đường Phan-Đình-Phùng, Sàigòn.

✶

Bác-sỹ Nguyễn-Trần-Huân muốn mua lại toàn tập:

Tri Tân — Thanh Nghị — Trung Bắc chủ nhật.

Bạn nào có xin viết thư thương lượng tại tòa soạn Bách-khoa 160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn.

CẦN MƯỢN:

I.— Chúng tôi cần có một vài bức ảnh đền Hùng, mộ Tổ, để minh họa bài « *Dòng vua dựng nước ta là Hùng-vương hay Lạc-vương ?* »; bạn nào có sẵn hoặc biết sách nào báo nào hay ai có, xin cho chúng tôi mượn hoặc cho chúng tôi biết, chúng tôi xin cảm tạ.

PHẠM-HOÀN-MĨ

(nhờ tòa soạn Bách-Khoa chuyển giao giùm)

II.— Và những bạn nào còn giữ « *Tiểu thuyết thứ bảy* » có đăng tiểu thuyết « *Trúng số độc đắc* » của Vũ-Trọng-Phụng, hoặc trọn truyện, hoặc một phần (về điểm sau này, xin nói rõ báo số mấy) cùng tiểu thuyết lịch sử « *Nam cực tinh huy* » của Hồ-Biểu-Chánh, xin cho chúng tôi biết để thương lượng mượn sao lại, hoặc mua, tùy các bạn. Xin gởi về:

NGUIỄN-NGU-Í

(nhờ tòa-soạn Bách-Khoa chuyển giao)

Cùng các bạn gửi bài: Các bài đăng trên Bách-Khoa: **Số Kỷ niệm đệ-nhị chu-niên** (15-1-59) và số Tết, xin gửi đến tòa soạn Bách-Khoa trước ngày 15-12-58.

CHÚ Ý

TÒA SOẠN BÁCH-KHOA ĐỔI ĐỊA CHỈ

Chúng tôi đã dời tòa soạn Bách-Khoa từ ngày 1-9-1958, lại **160, Phan-đình-Phùng Saigon** hộp thư số 339.

Vậy yêu cầu các bạn có bài vở hoặc các độc giả có thư từ, bưu phiếu muốn liên lạc với tòa báo xin gửi tới địa chỉ nói trên.

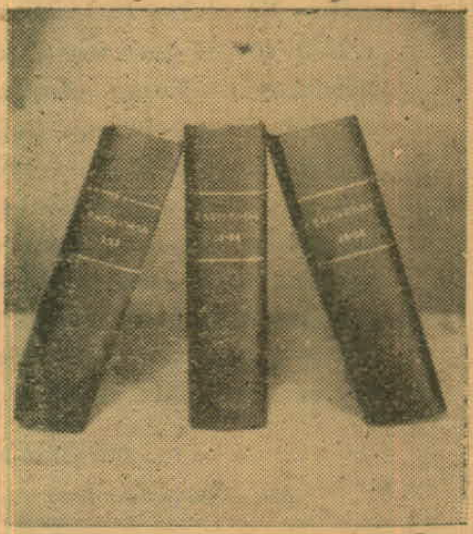
B. K.

BÁCH KHOA ĐÓNG THÀNH TẬP

— Bách-Khoa đã đóng thành từng tập 12 số, bìa dày (carton) gáy chữ vàng, rất mỹ thuật, giá phổ thông mỗi tập 105$. Tập I : từ số 1 đến 12, Tập II : từ số 13 đến 24, Tập III : từ số 25 đến 36.

Ở xa xin gửi thêm cước phí bảo đảm 45$ ba tập.

Số sách đóng thành tập có hạn, xin gửi mua ngay kẻo hết.



✶ MỘT BỘ SÁCH QUÝ TRONG TỦ SÁCH GIA ĐÌNH.

✶ MỘT TẶNG PHẨM TRANG NHÃ.

— Bách-Khoa đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 1 đến số 24. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0$50, chúng tôi sẽ gửi đến biếu các bạn.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

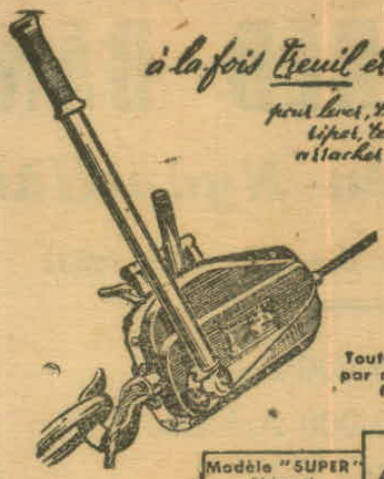
Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



à la fois treuil et palan!

pour tirer, hisser, lever, tendre, attacher etc...

6 avantages du TIRFOR

1) Portatif.
2) Mise en batterie rapide.
3) Course de câble illimitée.
4) Toutes orientations et positions.
5) Précision millimétrique de manœuvre.
6) Sécurité : organes essentiels doublés

Toutes forces par mouflage facile

Modèle "SUPER" (Universel) Force : 1.500 kgs Poids : 16 kgs



Modèle "MINES" (Traction seule) Forces : 1500 et 3000 kgs Poids : 18 et 21 kgs

Le Tirfor rend 1000 services! Demandez-nous la brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sàigòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Giáo-Dục Phổ-Thông

Bán nguyệt-san xuất bản vào những ngày mồng 1 và 15 mỗi tháng

Chủ nhiệm : PHẠM-QUANG-LỘC

với 3 đặc-điểm

— *Tài-liệu chính-xác và độc-đáo về văn-học bổ ích chung cho những ai tha thiết đến vấn đề văn-học nước nhà.*

— *Biên-khảo công phu về âm-nhạc, khoa-học, luật-học cần yếu.*

— *Sáng-tác hấp-dẫn lành-mạnh.*

Bộ Biên Tập

— Bình-Nguyên-Lộc
— Châu-Hải-Kỳ
— Giang-Tân
— Hoài-Khanh
— Huy-Sơn
— Kiêm-Đạt
— Kim-Tuấn
— Lê-Thành-Nhân
— Nguiễn-Ngu-Í
— Nguyễn-Hiền
— Nguyễn-Trường-Sơn
— Nguyễn-Văn-Thanh
— Phạm-Quang-Lộc
— Phùng-Bá-Khanh
— Thái-Bạch
— Võ-Liệu
— Vũ-Anh-Tuấn
— Vũ-Đăng

Giá mỗi số : 8$
Sáu tháng (12 số) : 90$
Một năm (24 số) : 180$

— Thư từ, bài vở xin gửi về :
Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kế — Saigon

— Tiền bạc, ngân phiếu, xin đề tên : **Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.**

HÃY ĐÓN ĐỌC :

« NHÂN-LOẠI »

- **Tập san khảo cứu và văn nghệ.**
- **Cơ quan phát huy văn hóa dân tộc.**
- **Nơi tập trung những học giả, văn nhân, thi sĩ, ký giả có uy tín.**

— *Nguyễn-Đăng-Thục, Vương-Hồng-Sển, Nguyễn-Văn-Đính, Bình-Nguyên-Lộc, Tam-Ích, Thiên-Giang, Hoàng-Thu-Đông, Nguyễn-Thành-Châu, Phạm-Kim-Tương, Thầm-Thệ-Hà, Nguiễn-Ngu-Í, Lưu-Nghi, Ngọc-Sơn, Sơn-Nam, Giang-Tân, Kiêm-Minh, Kiên-Giang, Đằng-Nhâm, Cac-Hữu-Huấn, Khổng-Nghi, Hà-Liên-Tử, Nguyễn-Chánh-Sắt, Phong-Sơn, Ngọc-Linh...*

Tòa soạn và Ty Quản lý :

316, Bến Chương-Dương — SÀIGÒN

☆

Thư từ, bưu phiếu, bài vở, xin gởi về :

Ô. HUỲNH-VĂN-LỢI *Quản lý báo « NHÂN-LOẠI »*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

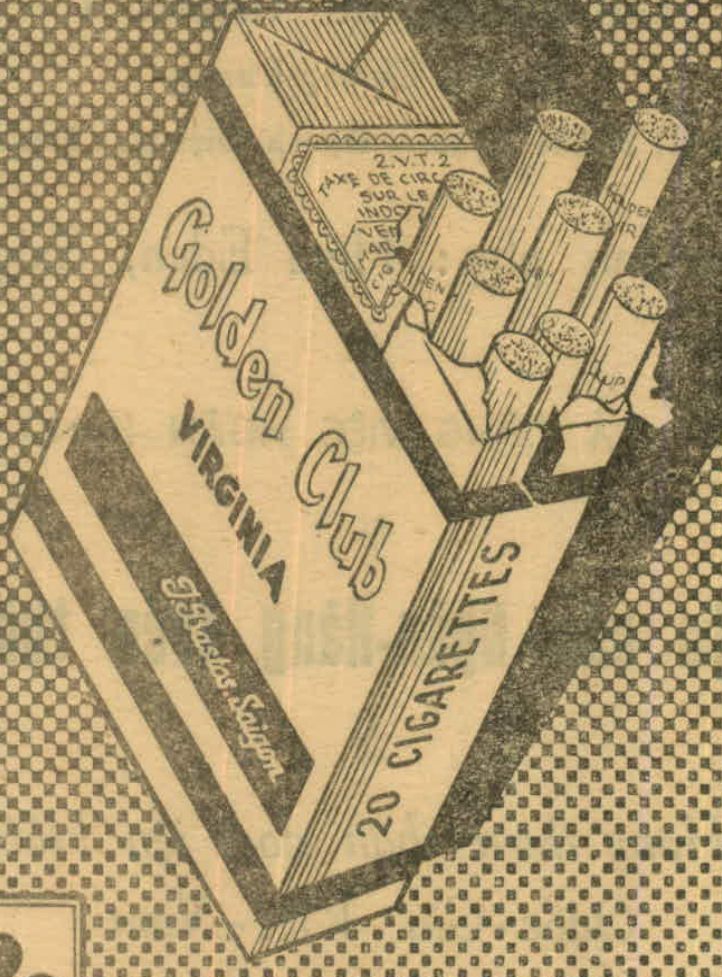
☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

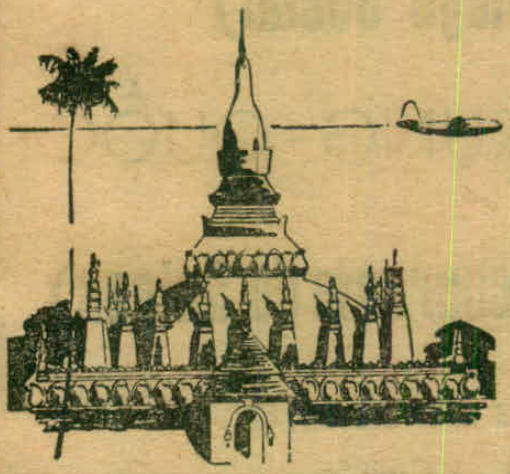
Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

VIENTIANE SAIGON VIENTIANE
QUADRIMOTEUR
BOEING STRATOLINER
DIMANCHE — VOL DIRECT
MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO

ສາຍການບິນ AIR LAOS



VIENTIANE

BANGKOK	HONGKONG
PHNOMPENH	SIEMREAP
PHONGSAVANH	LUANGPRABANG
LUONGNAMTHA	MUONGSING
THAKHEK	SAMNEUA

AIRLAOS
Renseignements & Reservations
65, Rue Lê-Thanh-Tôn -:- SAIGON
Tél. 22102 et Cardi 34



Dùng Hộp Quẹt BLUE BIRD
là
phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)
346, Bến Vân-Đồn
Đ. Thoại 21.950
Đ. Tín Forestière

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

Compagnie Générale de Commerce
(L. RONDON & C° LTD)

30-32, Đường Pasteur
– SAIGON –

Tél. : 21.081/82 B.P. 318

★

Son service

MATÉRIEL AGRICOLE, GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à Chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçeuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois

★

Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Rhum NEGRITA
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY PRAT	Vermouth	FOUR ROSES	Bourbon

★

COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les Deux Béliers»
CHIRIS	Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses AVENIR ETOILE

J. THIRIEZ PÈRE & FILS & CARTIER BRESSON :
Fil à Coudre, à Broder et à Tricoter

★

DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC

« MÉLIA »

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

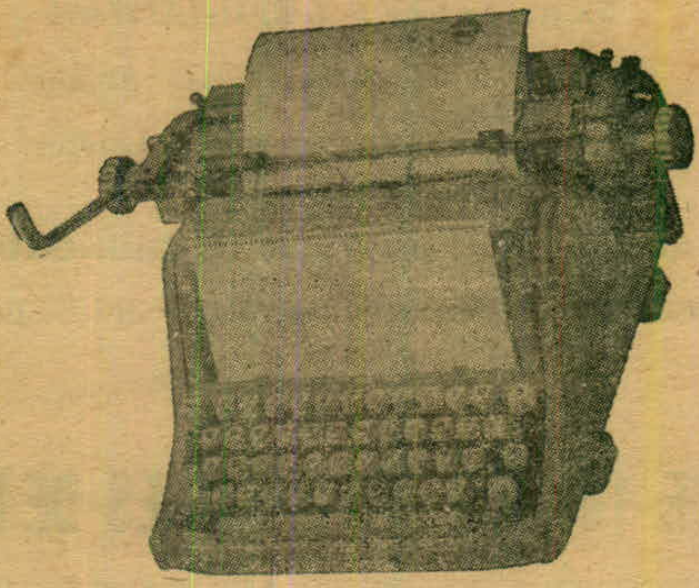
NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CUA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU **« HERMÈS »**



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821



BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SOCIÉTÉ

PACHOD FRÈRES ET C^ie D'I.C.

12 à 22, Đại-lộ Hàm-Nghi

SAIGON

*

COMMISSION IMPORTATION

– FOLLIS – ENGLEBERT
– FLECHET–VELOCETTE
– SACHS–UNION
– OSNABRUCKER DRAHTWERK



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân THẦN-NÔNG
Quí Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGLIASTRO & C^ie S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON

☆

Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON
135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH
26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex Doudart de Lagrée)
Téléphone : 385 et 543
B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama(Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon
Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của
MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Cha

SHELL

Để dùng vào

KỸ-NGHỆ

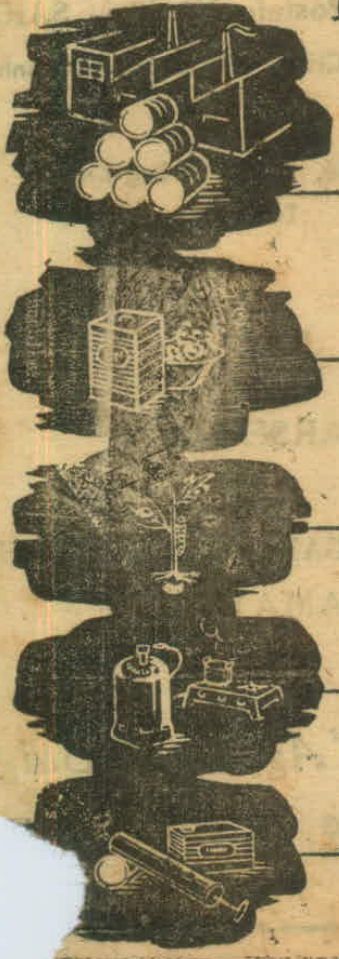
NÔNG-NGHIỆP

và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

Quý Ngài những hoá-phẩm do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn, Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá-học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin, Aldrin, Endrin, trừ các loài sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để đun bếp vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BACHKHOABACHKHOABACHKHOA

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

TÒA SOẠN :
160, Phan-đình-Phùng — Saigon
Giây nói : Sg. 342

Nhà Sách KH

GIÁ : 10$00



Đôi hàng cám ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.